

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHONG THỦY

1.1. KHÁI NIỆM PHONG THỦY

1.1.1. Phong thủy là gì

Phong thủy tức là Nước và Gió, là sự ảnh hưởng của vũ trụ, địa lý, môi trường, cảnh quan đến đời sống họa phúc của con người. Là sự ảnh hưởng của hướng gió, khí, mạch nước đến mỗi con người và sự vật.

Phong thủy không phải là yếu tố đơn lẻ mà là tổng hợp hàng loạt yếu tố về địa hình, địa thế xung quanh nhà ở, thôn xóm, thành phố hoặc mồ mả, hướng gió, dòng nước cùng tọa hướng, hình dạng, bố cục mặt bằng không gian xây dựng. Phong thủy liên quan đến cát hung, họa phúc, thọ yếu, sự cùng thông của nhân sự. Cát tức là phong thủy hợp, hung tức là phong thủy không hợp.

Phong thủy có vai trò rất to lớn, tuy nhiên nó chỉ hỗ trợ, có tác dụng cải biến chứ không thể làm thay đổi hoàn toàn mệnh vận. Vì vậy người ta nói:

Nhất Vận, nhì Mệnh, tam Phong thủy, tứ Gia tiên, ngũ Đền sách

1.1.2. Phong thủy học là gì

Phong thủy học thực tế là địa lý học, sinh thái học, cảnh quan học, tâm lý học, mỹ thuật học... là bộ sách lí luận cổ đại về kiến trúc, quy hoạch và thiết kế. Trên thực tế Phong thủy học chính là môn khoa học tự nhiên tổng hợp nhiều ngành như địa lý, địa chất, khí tượng học, cảnh quan học, kiến trúc học, sinh thái học và nhân thể học. Tôn chỉ của nó là khảo sát, tìm hiểu kỹ càng về môi trường tự nhiên, thuận theo tự nhiên, sử dụng và cải tạo tự nhiên hợp lý, tạo ra môi trường sinh sống tốt, được thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Theo Phong thủy học, địa thế và môi trường xung quanh nhà ở có ý nghĩa quyết định đến sinh hoạt đời sống của một gia đình. Địa thế và môi trường khác nhau sẽ mang lại những ảnh hưởng khác nhau.

Theo từ điển Hán Việt thì phong là gió, thủy là nước. Phần lớn chỉ quan niệm đơn giản cho rằng: Phong thủy là một khoa chuyên nguyên cứu về quan hệ giữa gió và nước và ảnh hưởng của nó đối với đời sống con người. Nhưng nếu chỉ hiểu như vậy thì quả là chưa đánh giá đúng cái chân giá trị và vai trò của Phong thủy trong đời sống con người.

1.1.3. Lịch sử của khoa học Phong thủy

Lịch sử hình thành các dân tộc phương Đông có khoảng trên dưới năm ngàn năm thì cũng gần hết chiều dài lịch sử đó đã thấy có sự xuất hiện của Khoa học Phong thủy. Những văn bản cổ xưa nhất đã ghi dấu lại bằng giáp cốt văn (Chữ nòng nọc – Khoa đầu) sau khi giải mã đã cho thấy rõ điều này. Các thành ngữ trong dân gian như: “Chọn đất mà ở” (trạch địa nhi cư), “Gần nước hướng về mặt trời” (cận thủy hướng dương) cho thấy các quan niệm chọn đất có phương pháp đã phổ biến rộng rãi trong tư tưởng mọi người. Điều này chỉ ra rằng: Đã có một hệ thống tư

tướng định hướng cho dân cư cổ đại trong việc chọn địa bàn sinh sống khi thời kì quần cư bắt đầu. Dấu vết này cũng có thể nhận thấy trong Kinh thi là tập hợp ca dao tục ngữ cổ, tương truyền do Khổng Tử biên tập lại. Những sách vở được coi là vào thời kì Thương, Chu các địa danh đã có sự phân định khá chi tiết như đồi, núi, gò, đồng chỉ những khu vực địa hình cao so với sông, suối, lạch, ngòi là những từ để mô tả những khu vực thấp trũng mang nước. Chứng tỏ con người thời kì này đã ý thức rất rõ về sự khác biệt giữa hình thể và tác dụng của nó ảnh hưởng thế nào đối với con người. Ngoài ra sử sách khi nói về sự kiện xe chỉ hướng Nam có từ thời thượng cổ cũng chỉ ra được thành tựu của con người trong việc định phương hướng địa bàn. Truyền thống ứng dụng phong thủy của nền văn hiến Việt cũng được nhắc nhở tới từ thời Hùng Vương dựng nước: Trong những câu chuyện truyền miệng của các cụ già ở đất Phong châu xưa, sự kiện Vua Hùng tìm đất đóng đô dựng nước, Đức Vua Thái Tổ Lý Công Uẩn với Chiêu dời đô lịch sử... vẫn luôn được nhắc đến với đầy lòng trân trọng và sự tự hào. Nhà nghiên cứu Phan Kế Bính cũng đã sưu tầm và biên soạn truyền thuyết này vào trong cuốn Nghìn xưa văn hiến do nhà xuất bản Thanh niên phát hành năm 1999. Như vậy có thể nói Phong thủy tồn tại song hành với lịch sử phát triển trải hàng nghìn năm. Tính hiệu quả của phong thủy trong xã hội Đông phương là không thể phủ nhận. Phong thủy đã có những đóng góp không nhỏ trong sự phát triển của các quốc gia Phương Đông, có tính tích cực như góp phần hoạch định những khu Kinh thành sầm uất náo nhiệt, kiến tạo nên những cung điện nguy nga, khiến Tây phương cũng phải ngưỡng mộ. Nhưng trong một số không ít các trường hợp do cách giải thích của những người làm nghề phong thủy vì mục đích vụ lợi hay do thiếu hiểu biết khiến Phong thủy được hiểu như là một môn khoa học thần bí và bị ngộ nhận là bùa mê, thuốc lú làm tiền người dân, mê muội một bộ phận dân chúng, gây những nghi ngờ không đáng có đối với bộ môn này.

Đã có thời gian Phong thủy được đánh đồng với tôn giáo. Thậm chí bị coi là nhảm nhí, là mê tín dị đoan cũng chính do cách giải thích thiếu hiểu biết của chính các thầy Phong thủy, muốn thần thánh hoá, làm thần bí phức tạp thêm trong con mắt của gia chủ nhằm trục lợi cho bản thân. Trong bài viết này người viết xin đưa ra những luận điểm của mình với hy vọng đóng góp vào việc đưa môn Phong thủy dưới góc độ khoa học nhằm tránh sự hiểu nhầm sai lạc dễ đánh đồng một môn Khoa học cổ truyền với tôn giáo hay với mê tín dị đoan. Ngày nay, phong thủy đã được coi là một đối tượng nghiên cứu khoa học. Nhiều nước tiên tiến trên thế giới đã có những cơ quan nghiên cứu về phong thủy. Các nhà khoa học nghiên cứu về phong thủy nhận thấy rằng: Nếu chúng ta loại bỏ những cách giải thích rời rạc, bí ẩn về những khái niệm trong phong thủy thì những phương pháp ứng dụng trên thực tế của phong thủy hoàn toàn mang tính khách quan, tính quy luật, tính nhất quán và khả năng tiên tri. Đây là những yếu tố thỏa mãn tiêu chí khoa học cho một phương pháp khoa học.

Căn cứ vào những tiêu chí này, có thể khẳng định rằng: Phong thủy là một phương pháp khoa học, hoàn toàn không mang tính tín ngưỡng hoặc mê tín dị đoan. Phong thủy là hệ quả của một tri thức nghiên cứu về các qui luật tương tác của thiên

nhiên, môi trường và là phương pháp thay đổi chỉnh sửa những hiệu ứng tương tác của môi trường lên cuộc sống của con người.

Vấn đề còn lại là chúng ta cần phải tiếp tục coi phong thủy như là một đối tượng khoa học để khám phá những thực tại được thể hiện qua những khái niệm ngôn ngữ cổ trong phương pháp luận của phong thủy.

1.2. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA PHONG THỦY

1.2.1. Khí

Khí là một khái niệm rất trừu tượng. Thuyết duy vật cho rằng khí là nguyên tố cấu thành thế giới bản nguyên. Thuyết duy tâm cho rằng khí là vật phái sinh của tinh thần. Các nhà hiền triết thì cho rằng khí tồn tại ở mọi nơi, khí tạo nên vạn vật, khí luôn vận động biến hóa.

Trong thuật Phong thủy, khí là một khái niệm phổ biến và quan trọng. Khí có sinh khí, tử khí, âm khí, dương khí, thổ khí, địa khí, thừa khí, tụt khí, nạp khí, khí mạch, khí mẫu... Khí là nguồn gốc của vạn vật, khí biến hóa vô cùng, khí quyết định họa phúc con người.

Nhìn một cách tổng quát, sinh khí là khí của nhất nguyên vận hóa, ở trên trời thì lưu chuyển xung quanh lục hư, ở dưới đất thì sinh ra vạn vật. Dù là âm trạch hay dương trạch đều phải chú ý thịnh sinh khí, tránh tử khí.

Khí là một dạng tồn tại của vật chất, được hình thành bởi sự tương tác của các vật thể và chịu sự chi phối bởi sự tồn tại của các vật thể, đồng thời tác động lên các vật thể ấy. Sự vận động của khí được định hình tùy theo vị trí các vật thể tương tác.

Đặc điểm quan trọng là khí có tính linh hoạt trong vận động, chịu ảnh hưởng của cấu trúc môi trường và vật dẫn từ vi mô đến vĩ mô. Khí cũng có thể phân làm nhiều loại theo phương pháp luận của thuyết Âm dương ngũ hành, trong đó sự phân loại có tính khái quát nhất là Dương khí và Âm khí. Khí thường gặp nhất trong phong thủy là Dương khí. Dương khí vận động trên mặt đất, chịu ảnh hưởng và ảnh hưởng trực tiếp đến các vật thể trên mặt đất, đặc biệt là vật thể sống.

Theo sách cổ để lại, khí gặp gió thì tán, nghĩa là “Khí” nhẹ, lẫn vào không khí nên bị gió cuốn đi. Nếu gió nhẹ vừa phải sẽ có tác dụng dẫn khí lưu thông, được coi là tốt. Còn gió mạnh làm tán khí, mất khí lại là không tốt. Sách cũng ghi “Khí” gặp nước thì dừng. Thường thì khí trong tự nhiên vận động dựa theo sức mang của không khí, khi gặp vật cản sẽ đổi hướng theo dòng khí. Khí gặp nước thì dừng nghĩa là nước có khả năng giữ khí lại, khái niệm chuyên môn của phong thủy là “Tụ khí”. Hay nói một cách mang tính hình tượng hơn là nước có khả năng hút khí, hòa tan khí. Nước chảy chậm rãi, có chỗ dừng là rất tốt vì mang được khí tươi mới đến và lưu lại ở đó. Đó là nguyên nhân để các chuyên gia phong thủy nhìn dòng nước chảy để dự đoán khí vận trong lòng đất mà từ chuyên môn gọi là “Long mạch”. Tính chất của khí sẽ khác nhau tùy theo sự tụ thủy, sức chảy mạnh yếu trong lưu thông của dòng nước.... “Khí” cần lưu động nhẹ nhàng, bình ổn mới có tác dụng tương tác tốt. Dòng chảy hỗn tạp, chảy rối, dòng xoáy hay các dạng dòng chảy hẹp, vòi phun, dòng xung kích đều không tốt, gây nguy hiểm.

Chúng ta có thể hình dung tính chất thủy khí động học của “Khí phong thủy” gần giống của nước, trừ tác dụng của trọng lực. Dòng nước chảy xiết, nước xoáy mạnh cũng tạo ra xung khí, tạp khí. Nếu dòng nước bản thủ, hồi hám thì khí cũng sẽ bị uế tạp, không còn mang được năng lượng sống cho con người nữa.

Tại sao mình đường lại cần tụ thủy? Ta thấy rằng mình đường là nơi nạp khí cho cả căn nhà. Khí tụ ở mình đường là một trong các điều kiện quan trọng để đảm bảo cho ngôi nhà được vượng khí. Vì “Khí” có khả năng tụ trong nước nên thủy tụ ở mình đường sẽ giúp khí tụ. Để tăng cường khả năng hấp thụ khí ta có thể làm đài phun nước tuần hoàn. Các hạt nước nhỏ phun lên làm tăng diện tích tiếp xúc với khí, giúp tụ được nhiều khí hơn.

Tại sao kiêng kỵ đường đi, dòng sông, suối đâm vào nhà? Khí chuyển động dọc theo đường đi, sông suối tạo thành một dòng khí hẹp có tốc độ chuyển động lớn. Theo quán tính dòng khí này giống như luồng nước ra khỏi vòi phun nước cứu hỏa bắn mạnh về phía trước. Xung lực của dòng khí này càng mạnh khi đường càng đông người qua lại với tốc độ cao (xe cơ giới) hoặc sông suối chảy xiết, càng trở nên nguy hiểm. Tương tự như vậy khe hẹp giữa hai nhà cao tầng cũng làm tăng tốc xung khí khi có gió thổi qua và gây nguy hiểm. Để ý rằng “Khí” có độ nhớt động học rất thấp và ít chịu tác động của trọng lực nên xung khí tạo ra có thể phóng đi rất xa, nên ta có thể không cảm nhận thấy tác động của gió qua khe hẹp nhưng vẫn bị ảnh hưởng bởi xung khí.

1.2.2. Âm dương Ngũ hành

Âm dương:

Âm và dương theo khái niệm cổ sơ không phải là vật chất cụ thể, không gian cụ thể mà là thuộc tính của mọi hiện tượng, mọi sự vật trong toàn vũ trụ cũng như trong từng tế bào, từng chi tiết. Âm và dương là hai mặt đối lập, mâu thuẫn thống nhất, trong dương có mầm mống của âm và ngược lại.

Căn cứ nhận xét lâu đời về giới thiệu tự nhiên, người xưa đã nhận xét thấy sự biến hoá không ngừng của sự vật (Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái. Lưỡng nghi là âm và dương, tứ tượng là thái âm, thái dương, thiếu âm và thiếu dương. Bát quái là càn, khảm,坎, chấn, tốn, ly, khôn và đoài).

Người ta còn nhận xét thấy rằng cơ cấu của sự biến hoá không ngừng đó là ức chế lẫn nhau, giúp đỡ, ảnh hưởng lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

Để biểu thị sự biến hoá không ngừng và qui luật của sự biến hoá đó, người xưa đặt ra "thuyết âm dương".

Nói chung, phạm cái gì có tính chất hoạt động, hưng phấn, tỏ rõ, ở ngoài, hướng lên, vô hình, nóng rực, sáng chói, rắn chắc, tích cực...đều thuộc dương. Tất cả những cái gì trầm tĩnh, ức chế, mờ tối, ở trong, hướng xuống, lùi lại, hữu hình, lạnh lẽo, đen tối, nhu nhược, tiêu cực...đều thuộc âm.

Như chúng ta đã biết, trời và đất, ngày và đêm, sáng và tối, phải và trái, âm và dương...hoàn toàn tương phản nhưng lại có quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Thuyết Kinh

Dịch có viết: “Thiên địa giao cảm, nhi vạn vật hóa sinh” nghĩa là: Trời đất giao cảm nên vạn vật hóa sinh. Tức là chỉ hai khí âm dương chi phối sự phát triển biến hóa không ngừng của vạn vật. Do đó, vũ trụ là do 2 loại khí tương phản âm - dương phối hợp với nhau tạo thành, sản sinh ra sự sống của vạn vật. Quy luật âm dương này thích hợp với mọi hiện tượng trong giới tự nhiên.

Về y học, cơ thể con người lấy phần eo làm điểm giữa, dương khí phân bố ở phần trên, âm khí ở phần dưới cơ thể, 2 khí âm dương trong cơ thể được điều hòa thì sẽ duy trì được sức khỏe. Nếu mất cân bằng âm dương thì vị trí phân bố của 2 khí âm dương sẽ thay đổi, mất thăng bằng khiến cơ thể không bình thường. Ví dụ: khi cảm thấy đầu nặng chân nhẹ, thân thể thiếu sức lực, tâm trạng u uất...thì có nghĩa là đầu bị âm khí dâng lên, làm xuất hiện các biểu hiện trên.

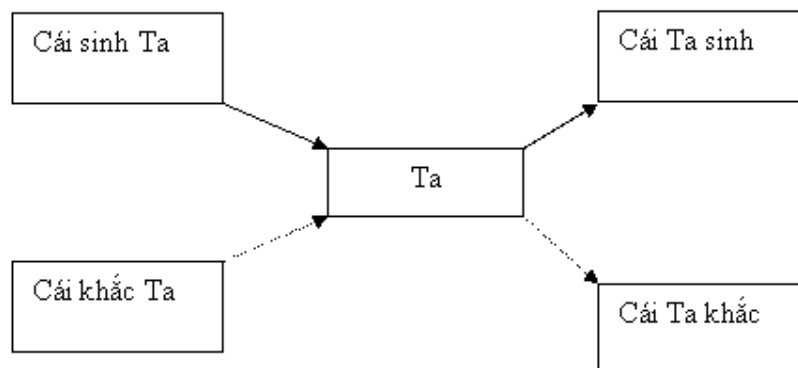
Về xây dựng nhà ở, biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa con người và môi trường thực chất là sự khôi phục sự cân bằng âm dương của môi trường sống, làm cho khí âm dương ở nơi đó được điều hòa. Tỷ lệ điều hòa lý tưởng của âm dương là Dương 6/Âm 4, dương nhiều hơn âm là tốt. Nếu tỷ lệ âm dương tương đồng thì âm dương sẽ bị loại trừ nhau.

Ngũ hành:

Học thuyết Âm dương được triển khai rộng ra thành lý luận Ngũ hành. Thực ra ngũ hành cũng chính là âm dương nhưng được nhìn ở góc độ tương tác của vật chất. Tương tác được chia làm hai loại: Sinh và khắc.

Theo thuyết duy vật cổ đại, tất cả mọi vật chất cụ thể được tạo nên trong thế giới này đều do năm yếu tố ban đầu là nước, lửa, đất, cây cỏ và kim loại. Tức năm hành thủy, hỏa, thổ, mộc, kim.

Học thuyết Ngũ hành là một học thuyết về mối quan hệ giữa các sự vật hiện tượng. Đó là một mối quan hệ “động” (vì vậy mà gọi là hành). Có hai kiểu quan hệ: Đó là Tương sinh và Tương khắc. Do đó mà có 5 vị trí (vì vậy mà gọi là ngũ).



Hình 1.1: Mối quan hệ giữa các sự vật hiện tượng

Người xưa mượn tên và hình ảnh của 5 loại vật chất để đặt tên cho 5 vị trí đó là Mộc - Hỏa - Thổ - Kim - Thủy, và gán cho chúng tính chất riêng:

+ Mộc: có tính chất động, khởi đầu (Sinh).

- + Hỏa: có tính chất nhiệt, phát triển (Trưởng).
- + Thổ: có tính chất nuôi dưỡng, sinh sản (Hóa).
- + Kim: có tính chất thu lại (Thu).
- + Thủy: có tính chất tàng chứa (Tàng).

Sau đó qui nạp mọi sự vật hiện tượng ngoài thiên nhiên lẫn trong cơ thể con người vào Ngũ hành để xét mối quan hệ Sinh - Khắc giữa các sự vật hiện tượng đó. Như vậy, học thuyết Ngũ hành chính là sự cụ thể hóa qui luật vận động chuyển hóa của mọi sự vật hiện tượng.

- Các qui luật của Ngũ hành:

+ Tương sinh (Sinh: hàm ý nuôi dưỡng, giúp đỡ): Giữa Ngũ hành có mối quan hệ nuôi dưỡng, giúp đỡ, thúc đẩy nhau để vận động không ngừng, đó là quan hệ Tương sinh. Người ta qui ước thứ tự của Ngũ hành Tương sinh như sau: Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc.



Hình 1.2: Quan hệ tương sinh, tương khắc

+ Tương khắc (Khắc hàm ý ức chế, ngăn trở): Giữa Ngũ hành có mối quan hệ ức chế nhau để giữ thế quân bình, đó là quan hệ Tương khắc. Người ta qui ước thứ tự của Ngũ hành Tương khắc như: Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc.

Mỗi yếu tố phong thủy đều có tính chất riêng (trong đó bao gồm cả màu sắc và chất liệu), và những nguyên tắc để tạo nên sự cân bằng:

- *Mộc*

Mộc tượng trưng cho mọi sinh vật. Bản chất của nó là đi lên và liên quan tới sinh khí tăng mạnh của mùa Xuân - phương Đông.

Gỗ tạo sức mạnh trong sáng tạo và sự phát triển, đại diện cho sự sinh sôi, lớn lên, linh hoạt và nhạy cảm. Quá nhiều yếu tố "Mộc" sẽ khiến bạn cảm thấy ngột ngạt, cảm giác luôn không chủ động, thiếu sáng tạo và cứng rắn quá mức. Ngược lại, yếu tố này nếu quá ít sẽ khiến bạn luôn cảm thấy thất vọng, trì trệ và mâu thuẫn trong tư tưởng.

Khi nói đến một căn phòng "Mộc" là nói đến những bó hoa tươi tắn, cây cối, hoa cỏ, những vật liệu có nguồn gốc tự nhiên như cotton chẳng hạn và tất nhiên là các đồ đạc bằng gỗ. Khi thiết kế đề cập đến yếu tố "Mộc", hãy sử dụng những hình dọc và đứng thẳng, hình khối kiểu thân cây, sự êm ái của lá cây và hoa. Màu của "Mộc" là những màu xanh lá và xanh dương.

- *Hỏa*

Bản chất là đi lên và đi ra ngoài, tương trưng cho sự bành trướng, đốt cháy và sức nóng, liên quan tới khí hoạt động của mùa Hè – phương Nam.

Sử dụng yếu tố "Hỏa" trong nội thất là cách để giúp tăng sự phấn khích. Yếu tố phong thủy này cũng được tạo ra để mang đến cảm hứng và một chút liều mạng. Khi sử dụng quá nhiều yếu tố "Hỏa" sẽ khiến người cư ngụ có cảm giác bức bối, tức giận, không kiểm soát được hành vi... ngược lại khi có quá ít, sẽ khiến mọi thứ trở nên hời hợt, thiếu cảm hứng.

Để tăng yếu tố "Hỏa" trong một căn phòng, bạn hãy bố trí nền, những ánh đèn sáng ấm áp và nếu có thể hãy để ánh sáng mặt trời xuyên vào. Bất kỳ màu sắc nào có gốc từ đỏ, hồng hay tím, các thiết bị như đồ điện tử và những bức ảnh thú vật... đều là đại diện của hành "Hỏa".

- Thổ

Bản chất là đi xuống, cảm chặt và liên quan tới khí suy giảm của cuối mùa Hè – Trung cung (ở giữa).

Yếu tố "Thổ" ảnh hưởng tới sức khỏe, tạo cảm giác yên ổn và cân bằng. Khi sử dụng quá nhiều trong không gian sống, con người sẽ rơi vào tình trạng nặng nề trong cảm xúc, buồn tẻ, uể oải. Còn ngược lại, người cư ngụ sẽ có cảm giác bối rối, hỗn loạn và không tập trung.

Yếu tố "Thổ" sẽ mang đến ngôi nhà của bạn thông qua những hình ảnh về mặt đất, phiến đá, với những gam màu như nâu, xanh hay cát, những hình khối vuông và chữ nhật, bề mặt mỏng và phẳng cùng với những bức tranh phong cảnh.

- Kim

Biểu tượng của sự kết tụ, đi vào trong, củng cố khí lực và liên quan tới thời kỳ thu hoạch của mùa Thu - phương Tây.

Yếu tố kim loại, sự minh bạch và logic là tiêu biểu của hành Kim. Sự hiện diện của vật liệu bằng kim loại trong một không gian sống sẽ cho ta cảm giác gọn gàng, ngăn nắp... Nhưng khi quá nhiều, sẽ hình thành sự vô định, không có khả năng kiểm soát bản thân. Và ngược lại, cảm giác dễ nhận thấy là sự lạnh lẽo và thiếu tập trung. Để nhận biết hành "Kim", hãy để ý đến hình tròn hay ovan, bất kỳ những yếu tố nào liên quan đến kim loại như sắt, thép, vàng, bạc hay aluminum, những viên đá, màu trắng, ghi, bạc hoặc các gam màu tông nhạt khác.

- Thủy

Biểu trưng cho chu kỳ khí trôi nổi, sự vật như ngừng nghỉ, liên quan tới sự yên nghỉ của mùa Đông - phương Bắc.

Sự cân bằng trong việc sử dụng yếu tố "Thủy" sẽ mang tới cảm giác hứng thú, sự sâu sắc trong suy nghĩ và hành động. Quá nhiều "Thủy" sẽ tạo ra một cảm giác như bị chôn vùi, nặng nề... Trong khi đó, nếu quá nhẹ nhàng, bạn sẽ hiểu thế nào là một không gian sống cô độc, cách ly...

"Thủy" trong không gian sống sẽ được thể hiện thông qua màu đen và những tông màu sẫm khác, những đồ vật có tính phản quang như gương, vật liệu có thể phản sáng... Hình dạng của "Thủy" là hình tự do, không đối xứng, nước và các yếu tố liên quan đến nước, chẳng hạn như bể cá hay những đài phun nước.

Sự phối hợp Âm dương và Ngũ hành chính là sự vận động của vạn vật trong tự nhiên và chi phối ảnh hưởng đến từng con người và vật thể.

1.2.3. Bát quái

Bát Quái sinh ra từ âm dương theo nguyên lý của dịch học là: Thái Cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái.



Hình 1.3: Vô cực đồ

Bát quái đại diện cho các hiện tượng tự nhiên và được biểu thị bởi 8 quẻ: Càn, Khôn, Chấn, Tốn, Khảm, Ly, Cấn, Đoài (Hình 1.4).

- | | |
|--------------------|-----------------|
| 1. Càn là Trời: | Phương Tây Bắc |
| 2. Khôn là Đất: | Phương Tây Nam |
| 3. Chấn là Sấm: | Phương Đông |
| 4. Tốn là Gió: | Phương Đông Nam |
| 5. Khảm là Nước: | Phương Bắc |
| 6. Ly là Lửa: | Phương Nam |
| 7. Cấn là Núi: | Phương Đông Bắc |
| 8. Đoài là Ao, Hồ: | Phương Tây |



Hình 1.4: Bát quái đồ

Hậu thiên Bát quái của Văn Vương được chia làm 8 hướng đều nhau. Dem áp đặt Hậu thiên Bát quái lên la bàn gồm 360 độ, thì mỗi hướng (hay mỗi số) sẽ chiếm 45 độ trên la bàn.

Vào thời kỳ phối phai của học thuật Phong thủy (thời nhà Chu), việc phân chia la bàn thành 8 hướng như vậy đã được kể là quá tinh vi và chính xác. Nhưng sau này, khi bộ môn Phong thủy đã có những bước tiến vượt bậc dưới thời Đường – Tống, khoảng cách 45 độ được xem là quá lớn và sai lệch quá nhiều. Để cho chính xác hơn, người ta lại chia mỗi hướng ra thành 3 sơn đều nhau, mỗi sơn chiếm 15 độ. Như vậy trên la bàn lúc này đã xuất hiện 24 sơn. Người ta lại dùng 12 Địa chi, 8 Thiên can và 4 quẻ Càn – Khôn – Cấn – Tốn mà đặt tên cho 24 sơn (Hình 1.5).

- Hướng BẮC (số 1): Gồm 3 sơn NHÂM – TÝ - QUÝ
- Hướng ĐÔNG BẮC (số 8): 3 sơn SỬU – CẤN – DẦN
- Hướng ĐÔNG (số 3): 3 sơn GIÁP – MÃO – ẤT
- Hướng ĐÔNG NAM (số 4): 3 sơn THÌN – TÓN – TỶ

- Hướng NAM (số 9): 3 sơn BÌNH – NGỌ – ĐINH
- Hướng TÂY NAM (số 2): 3 sơn MÙI – KHÔN – THÂN
- Hướng TÂY (số 7): 3 sơn CANH – DẬU – TÂN
- Hướng TÂY BẮC (số 6): 3 sơn TUẤT – CÀN – HỘI

Tất cả 24 sơn trên la bàn đều được xếp theo thứ tự từ trái sang phải theo chiều kim đồng hồ. Chẳng hạn như hướng BẮC có 3 sơn là NHÂM-TÝ-QUÝ, sơn NHÂM chiếm 15 độ phía bên trái, sơn TÝ chiếm 15 độ nơi chính giữa hướng BẮC, còn sơn QUÝ thì chiếm 15 độ phía bên phải. Tất cả các sơn khác cũng đều theo thứ tự như thế.

Mỗi sơn được xác định với số độ chính giữa như: sơn NHÂM tại 345 độ; TÝ 360 độ hay 0 độ; QUÝ 15 độ; SỬU 30 độ; CẤN 45 độ; DẦN 60 độ; GIÁP 75 độ; MÃO 90 độ; ẤT 105 độ; THÌN 120 độ; TỐN 135 độ; TỶ 150 độ; BÌNH 165 độ; NGỌ 180 độ; ĐINH 195 độ; MÙI 210 độ; KHÔN 225 độ; THÂN 240 độ; CANH 255 độ; DẬU 270 độ; TÂN 285 độ; TUẤT 300 độ; CÀN 315 độ; HỘI 330 độ.



Hình 1.5: 24 sơn, 8 hướng trên la bàn

Phần trên là tọa độ chính giữa của 24 sơn. Từ tọa độ đó người ta có thể tìm ra phạm vi của mỗi sơn chiếm đóng trên la bàn, bằng cách đi ngược sang bên trái, cũng như sang bên phải của tọa độ trung tâm, **mỗi bên là 7 độ 5** (vì phạm vi mỗi sơn chỉ có 15 độ). Chẳng hạn như hướng MÙI có tọa độ trung tâm là 210 độ. Nếu đi ngược sang bên trái 7 độ 5 (tức là trừ đi 7 độ 5) thì được 202 độ 5. Sau đó từ tọa độ trung tâm là 210 độ lại đi thuận qua phải 7 độ 5 (tức là cộng thêm 7 độ 5) thì được 217 độ 5. Như vậy phạm vi sơn MÙI sẽ bắt đầu từ 202 độ 5 và chấm dứt tại 217 độ 5 trên la bàn.

1.2.4. Huyền không phi tinh

Theo trường phái Huyền không thì mọi sự tương tác của các sự vật hiện tượng đều do Cửu tinh (9 ngôi sao) cai quản và họ dựa trên Cửu tinh để suy luận cát hung. Huyền không phái hay còn gọi là Huyền không Phi tinh là một trường phái xuất hiện từ lúc nào thì chưa thể xác định chính xác được. Theo sự ghi chép của những thư tịch cổ thì vào đời Hán, trong "Hán Thư, Văn nghệ chí" người ta thấy có mối quan hệ với các bài ca quyết của Huyền không phái được ghi chép vào khoảng đời Đường (Trung Quốc) trở về sau của các Phong thủy học.

Huyền không phi tinh dựa vào tính chất và sự di chuyển (phi tinh) của 9 sao (tức Cửu tinh hay 9 số) mà đoán định họa, phúc của từng căn nhà (đương trạch) hay

từng phần mộ (âm trạch). Cửu tinh: tức là 9 con số, từ số 1 tới số 9, với mỗi số đều có tính chất và ngũ hành riêng biệt, đại lược như sau:

Số 1: Sao Nhất Bạch hoặc Tham Lang, có những tính chất như sau:

- Về Ngũ Hành: thuộc Thủy
- Về màu sắc: thuộc màu trắng
- Về cơ thể: là thận, tai và máu huyết
- Về người: là con trai thứ trong gia đình.
- Về tính chất: nếu vượng hay đi với những sao 4, 6 thì chủ về văn tài xuất chúng, công danh, sự nghiệp thăng tiến. Nếu suy, tử thì mắc bệnh về thận và khí huyết, công danh trắc trở, bị trộm cướp hay trở thành trộm cướp.

Số 2: Sao Nhị Hắc hay Cự Môn, có những tính chất sau:

- Về Ngũ hành: thuộc Thổ.
- Về màu sắc : thuộc màu đen.
- Về cơ thể: là bụng và dạ dày.
- Về người: là mẹ hoặc vợ trong gia đình.
- Về tính chất: nếu vượng thì điền sản sung túc, phát về võ nghiệp, con cháu đông đúc. Suy thì bệnh tật liên miên, trong nhà xuất hiện quả phụ.

Số 3: Sao Tam Bích hay Lộc Tồn, có những tính chất sau:

- Về Ngũ hành: thuộc Mộc.
- Về màu sắc: thuộc màu xanh lá cây.
- Về cơ thể: mặt, vai và 2 tay.
- Về người: là con trai trưởng trong gia đình.
- Về tính chất: nếu vượng thì con trưởng phát đạt, lợi cho kinh doanh, vợ cả tốt. Nếu suy thì khắc vợ và hay bị kiện tụng, tranh chấp.

Số 4: Sao Tứ Lục hoặc Văn Xương, có những tính chất sau:

- Về Ngũ hành: thuộc Mộc.
- Về màu sắc: thuộc màu xanh dương (xanh nước biển).
- Về cơ thể: gan, đùi và 2 chân.
- Về người: là con gái trưởng trong gia đình.
- Về tính chất: nếu vượng hoặc đi với sao Nhất Bạch thì văn chương nổi tiếng, đỗ đạt cao, con gái xinh đẹp, lấy chồng giàu sang. Nếu suy, tử thì trong nhà xuất hiện người dâm dăng, phiêu bạt đó đây, bệnh về thần kinh.

Số 5: Sao Ngũ Hoàng, có những tính chất sau:

- Về Ngũ Hành: thuộc Thổ.
- Về màu sắc: thuộc màu vàng.
- Về cơ thể và con người: không.
- Về tính chất: nếu vượng thì tài lộc, nhân đinh đều phát, phú quý song toàn. Nếu suy thì chủ nhiều hung họa, bệnh tật, tai nạn, chết chóc...

Số 6: Sao Lục Bạch hoặc Vũ Khúc: có những tính chất sau:

- Về Ngũ hành: thuộc Kim.
- Về màu sắc: thuộc màu trắng, bạc.
- Về cơ thể: đầu, mũi, cổ, xương, ruột già.
- Về người: là chồng hoặc cha trong gia đình.
- Về tính chất: nếu vượng hoặc đi với sao Nhất Bạch thì công danh hiển hách, văn võ song toàn. Nếu suy thì khắc vợ, mất con, lại hay bị quan tụng, xương cốt dễ gãy.

Số 7: Sao Thất Xích hoặc Phá Quân: có những tính chất sau:

- Về Ngũ hành: thuộc Kim.
- Về màu sắc: thuộc màu đỏ.
- Về cơ thể: phổi, miệng, lưỡi.
- Về người: là con gái út trong gia đình.
- Về tính chất: nếu vượng thì hoành phát về võ nghiệp hoặc kinh doanh. Nếu suy thì bị trộm cướp hay tiểu nhân làm hại, dễ mắc tai họa về hỏa tai hay thị phi, hình ngục.

Số 8: Sao Bát Bạch hoặc Tả Phù: có những tính chất sau:

- Về Ngũ hành: thuộc Thổ.
- Về màu sắc: thuộc màu trắng.
- Về cơ thể: lưng, ngực và lá lách.
- Về người: là con trai út trong gia đình.
- Về tính chất: nếu vượng thì nhiều ruộng đất, nhà cửa, con cái hiếu thảo, tài đình đều phát. Nếu suy thì tổn thương con nhỏ, dễ bị ôn dịch.

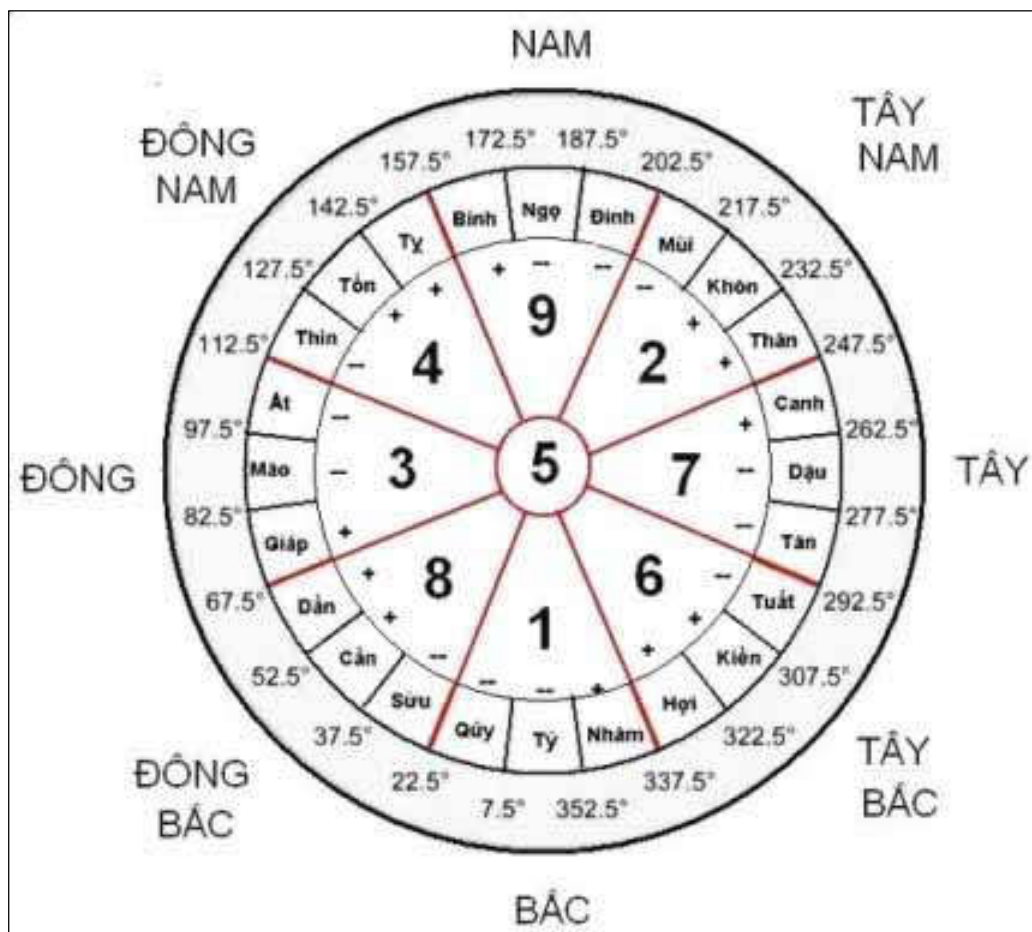
Số 9: Sao Cửu Tử hay Hữu Bật, có những tính chất sau:

- Về Ngũ hành: thuộc Hỏa.
- Về màu sắc: màu đỏ tía.
- Về cơ thể: mắt, tim, ấn đường.
- Về người: con gái thứ trong gia đình.
- Về tính chất: Nếu vượng thì nhiều văn tài, quý hiển sống lâu. Nếu suy thì bị hỏa tai, hoặc tai họa chốn quan trường, bị thổ huyết, điên loạn, đau mắt, sinh đẻ khó khăn.

Tổng luận Phi tinh:

Tương truyền vua Đại Vũ khi xưa đi trị thủy trên sông Lạc thì gặp rùa thần nổi lên, trên lưng có hình Cửu tinh. Vua Đại Vũ cho sao chép lại và gọi đó là Lạc thư. Khẩu quyết của Lạc thư là: "Đối Cửu, lý Nhất; tả Tam, hữu Thất; Nhị - Tứ vi kiên; Lục- Bát vi túc; Ngũ cư trung vị". Có nghĩa là: Trên đội 9, dưới cặp 1; bên trái 3, bên phải 7; 2 vai là 2 và 4; 2 chân là 6 và 8; còn 5 nằm chính giữa. Về sau, Lạc thư

được hoàn thiện và bố trí trên Bát quái đồ với 24 sơn, 8 hướng và Thiên nguyên long (Hình 1.6).



Hình 1.6: Phương vị gốc của Cửu tinh trong Hậu thiên bát quái và Tam nguyên long

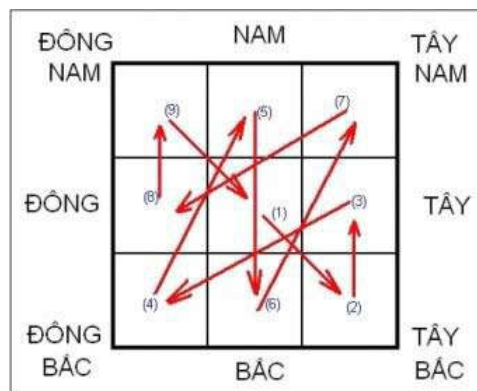
Đây chính là những phương vị "nguyên thủy" của Cửu tinh trong Lạc thư (hay Hậu thiên bát quái). Nhưng khi có những thay đổi về không gian và thời gian thì Cửu tinh cũng sẽ thay đổi hoặc di động theo 1 quỹ đạo nhất định. Quỹ đạo đó được gọi là vòng *Lượng thiên Xích*.

Lượng thiên Xích còn được gọi là "Cửu tinh đẩu quái" là thứ tự di chuyển của Cửu tinh trong Lạc thư hay Hậu thiên Bát quái. Gọi là Lượng thiên xích vì đây được coi như là 1 công cụ (Xích: cây thước; lượng: để đo lường; thiên: thiên vận). Nói một cách khác, "Lượng thiên Xích" chính là phương pháp tính toán để tìm thấy những giai đoạn cát, hung, họa phước cho dương trạch và âm trạch.

Sự di chuyển của Cửu tinh theo vòng Lượng thiên xích là dựa theo thứ tự số trong Lạc thư (hay Hậu thiên Bát quái) mà đi, bắt đầu từ chính giữa (tức trung cung) (Hình 1.7). Cho nên nếu nhìn vào thứ tự các con số trong Hậu thiên bát quái thì chúng ta sẽ thấy số 5 nằm chính giữa, nên bắt đầu từ đó đi xuống lên số 6 ở phía Tây Bắc, xong lên số 7 nơi phía Tây. Rồi vòng xuống số 8 nơi phía Đông Bắc, sau đó lại

lên số 9 nơi phía Nam. Từ 9 lại đi ngược xuống số 1 nơi phía Bắc, sau đó lên số 2 nơi phía Tây Nam, rồi quay ngược qua số 3 nơi phía Đông, sau đó đi thẳng xuống lên nơi số 4 ở phía Đông Nam, rồi trở về trung cung là hết 1 vòng. Cho nên quỹ đạo của vòng Lượng thiên xích như sau:

- (1) Từ trung cung xuống Tây Bắc.
- (2) Từ Tây Bắc lên Tây.
- (3) Từ Tây xuống Đông Bắc.
- (4) Từ Đông Bắc lên Nam.
- (5) Từ Nam xuống Bắc.
- (6) Từ Bắc lên Tây Nam.
- (7) Từ Tây Nam sang Đông.
- (8) Từ Đông lên Đông Nam.
- (9) Từ Đông Nam trở về trung cung.



Hình 1.7: Lượng thiên Xích

Đó chính là bộ pháp (cách di chuyển) của Cửu tinh. Phải biết được nó mới có thể biết cách bài bố tinh bàn cho 1 trạch vận mà luận đoán cát, hung được.

Sự vận chuyển thuận, nghịch của Cửu tinh: Tuy Cửu tinh di chuyển theo 1 quỹ đạo nhất định là từ trung cung xuống Tây Bắc, rồi từ đó lên Tây..., nhưng khi di chuyển thì chúng sẽ tạo ra 2 tình huống:

1) **Di chuyển thuận:** Theo thứ tự từ số nhỏ lên số lớn, chẳng hạn như từ 5 ở trung cung xuống 6 ở Tây Bắc, rồi lên 7 ở phía Tây, xuống 8 phía Đông Bắc....

2) **Di chuyển nghịch:** Theo thứ tự từ số lớn xuống số nhỏ, chẳng hạn như từ 5 ở trung cung xuống 4 ở Tây Bắc, lên 3 ở phía Tây, xuống 2 ở phía Đông Bắc....

Sự di chuyển thuận, nghịch của Cửu tinh là hoàn toàn dựa vào nguyên tắc phân định âm - dương của Tam nguyên long. Tam nguyên long bao gồm: Địa nguyên long, Thiên nguyên long, và Nhân nguyên long. Mỗi Nguyên bao gồm 8 sơn (hay 8 hướng), trong đó có 4 sơn dương và 4 sơn âm như sau:

- ĐỊA NGUYÊN LONG: bao gồm 8 sơn:
 - + 4 sơn dương: GIÁP, CANH, NHÂM, BÍNH.
 - + 4 sơn âm: THÌN, TUẤT, SỬU, MÙI.
- THIÊN NGUYÊN LONG: bao gồm 8 sơn:
 - + 4 sơn dương: CÀN, KHÔN, CẤN, TỐN.
 - + 4 sơn âm: TÝ, NGỌ, MÃO, DẬU.
- NHÂN NGUYÊN LONG: bao gồm 8 sơn:
 - + 4 sơn dương: DẦN, THÂN, TỶ, HỢI.
 - + 4 sơn âm: ÁT, TÂN, ĐINH, QUÝ.

Với sự phân định âm hay dương của mỗi hướng như trên, người ta có thể biết được lúc nào phi tinh sẽ đi thuận hoặc đi nghịch khi xoay chuyển chúng theo vòng Lượng thiên Xích.

Ngoài ra, nếu nhìn kỹ vào sự phân chia của Tam nguyên Long ta sẽ thấy trong mỗi hướng của Bát quái được chia thành 3 sơn, và bao gồm đủ ba Nguyên: Địa, Thiên và Nhân, theo chiều kim đồng hồ. Thí dụ như hướng Bắc được chia thành 3 sơn là Nhâm – Tý - Quý, với Nhâm thuộc Địa nguyên long, Tý thuộc Thiên nguyên long, và Quý thuộc Nhân nguyên long. Các hướng còn lại cũng đều như thế, nghĩa là Thiên nguyên long ở chính giữa, Địa nguyên long nằm bên phía tay trái, còn Nhân nguyên long thì nằm bên phía tay phải. Từ đó người ta mới phân biệt ra Thiên nguyên long là quẻ Phụ mẫu, Địa nguyên long là Nghịch tử (vì nằm bên tay trái của Thiên nguyên long tức là nghịch chiều xoay chuyển của vạn vật), còn Nhân nguyên long là Thuận tử. Trong 3 nguyên Địa – Thiên - Nhân thì Thiên và Nhân là có thể kiêm được với nhau (vì là giữa phụ mẫu và thuận tử). Còn Địa nguyên long là nghịch tử chỉ có thể đứng 1 mình, không thể kiêm phụ mẫu hay thuận tử. Nếu Địa kiêm Thiên tức là âm dương lẫn lộn (hay âm dương sai thố). Nếu Địa kiêm Nhân thì sẽ bị xuất quái.

Ví dụ: Nhà hướng Mùi 205 độ. Vì hướng Mùi bắt đầu từ 202 độ 5, nên nhà hướng 205 độ cũng vẫn nằm trong hướng Mùi, nhưng kiêm sang phía bên trái 5 độ, tức là kiêm hướng Đinh 5 độ. Vì hướng Mùi là thuộc Địa nguyên long (tức Nghịch tử), chỉ có thể lấy chính hướng (210 độ) chứ không thể kiêm, cho nên trường hợp này là bị phạm xuất quái, chủ tai họa, bất tiện. Ngược lại, nếu 1 căn nhà có hướng là 185 độ, tức là hướng Ngọ kiêm Đinh 5 độ. Vì Ngọ là quẻ Phụ mẫu, kiêm sang bên phải tức là kiêm Thuận tử nên nhà như thế vẫn tốt chứ không xấu. Đây là 1 trong những yếu tố căn bản và quan trọng của Huyền không học, cần phải biết và phân biệt rõ ràng. Có như vậy mới biết được tuy 2 nhà cùng 1 trạch vận, nhưng nhà thì làm ăn khá, mọi người sang trọng, có khí phách, còn nhà thì bình thường, con người cũng chỉ nhỏ mọn, tầm thường mà thôi. Cho nên sự quý, tiện của 1 căn nhà phần lớn là do có biết chọn đúng hướng hoặc biết kiêm hướng hay không mà ra.

Chính hướng và Kiêm hướng:

Thế nào là Chính hướng và Kiêm hướng?

Thật ra, điều này cũng không khó khăn gì cả, vì khi đo hướng nhà (hay hướng mộ) mà nếu thấy hướng nhà (hay hướng mộ đó) nằm tại tọa độ trung tâm của 1 sơn (bất kể là sơn nào) thì đều được coi là Chính hướng. Còn nếu không đúng với tọa độ tâm điểm của 1 sơn thì được coi là Kiêm hướng. Kiêm hướng lại chia ra là kiêm bên phải hoặc kiêm bên trái, rồi kiêm nhiều hay kiêm ít. Nếu kiêm bên phải hoặc kiêm bên trái thì hướng nhà không được xem là thuần khí nữa, vì đã lấn sang phạm vi của sơn bên cạnh. Nói kiêm phải hay kiêm trái là lấy tọa độ tâm điểm của mỗi sơn làm trung tâm mà tính. Chẳng hạn như sơn Mùi có tọa độ trung tâm là 210 độ. Nếu bây giờ 1 căn nhà có hướng là 215 độ thì nhà đó vẫn thuộc hướng Mùi (vì sơn Mùi bắt đầu từ khoảng 202 độ 5 và chấm dứt tại 217 độ 5), nhưng kiêm bên phải 5 độ. Nhưng trong thuật ngữ Phong thủy thì người ta lại không nói kiêm phải hoặc trái, mà lại

dùng tên của những hướng được kiêm để gọi nhập chung với hướng của ngôi nhà đó. Như trong trường hợp này là nhà hướng Mùi kiêm phải 5 độ, nhưng vì hướng bên phải của hướng hướng Mùi là hướng Khôn, nên người ta sẽ nói nhà này “hướng Mùi kiêm Khôn 5 độ” tức là kiêm sang bên phải 5 độ mà thôi.

Riêng với vấn đề kiêm nhiều hay ít thì 1 hướng nếu chỉ lệch sang bên phải hoặc bên trái khoảng 3 độ so với tọa độ tâm điểm của hướng đó thì được coi là kiêm ít, và vẫn còn giữ được thuần khí của hướng. Còn nếu lệch quá 3 độ so với trung tâm của 1 hướng thì được coi là lệch nhiều, nên khí lúc đó không thuần và coi như bị nhận nhiều tạp khí. Những trường hợp này cần được dùng Thế quái để hy vọng đem được vượng khí tới hướng nhằm biến hung thành cát mà thôi.

Tam nguyên, Cửu vận:

Khác với những trường phái Phong thủy được lưu hành từ trước tới nay như Loan đầu, Mật tông, Bát trạch... Huyền không chẳng những dựa vào địa thế và hình cục trong, ngoài, mà còn dựa vào cả yếu tố thời gian để đoán định sự vượng, suy, được, mất của âm - dương trạch.

Một căn nhà có thể được xây dựng trên một mảnh đất có địa thế tốt (hoặc xấu), nhưng không phải vì thế mà nó sẽ tốt (hay xấu) vĩnh viễn, mà tùy theo biến đổi của thời gian sẽ đang từ vượng chuyển sang suy, hay đang từ suy chuyển thành vượng. Đó là lý do giải thích tại sao có nhiều gia đình khi mới vào ở một căn nhà thì làm ăn rất khá, nhưng 5, 10 năm sau lại bắt đầu suy thoái dần. Hay có những gia đình sau bao nhiêu năm sống trong một căn nhà nghèo khổ, bỗng tới lúc con cái ăn học thành tài, gia đình đột nhiên phát hân lên... Cho nên đối với Phong thủy Huyền không thì không những chỉ là quan sát địa hình, địa vật bên ngoài, cấu trúc, thiết kế bên trong căn nhà, mà còn phải nắm vững từng mấu chốt của thời gian để đoán định từng giai đoạn lên, xuống của một trạch vận (nhà ở hay phần mộ). Nhưng thời gian là một chuyển biến vô hình, chỉ có đi, không bao giờ trở lại, thế thì lấy gì làm căn mốc để xác định thời gian? Để giải quyết vấn đề này, người xưa đã dùng cách chia thời gian ra thành từng Nguyên, Vận. Nguyên là một giai đoạn dài khoảng 60 năm hay một Lục thập Hoa giáp. Mỗi Nguyên lại được chia thành 3 vận, mỗi vận kéo dài khoảng 20 năm. Mặt khác, cổ nhân còn định ra Tam Nguyên là:

- Thượng Nguyên: bao gồm 3 vận 1, 2, 3.
- Trung Nguyên: bao gồm 3 vận 4, 5, 6.
- Hạ Nguyên: bao gồm 3 vận 7, 8, 9.

Như vậy, Tam nguyên Cửu vận tức là 3 Nguyên: Thượng, Trung, Hạ, trong đó bao gồm 9 Vận, từ Vận 1 tới Vận 9. Tổng cộng là chu kỳ 180 năm, cứ từ Vận 1 (bắt đầu vào năm Giáp Tý) đi hết 3 Nguyên (tức 9 Vận) rồi lại trở về Vận 1 Thượng Nguyên lúc ban đầu. Cứ như thế xoay chuyển không ngừng. Còn sở dĩ người xưa lại dùng chu kỳ 180 năm (tức Tam Nguyên Cửu Vận) làm mốc xoay chuyển của thời gian là vì các hành tinh trong Thái Dương hệ cứ sau 180 năm lại trở về cùng năm trên 1 đường thẳng. Đó chính là năm khởi đầu cho Vận 1 của Thượng Nguyên. Dùng

đó làm mốc để tính thời gian, người ta có thể suy ra Tam Nguyên Cửu Vận gần đây nhất là:

THƯỢNG NGUYÊN:

* Vận 1: từ năm 1864 - 1883

* Vận 2: từ năm 1884 - 1903

* Vận 3: từ năm 1904 - 1923.

TRUNG NGUYÊN :

* Vận 4: từ năm 1924 - 1943

* Vận 5: từ năm 1944 - 1963

* Vận 6: từ năm 1964 - 1983

HẠ NGUYÊN:

* Vận 7: từ năm 1984 - 2003

* Vận 8: từ năm 2004 - 2023

* Vận 9: từ năm 2024 - 2043

Như vậy, năm 2043 là năm cuối cùng của vận 9 - Hạ nguyên. Cho nên vào năm 2044 (tức năm GIÁP TÝ) thì lại trở về vận 1 của Thượng nguyên, cứ như thế xoay chuyển mãi không ngừng. Điều quan trọng cho những ai mới học Huyền không phi tinh là phải biết rõ năm nào thuộc Vận và Nguyên nào. Chẳng hạn như năm 1980 là thuộc về vận 6 Trung nguyên, vì nó nằm trong giai đoạn từ năm 1964 - 1983. Hoặc như năm 1991 là thuộc về vận 7 Hạ nguyên, vì nó nằm trong giai đoạn từ năm 1984 - 2003. Cho nên những nhà cửa hay phần mộ xây trong năm 1991 đều thuộc về vận 7 Hạ nguyên, hay những nhà xây năm 1980 đều thuộc về vận 6 Trung nguyên. Có năm vững được điều này thì mới có thể thiết lập trạch vận cho nhà cửa hay mộ phần được.

Một vấn đề cần làm sáng tỏ trong Lượng thiên Xích là sự vận động của 9 sao phụ thuộc vào năm, tháng và ngày, cụ thể như sau:

Cửu tinh phối với năm: Được quy định năm Giáp Tý của Thượng nguyên thì Sao Nhất bạch được đặt vào trung cung. Các năm tiếp theo cứ giảm dần 1.

Như vậy, năm Ất Sửu sẽ là Cửu tinh vào trung cung, năm Bính Dần là Bát bạch vào trung cung...cứ như thế cho đến hết Hạ nguyên. Lưu ý rằng: Cửu tinh thì tính xuôi, còn năm thì tính ngược.

Cửu tinh trị niên còn gọi là “Tứ bạch trị niên”. Cách dùng của nó là lấy Nhất bạch, Lục bạch, Bát bạch và Cửu tử coi là năm tốt, trong đó tốt nhất là Cửu tử, rồi đến tam bạch (Nhất bạch, Lục bạch, Bát bạch). Sau khi xác định được sao đưa vào trung cung trị niên, lần lượt phân bố các sao còn lại theo thứ tự xuôi. Phương vị các sao Tử, Bạch là phương tốt của năm đó.

Cửu tinh phối tháng: Theo quy định sao đưa vào trung cung tháng giêng năm Giáp Tý của Thượng nguyên là Bát bạch (Vì thời xưa theo Hạ lịch thì tháng Dần là đầu năm, như thế thì Giáp Tý là tháng 11 năm trước được khởi đầu là Nhất bạch, tháng 12 là Cửu tử và tất nhiên tháng giêng sẽ là Bát bạch). Theo quy luật các tháng

tiếp theo cứ giảm dần 1. Như vậy, tháng 2 vào trung cung là Thất xích, tháng 3 là Lục bạch....Cũng tức là bắt đầu từ Bát bạch vào trung cung tháng giêng năm Tý, sau đó tính ngược lên. Như vậy thì tháng giêng năm sau là Ngũ hoàng vào trung cung, tháng giêng năm sau nữa là Nhị hắc vào trung cung. Lưu ý rằng: Cửu tinh thì tính xuôi, còn tháng thì tính ngược.

Vậy trong 3 năm là 36 tháng, Cửu tinh tuần hoàn 4 lần, có nghĩa là cứ cách 3 năm thì lại lặp lại sự tuần hoàn từ Bát bạch vào trung cung. Như thế thì lần lượt tháng giêng các năm như sau sẽ có các sao vào trung cung, cụ thể:

- Sao Bát bạch: Vào tháng giêng các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu
- Sao Ngũ hoàng: Vào tháng giêng các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi
- Sao Nhị hắc: Vào tháng giêng các năm Dần, Thân, Tỵ, Hợi

Trên cơ sở đó, ta dễ dàng tính được tháng nào của năm nào bất kỳ sẽ có sao nào vào trung cung.

Cửu tinh phối ngày: Lấy ngày Giáp Tý gần Đông chí coi là ngày dương bắt đầu tiềm phục, Âm bắt đầu đắc thế để đưa sao Nhất bạch vào trung cung, ngày sau tiếp theo là Nhị hắc, ngày sau nữa là Tam bích....(thuận). Đến ngày Giáp tý gần Hạ chí lại nhập Cửu tử nhập trung cung và tính ngược: ngày sau là Bát bạch, ngày sau nữa là Thất xích....Như vậy, chúng ta có thể áp dụng hiện tại, cứ ngày Tý gần Đông chí là Nhất bạch vào trung cung, tính xuôi; ngày Tý gần Hạ chí thì Cửu tử vào trung cung và tính ngược.

1.3. Các nguyên tắc của Phong thủy học hiện đại

Phong thủy học hiện đại có nội hàm phong phú, có tính tổng hợp và tính hệ thống, bao gồm 10 nguyên tắc sau:

1.3.1. Nguyên tắc một hệ thống chỉnh thể

Lý luận Phong thủy coi trọng môi trường là một hệ thống chỉnh thể, hệ thống này lấy con người làm trung tâm, bao gồm thiên địa vạn vật. Mỗi một hệ thống nhỏ trong môi trường đều là yếu tố có liên hệ với nhau, chế ước lẫn nhau, tồn tại cùng nhau, đối lập nhau và chuyển hóa lẫn nhau. Chức năng của Phong thủy chính là điều hòa quan hệ giữa các hệ thống.

Nhờ nguyên tắc chỉnh thể là nguyên tắc chung của Phong thủy, các nguyên tắc còn lại đều phụ thuộc nguyên tắc chỉnh thể. Dùng nguyên tắc chỉnh thể để xử lý quan hệ giữa con người và môi trường là điểm cơ bản của Phong thủy học hiện đại.

Phong Thủy học có mục đích truy tìm những nhân tố này, xem xét để tối ưu hoá kết cấu giữa các nhân tố tìm sự tổ hợp tốt đẹp nhất. Phong Thủy luôn quan tâm chú ý đến tính chất chỉnh thể của hoàn cảnh.

Như vậy ứng dụng nguyên tắc này vào môn Phong thủy là phải xem xét thấu đáo tất cả các nhân tố xung quanh môi trường, phối hợp, loại bỏ và tương tác chúng theo một hệ thống thống nhất đặt con người là trung tâm.

Phong thủy hiện đại còn cần lấy con người, mục đích sinh sống làm việc của con người làm trọng tâm.

1.3.2. Nguyên tắc nhân - địa phù hợp

Nguyên tắc này là căn cứ tính chất của hoàn cảnh khách quan để thích nghi với mục đích, phương thức sinh hoạt của con người. Nước ta địa hình phức tạp, đồi núi sông hồ đa dạng, địa mạch kéo dài, thổ nhưỡng khí hậu đa dạng, địa hình thiếu đồng nhất.

Mỗi vùng mỗi miền có một đặc trưng riêng về đất đai, mạch núi mạch sông, khí hậu, lượng mưa, rừng nhiều ít. Miền Tây Bắc thì núi non trùng điệp, khí hậu lạnh cần tàng phong tụ khí, tránh khí lạnh xâm nhập, tránh lụt lội lở đất.

Miền Nam thì nắng nhiều, mưa ít phòng hoá hoạn, hạn hán. Chính vì thế phải phân hoạch cụ thể mỗi vùng thì phù hợp với Phong Thủy như thế nào, từ đó có cách thức hài hoà với điều kiện sinh sống và làm việc của con người.

1.3.3. Nguyên tắc dựa vào sơn thủy

Nguyên tắc nương dựa theo sơn thủy là nguyên tắc tối cơ bản nhất của Phong thủy, sơn mạch đại địa là khởi nguyên của năng lượng, thủy là mẹ của vạn vật, nếu không có mạch nước mạch núi thì con người và vạn vật không thể tồn tại.

Nương theo hình thế sơn thủy chia làm hai loại, loại thứ nhất là “sơn bao huyệt” đất bao xung quanh huyệt, tức là xung quanh huyệt có ba mặt bao quanh bởi quần thể núi non, ở giữa là khoảng không, mặt phía nam của huyệt khoáng đạt có minh đường rộng lớn.

Thế mạch núi của nước ta kéo dài trùng điệp theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, kéo dài qua hàng trăm cây số đột nhiên hội tụ lại, 3 phương Tây, Bắc, Đông hội tụ thành 3 đỉnh núi thể liên hoa như đài sen nở ra ôm lấy nhụy, ở giữa là huyệt tốt lành.

Nếu là làng xóm, thị trấn thì yên bình phát triển. Nếu là huyệt nhỏ thì thành gia đình uy danh phú quý phát nhiều đời, nam nữ già trẻ tôn ti phép tắc phúc thọ lâu dài.

Loại thứ hai là loại “huyệt bao sơn”, tức là lấy một ngọn núi trung tâm làm chủ, nhà cửa xây dựng lấy núi làm lưng mà dựa vào, hướng ra xung quanh. Núi ở sau lưng che chở bảo vệ cho huyệt thành thể được che chắn, tàng phong tụ khí vốn là nguyên lý chuẩn tắc của Phong thủy.

Những đỉnh núi đẹp đẽ, địa mạch cát lành hội tụ, phía trước đỉnh núi thường có sông hồ hội tụ làm minh đường, thế toạ núi nhìn sông thường thấy nhất trong các huyệt vị đẹp về Phong thủy.

1.3.4. Nguyên tắc quan sát hình thế

Phong Thủy vô cùng quan trọng việc quan sát hình thế mạch khí, sơn thủy vì có quan hệ trực tiếp đến họa phúc, phải quan sát tiểu cục thông qua sự tương quan với đại cục. Nếu đại cục hưng vượng thì cho dù tiểu cục có xấu cũng không đáng ngại, nếu cả hai cùng xấu thì không nên dùng.

Thoạt tiên phải xem xét tổ sơn long mạch xuất phát từ đâu đến, sau xem xét cụ thể các đỉnh núi mà long nhập thủ, xem xét cốt cách, hình dáng luận tính chất của

mạch, xem xét sa sơn, thủy đến, thủy đi, xem xét minh đường rồi mới xem đến cách cục nơi tọa lạc.

Nhiều khi thông qua quan sát hình thế đã phần nào nhận định được họa phúc, đó cũng chính là điểm mấu chốt của trường phái hình thế khi xem xét Phong thủy.

Cách thức chung nhất thường là xem xét xem long mạch chạy theo hình thế như thế nào, sau đó quan sát nơi có quần sơn tọa thủ hoặc nơi long mạch đổi hướng thì chắc chắn có huyết, tìm kiếm các sơn bao bọc huyết, dựa vào thủy tìm ra minh đường, rồi luận đến tính chất tốt xấu của huyết dựa vào hình thế núi non sông nước, hình thế của án sơn, sa sơn, thủy đến, thủy đi.

1.3.5. Nguyên tắc thẩm định địa chất

Phong thủy không thể không có khoa học về địa chất, riêng môn địa chất đã chứng minh được là nó có những liên hệ mật thiết đến sức khỏe đời sống con người.

Con người luôn có những dao động điện từ, ngay môi trường xung quanh cũng có những trường điện từ ảnh hưởng đến sức khỏe con người thông qua sự giao thoa về trường sóng. Những yếu tố sinh hoá cũng vô cùng quan trọng vì nó ảnh hưởng đến khí hậu và nguồn nước nơi con người sinh sống. Có thể khảo sát thông qua những yếu tố sau:

- Chất lượng của đất hàm chứa những nguyên tố có lợi cho sức khỏe, tránh những nguyên tố phóng xạ hoặc gây hại cho sức khỏe. Thông qua quan sát màu sắc, mùi vị của đất, cần được màu sắc tươi tắn, hoặc đỏ vàng, hoặc nâu đen mịn màng, tránh mùi vị tanh hôi. Chất lượng đất cũng có thể phát hiện thông qua sự sinh trưởng của thực vật xung quanh.

- Nếu vùng đất tồn tại phóng xạ hoặc từ trường xấu cũng sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt, từ trường cần thuần nhất, tránh hỗn tạp, thông qua đo đạc la bàn ở nhiều vị trí có thể xác định được từ trường của vị trí tốt hay xấu.

1.3.6. Nguyên tắc thẩm định nguồn nước

Nước vô cùng quan trọng đối với các sinh vật nói chung và với con người nói riêng. Về Phong thủy, nước chính là những dòng mạch đi kèm hộ vệ cho sơn mạch. Chất lượng của đất quyết định chất lượng của nước bởi nước sinh từ trong lòng đất.

Các phái Phong thủy kinh điển chú trọng “tâm long nhận khí, nhận khí thường thủy”, tức luôn lấy chất lượng thủy làm tiêu chuẩn đánh giá khí trường tốt xấu. Nên lưu ý những kinh nghiệm sau đây về chất lượng của nước: Quý nhất là sắc nước trong màu xanh ngọc, vị ngọt hoặc nước phát ra mùi thơm không tanh hôi: chủ đại quý. Khí chất nước trong màu trắng, vị thanh, ấm áp: chủ trung quý. Mạch nước cần dài sâu, bốn mùa xuân hạ thu đông đều không cạn kiệt. Tránh nước có màu sắc đen, sắc đỏ, nguồn nước hung dữ, nước vẫn đục tanh hôi, hoặc vị đắng: chủ hung khí.

1.3.7. Nguyên tắc tọa Bắc hướng Nam

Nguyên tắc tọa Bắc hướng Nam là nhận thức đúng đắn đối với hiện tượng tự nhiên, thuận theo thiên đạo, hấp thu được linh khí của núi sông, tiếp nhận được ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, an dưỡng sức khỏe, địa linh phương xuất nhân kiệt.

1.3.8. Nguyên tắc hài hoà trung tâm

Xét trong một chỉnh thể thống nhất, Phong thủy tối quan trọng sự hài hoà âm dương, thể hiện ở nguyên lý nhà cửa phải hài hoà cân đối, không cao không thấp, không nghiêng lệch, thường được thiết kế theo nguyên tắc cân đối, đối xứng theo hình chữ Tam, chữ Tứ.

Nếu hình thể quá cao thì gọi là cô dương không tốt chủ sự thái quá. Nếu hình thể quá thấp gọi là cô âm chủ sự bất cập, đòi hỏi phải cao vừa phải, cân xứng. Sau khi xây dựng nên các công trình sẽ hình thành nên trường khí, sự vận chuyển của khí phụ thuộc rất nhiều vào quy hoạch kiến trúc.

1.3.9. Nguyên tắc cải tạo

Thông thường khi thuận theo hình thể tự nhiên của núi sông, tìm ra nơi sinh khí tụ hội để xây dựng là rất tốt. Nhưng trong tự nhiên không phải bao giờ cũng tối ưu về mọi mặt. Thông qua sự khảo sát tìm ra khiếm khuyết của vị trí, dùng những cách thức cải sửa Phong thủy thích hợp sẽ hoá giải được những bất cập.

Nếu thiếu sơn thủy có thể xây dựng các công trình giả lập, khí không tụ tàng có thể xây dựng để hướng dẫn luồng đi của khí theo hướng thích hợp tránh được tản mát. Nếu chất lượng khí, nước không tốt có thể cải sửa thanh lọc dần biến hung thành cát hoặc ít ra cũng đỡ được một phần cái xấu.

1.3.10. Nguyên tắc tiên tích đức hậu tầm long

Cái đích cuối cùng của thuật Phong thủy là đạt tới mức **Thiên - Địa - Nhân tương hợp**. Để sử dụng, cảm hoá được những nguồn năng lượng của trời đất, con người cũng phải có được những giá trị tương ứng về tâm linh với cùng một sự đồng cảm.

Đòi hỏi phải tu nhân tích đức, chỉ khi có đức mới tìm ra được những vị trí tốt hài hoà với căn cơ của mình. Bởi luật nhân quả chi phối toàn bộ mọi hoạt động của con người.

Ngoài 10 nguyên tắc trên, trong Phong thủy còn chú ý đến một số nguyên tắc trong bố trí nơi ở như: Dọn dẹp những đống bừa bộn, Tạo màu xanh cho ngôi nhà, Vứt đồ vật bị vỡ, Đặt đồ đúng vị trí và Tạo bức tranh hoàn hảo....

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phong thủy là gì?
2. Phong thủy học là gì?
3. Trình bày yếu tố Khí trong Phong thủy?
4. Trình bày Âm dương ngũ hành?
5. Trình bày Bát quái?
6. Trình bày Huyền không phi tinh?
7. Trình bày Chính hướng Kiêm hướng, Tam nguyên Cửu vận?
8. Trình bày các nguyên tắc của Phong thủy hiện đại?

CHƯƠNG 2

NGUYÊN TẮC PHONG THỦY NHÀ Ở VÀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

2.1. PHONG THỦY TRONG VIỆC CHỌN ĐẤT VÀ THỂ ĐẤT

2.1.1. Cơ sở lựa chọn đất và thể đất

Trước khi xây dựng nhà ở, nên kiểm tra kỹ chất đất. Đất xây dựng là đất mềm, đất lẫn đá gạch, đất quá khô cằn, quá ẩm thấp, đều thuộc diện đất xấu. Muốn biết rõ chất đất bên dưới ra sao, tốt nhất là đào sâu độ một mét gặp tầng đất đỏ là tốt, vì đây là loại đất cứng, nên khi xây dựng tường không bị lún.

Đất lý tưởng nhất là đất sét hoặc đất thịt. Về khía cạnh thổ nhưỡng học, thời cổ xưa từng nói: “Đất mịn mà lại không xốp, ẩm mà không ướt, màu đất tươi thì là đất tốt”.

Người xưa rất coi trọng khâu chọn thể đất, nơi mà họ chọn để xây dựng đô thị thường là những nơi có núi, có sông ở xung quanh, sách cổ có câu “Nơi được chọn xây dựng đô thị, không ở dưới núi to, thì ở gần sông lớn, ở nơi cao mà nước lại đủ dùng, ở nơi thấp lại tránh được lũ lụt”.

Trong học thuyết Phong thủy, mục chọn thể đất xây dựng nhà ở có thuyết “huyệt vị”. Sách cổ có câu: “Núi có mạch, nước có nguồn, người có kinh lạc, cây có gốc rễ”. Huyệt vị Phong thủy, là nơi giao nhau lý tưởng của hình thể núi sông.

Trong học thuyết Dư địa chí, một nguyên tắc cơ bản trong mục chọn thể đất xây dựng nhà ở có liên quan tới chất lượng nước và đất. Dân gian xưa có lưu truyền câu “Thủy thổ bất phục”, còn gọi là “Thủy thổ bất phù”, tức là chỉ thành phần nguyên tố hóa học và hàm lượng của nó trong đất và nước không phù hợp với nhu cầu thực tế của con người. Con người trải qua bao thăng trầm đã đúc rút được rất nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, đã nhận thức được sức khỏe của con người có liên quan mật thiết với nước sinh hoạt ở trong khu vực mình đang sống. Sách xưa có ghi chép “Những người sống ở khu nước nhẹ, đa phần mắc chứng bệnh bạc đầu và bours cở. Ở khu vực nước nặng, thì mắc bệnh sung chân không đi lại được. Ở khu vực nước ngọt, con người phát triển hài hòa, dáng người đẹp đẽ. Ở khu vực nước cay chát, con người bị mụn nhọt. Ở khu vực nước đắng, người mắc bệnh hen, lưng gù”. Về đánh giá chất lượng nước, có câu “dĩ cam vi quý” (ngọt là quý).

Theo quan điểm trên, tuy nói là dựa vào kinh nghiệm cuộc sống, song lại mang một ý nghĩa khoa học nhất định. Xét về góc độ tự nhiên, con người giống như các loại sinh vật khác, đều là sản vật của vật chất vỏ trái đất chuyển hóa tới một trình độ nhất định. Một số nguyên tố hóa học cần cho cơ thể con người, đều được hấp thụ từ thực vật, từ nước và đất. Các nghiên cứu khoa học đã chứng minh, vật chất hợp thành cơ thể người và vật chất cấu thành vỏ trái đất luôn ở trong trạng thái cân bằng.

Chất đất và nước là rất quan trọng đối với sự sống của con người, do đó, khi chọn thể đất, trước tiên ta phải khảo sát chất đất và nước, sau đó mới đưa ra quyết định chọn vị trí địa lý. Đúng như “Tàng kinh” viết “Phong thủy chi pháp, đắc thủy vi thượng” (Phép chọn thể đất, được nước là thượng sách).

Chọn thế đất còn phải áp dụng thuyết Ngũ hành. Theo Ngũ hành, thế đất được phân thành các hình như sau: ngoằn ngoèo (Thủy), hình dài (Mộc), hình nhọn (Hỏa), hình tròn (Kim) và hình vuông (Thổ). Mỗi thế đất tương ứng với mỗi hành đều tương sinh và tương khắc với các hành khác. Từ đó, có thể phối hợp - chỉnh sửa sao cho phù hợp.

Ví dụ: Khi ta gặp một khu đất vuông vức bằng phẳng có nhiều nhà mái bằng chung quanh, tức là địa điểm mang tính chất hành Thổ, thì nên xây cất thế nào cho phù hợp Ngũ hành. **Các khả năng sau đây sẽ xảy ra:**

- Nếu kiến trúc làm có dạng Mộc (cao ốc vươn lên), thì do Mộc khắc Thổ, cao ốc này sẽ ảnh hưởng xấu đến chung quanh như lún nền, che khuất nắng gió, ồn ào... Do đó, cao ốc thường được quy hoạch thành khu riêng, không nên xen cấy giữa các nhà thấp.

- Nếu làm theo dạng Hỏa, hình chóp nhọn, do Hỏa sinh Thổ nên khu lân cận được lợi. Khu đất này phù hợp để xây trường học, công trình công ích, biệt thự có mái ngói đỏ.

- Làm theo dạng Thổ, hình nhà vuông vức, tức là Song Thổ Đồng Cung, ngôi nhà này hòa nhập với môi trường Thổ chung quanh.

- Làm theo hành Kim, nhà sẽ có hồ nước tròn, bồn cây tròn, hoặc mái vòm, cửa tròn... Do hành Kim tượng trưng cho tiền bạc, nên các trung tâm tài chính, ngân hàng hay xây theo dạng có mái hoặc cổng có dạng vòm (thuộc Kim).

- Làm dạng hành Thủy, hình ngoằn ngoèo, uốn khúc với đất hành Thổ là bất lợi, vì Thổ khắc Thủy, các góc cong khó sử dụng, ít khi dùng cho nhà ở. Thường hành Thủy phù hợp với dạng khu vui chơi giải trí như nhà hát Opera Sidney là một công trình đặc trưng hành Thủy.

2.1.2. Chất và thế đất tốt

Theo phong thủy chất đất và hình dáng mảnh đất xây dựng công trình kiến trúc rất quan trọng. Sau đây là một số trường hợp tốt theo quan điểm phong thủy.

1. Thế đất tốt là thế “tàng phong tụ khí”.
2. Đất hình tròn hay bán nguyệt: Chỉ thích hợp trong việc xây dựng đình chùa hoặc các công trình công cộng (thế đất hình Kim).
3. Đất hình bầu dục: Đất hình bầu dục, nếu cửa ra vào mà đặt ở cung tròn thì tốt, còn đặt ở cạnh là xấu.
4. Đất hình vuông: Thường để xây cửa hàng buôn bán kinh doanh.
5. Hình chữ nhật đứng hoặc nằm: Nếu đặt cửa ra vào ở cạnh ngắn thì tốt, ở cạnh dài thì xấu (thế đất hình Mộc).
6. Đất hình chữ T: Biết cách sử dụng thì tốt, không biết cách thì xấu.
7. Thế đất dốc: Nếu xây nhà trên đất dốc, theo Phong thủy học chiều dốc dốc về hướng Nam thì tốt, ngược lại dốc về hướng Bắc thì xấu.
8. Trước cửa nhà nhìn ra, bên phải là Bạch Hổ nên phải cao, ngắn và tối; bên trái là Thanh long nên phải thấp, rộng, dài thì mới tốt.

9. Trước cửa nhà, dù to, nhỏ, rộng, hẹp, chỉ cần để tâm trồng cây, trồng hoa, treo các chậu cảnh, đặt các bồn hoa thì sẽ gặp tốt lành, hạn chế rủi ro. Nhưng cây cối phải được chăm nom, cắt xén, tối kỵ cỏ mọc um tùm.

10. Trước cửa nhà có cây (chỉ cần không chiếu thẳng chính vào giữa cửa) mà giống như chiếc ô che là điểm cát lợi.

11. Phía Nam nhà ở có bãi đất trống hoặc sân vườn là điều lành. Phía Tây Bắc nhà ở có cây to là đại cát.

12. Nhà ở độc lập, riêng biệt, nhất thiết phải có cửa hậu thì mới cát tường.

13. Nhà tọa lạc ở bất cứ hướng nào, nếu mở cửa sổ phía Đông, đón “Tứ khí Đông lai” (Khí màu tím từ phía Đông tới), không những ánh sáng tốt, mà còn có thể mang vận tốt đến, đại cát hưng vượng cho gia chủ.

14. Để bình an, mạnh khỏe nên chọn nhà ở mà xung quanh nhà không có góc nhà người khác chĩa vào tạo thành góc xung sát. Nếu gặp trường hợp có góc xung sát thì có thể dùng bồn che cây, trồng cây hoặc rèm dây che chắn để hóa giải.

2.1.3. Chất và thể đất xấu cần tránh

Những chất đất và thể đất cần tránh trong xây dựng công trình kiến trúc, nhà ở:

1. Hình tam giác: Là tướng hung, ở tạm ít ngày thì được, lâu thì không tốt. (thể đất hình Hòa).

2. Hình quả trám: Chủ nhà thường đau yếu, vợ con ly tán.

3. Đất hình thang: Là thể đất xấu, vận chủ nhà suy vong.

4. Đất hình chữ T: Biết cách sử dụng thì tốt, không biết cách thì xấu.

5. Đất hình chữ U: Thể đất hình chữ U là thể đất xấu.

6. Thể đất hẹp mở nhiều cửa là tướng xấu. Xét về vận mệnh, nhà cửa loại này sẽ càng làm cho gia vận xấu thêm, suy yếu hơn trước và có khuynh hướng bất an.

7. Đất có nhiều hơi ẩm là tướng đất xấu, xây nhà ở nơi đất này cần đắp nền cho cao nhô hẳn lên thì mới có thể biến hung thành cát.

8. Đất xây dựng nhà ở có nhiều rễ cây ở bên dưới thì là đất xấu, do đó, trước khi làm nhà cần phải dọn sạch rễ cây. Nếu không dọn sạch, cho dù nhà có hướng tốt, thì vẫn không tránh khỏi vận suy, tài sản bị tiêu tán.

9. Xây nhà ở khu vực có nhiều cây to xung quanh cũng là tướng xấu. Nhà ở mà hướng Đông Bắc và hướng Tây Nam có cây to thì gia vận suy hay gặp nạn. Người trong nhà ốm đau, bệnh tật mà không biết rõ nguyên nhân gì. Nếu nhà có trẻ con thì trẻ trong nhà tự nhiên sẽ biếng ăn, lười học, khó dạy bảo.

10. Phong thủy cho rằng: Làm nhà ở trên đất đình chùa, nghĩa địa, trên bãi thải rác, trên nền nhà cháy đều không tốt.

11. Theo Phong thủy, đất làm nhà ở ngõ cụt thì tiến triển của khí bị cản trở, là thể đất có tướng rất xấu, gia chủ sẽ gặp nhiều bất lợi.

12. Trước nhà cây cối um tùm rậm rạp không người chăm sóc thì theo phong thủy, gia chủ vận suy, công việc khó phát triển.

13. Nhà ở đứng một mình, không dựa vào đâu, nếu nhà càng cao, càng nhiều tầng thì sự cô lập càng nghiêm trọng. Những ngôi nhà như vậy ở lâu khó gặp may mắn.

14. Nếu nhà mà mở cửa ra thấy tường cao chắn trước mặt thì vận khí không lành, không gặp may.

15. Nhà ở gần trạm biến thế không tốt lành nhất là đối với sự trưởng thành của các cháu bé, và không tốt cho mọi người trong nhà.

16. Nhà ở cạnh tháp cao, tai họa khó tránh.

17. Nhà ở xây dựng trên lớp phù sa của dòng sông đã cạn kiệt là đại hung.

18. Nếu cửa lớn của nhà đối diện với quả núi, cách mấy trăm mét, thì đường lưu thông của khí bị cản trở là đại hung.

19. Nhà ở gần sông hoặc mương thoát nước lớn, có cầu chĩa thẳng vào nhà theo hướng Tây Bắc, gia đình lụi bại, sức khỏe của người trong nhà giảm sút.

20. Trước cửa nhà kiêng kỵ rác rưởi chất đống. Vì như vậy gia chủ sẽ không gặp may.

21. Nhà ở đầu đường chữ T, cửa lớn đối diện với con đường thẳng tắp, tục gọi là “lộ xung”. Những người ở trong nhà “lộ xung” dễ sinh tính nóng nảy vội vàng, tâm thần bất an, không lành.

22. Nhà xây trên đất cũ vốn là xưởng hóa chất, xưởng mạ (trong đất có vật phế thải độc hại như kim loại nặng, vật chất phóng xạ, thủy ngân) thì người ở trong nhà dễ sinh bệnh tật, tán tài tán lộc.

23. Theo Phong thủy tường rào quanh nhà có độ cao bằng thân người là vừa đủ, nếu xây quá cao, mà trên tường cao lại có tầng tầng lớp lớp dây thép gai dày đặc thì gia chủ ngày một khổn cùng.

24. Nếu nhà ở có cửa sổ hoặc cửa ra vào đối diện với cửa sổ, cửa ra vào của nhà người khác, hoặc có góc nhà chiếu thẳng vào là hung gia đình bất ổn. Theo Phong thủy cần ngăn cách bằng trồng cây giữa để hóa giải hung hiểm.

25. Trước cửa nhà có đường đi cong như hình cây cung bắn vào và nếu ở bên cạnh cây cung đó lại có trụ ăng ten hay cây đại thụ đứng thẳng, thì dễ có sự rủi ro bất ngờ, không có lợi cho sự nghiệp và đặc biệt là với phụ nữ trong nhà.

26. Cây to xuyên qua nóc nhà, hoặc mái nhà. Theo Phong thủy là hung, gia đình sẽ gặp vận hạn, tai nạn, khổn khó.

27. Nhà ở trong khoảng không gian nhỏ hẹp giữa hai tòa nhà cao tầng, giống như một lưỡi dao từ phía trước chém tới, Phong thủy gọi là “Thiên trảm sát”, sẽ là đại hung, gia chủ sẽ ốm đau bệnh tật, bất an.

28. Nhà ở bên cạnh cầu vượt hoặc đường cao tốc, nếu nằm ngoài đường cung tròn của đường cầu vượt hay đường cao tốc, theo Phong thủy là không lành, gia chủ sẽ gặp rủi ro, tai nạn, cãi cọ.

29. Hai cầu vượt chéo nhau, một cái cao, một cái thấp, hình thành thể lưỡi kéo. Nhà xây ở miệng lưỡi kéo thì khó tránh điều dữ.

30. Đứng ở cửa nhà nhìn ra ngoài, nếu phía bên trái có nhà cao hơn thì sẽ không gặp may.

31. Đối diện trước nhà hay cửa hiệu, có những kiến trúc quá to lớn, có nhiều trụ lớn dựng đứng thì hậu vận sẽ suy.

32. Tường ngăn cách giữa hai nhà mà sát vào nhà thì sẽ ảnh hưởng tới sự nghiệp của gia chủ, khó khăn luôn kề bên, kinh doanh thất bại.

2.2. PHONG THỦY TRONG LỰA CHỌN VỊ TRÍ VÀ HƯỚNG NHÀ

2.2.1. Chọn hướng nhà

Theo “Lý luận phương vị” (Theory of orientations), bốn phương vị chính: Chính Đông, chính Nam, chính Tây, chính Bắc có quan hệ mật thiết với phương vị âm dương, là phương vị cơ bản nhất trong hệ thống phương vị của thuyết Phong thủy.

Trong kiến trúc truyền thống Trung Quốc, từ thủ đô đến các làng bản xa xôi, từ hoàng cung cho đến nhà dân, đều chọn hướng dương, tức là hướng Nam để xây dựng.

Theo Phong thủy học Trung Quốc, làm nhà theo phương vị chính Nam thì ở thời điểm Đông Chí, giờ Ngọ (12 giờ trưa), khoảng cách từ mặt trời tới mặt đất là gần nhất, ánh nắng chiếu rọi vào nhà được nhiều hơn, nhiệt độ trong nhà tăng lên. Vào thời điểm Hạ Chí, giờ chính Ngọ (đúng 12 giờ trưa), mặt trời cách mặt đất là xa nhất, lại được mái nhà che nắng, ánh nắng không chiếu thẳng được vào trong nhà sẽ giảm được nóng bức.

Do đó, làm nhà ở theo hướng Nam thì mùa Đông ấm áp, mùa Hè mát mẻ.

Có 8 phương vị, đó là Đông, Đông Nam, Tây, Tây Bắc, Nam, Tây Nam, Bắc, Đông Bắc. Gọi Đông, Tây, Nam, Bắc là tứ chính (4 chính). Gọi Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc là Tứ ngẫu.

Ý nghĩa của các hướng:

Trong Phong thủy, mỗi một phương vị đều có ý nghĩa riêng của nó: Cát hung, thuận lợi thành công...:

1. Hướng Đông

Phía Đông là hướng mặt trời mọc, thuộc hướng dồi dào dương khí và sức sống. Phong thủy học truyền thống cho rằng, “dương khí từ Đông đến”. Nếu nhà ở nhô ra ở hướng này tất sẽ làm ăn phát đạt, sự nghiệp thành công. Nếu nhà khuyết góc ở hướng này thì xấu.

2. Hướng Đông Nam

Đông Nam là hướng tốt với những người làm kinh doanh ăn uống và cần phải luôn cố gắng mới có thành công.

3. Hướng Nam

Hướng Nam có vận khí tốt lành. Nếu kết hợp tốt các yếu tố khác thì sẽ có sức khỏe trường thọ, vui vẻ.

4. Hướng Tây

Phía Tây là hướng mặt trời lặn, đề ta được nghỉ ngơi sau một ngày làm việc. Theo Phong thủy, phía Tây thuộc phương vị “trạch”, trạch chính là “thủy”. Thủy (nước) là sản vật tự nhiên cần thiết cho mọi sinh vật duy trì sự sống. Hướng này đại diện cho niềm vui, tiền bạc và tình yêu. Có thể mang lại nhiều niềm vui cho phái nữ. Nếu nhà ở chính hướng Tây nên xây tường bao, cửa sổ mở nhỏ.

5. Hướng Bắc

Bắc là hướng gió bắc, giá rét. Mùa Đông đến tạo cho sinh vật ở trạng thái tĩnh, ngủ Đông, chờ đến mùa Xuân mới trỗi dậy, đâm chồi nảy lộc. Hướng này tượng trưng cho sự bình tĩnh, sáng tạo, trí tuệ và trẻ trung thành công. Tuy nhiên, vào ban đêm, nếu hướng Bắc có gió Bắc thổi thì sẽ mang lại bệnh tật như: Bí tiểu tiện, đau gan, thận và những điều không may khác. Ở hướng này, nhà ở có phòng ngủ về phía trước thì mới tốt.

6. Hướng Đông Bắc

Đông - Bắc thuộc phương vị “quỷ môn” (cửa quỷ), cây cỏ thường ngủ say, chúng chỉ tỉnh dậy khi mùa Xuân đến. Hướng này đối với người làm nghề kinh doanh rất có lợi. Đối với con người, hướng Đông - Bắc là hướng biểu thị sức chịu đựng, tính kiên nhẫn chờ thời kỳ đổi thay, cải thiện cuộc sống.

7. Hướng Tây Nam

Tây - Nam cũng là hướng “quỷ môn”. Bởi vì, hướng này chính là nơi bắt đầu của giai đoạn chuyển từ dương sang âm, ảnh hưởng xấu đến quy luật phát triển của tự nhiên. Theo Phong thủy học, không nên mở cửa ở hướng này.

Hướng này phù hợp với đền chùa và xây các công trình công cộng.

8. Hướng Tây Bắc

Tây Bắc là vị trí “thiên môn” (cửa trời), bao hàm ý nghĩa người đàn ông sẽ nắm quyền điều hành mọi công việc gia đình. Nhà ở hướng này sẽ có phúc đức, có người giúp đỡ, thành công trong sự nghiệp.

Ngoài ra, đi sâu vào chi tiết hơn, phong thủy còn chia các hướng - thành 24 sơn, mỗi sơn chấn một cung là 15^0 . Mỗi sơn cũng có ý nghĩa biểu tượng cát hung riêng.

2.2.2. Lựa chọn vị trí nhà

Khi lựa chọn vị trí tọa lạc của ngôi nhà cần chú ý các điểm sau:

- Xác định vị trí không gian của tòa nhà (ngôi nhà, căn phòng, khu đất...).

Căn cứ vào năm hiện tại, tuổi và mệnh của người chủ để chọn vị trí cho phù hợp (Sẽ nói kỹ ở Chương 3).

- Cần chọn vị trí tọa lạc cho phù hợp. Thông thường nên chọn “tọa sơn hướng thủy”.

Ví dụ: Tòa nhà Quốc hội (Government Buiding) của nước Mỹ. Chúng ta đều biết rằng ông chủ Nhà trắng, tức Tổng thống Mỹ cứ trên 4 năm thay đổi. Biết bao đời tổng thống đã thay nhau nối gót. Người thì Đông tứ mệnh người thì Tây tứ mệnh. Theo Phong thủy Bát trạch: Đông tứ mệnh và Tây tứ mệnh là hai dạng người có ảnh hưởng nếu xét trong cùng một hướng thì khác hẳn nhau rõ rệt (tất nhiên cách bố trí phòng làm việc của mỗi tổng thống có thể không giống nhau). Nhưng lịch sử cho thấy vị thế của nước Mỹ dường như không đổi trong cả hàng chục năm. Như vậy, xét tổng thể thì yếu tố về hướng của tòa nhà có thể ảnh hưởng không quá nhiều mà quan trọng hơn đó là vấn đề vị trí tọa lạc, kết hợp với hình thể đẹp đẽ, tỷ lệ hài hòa cùng một bố cục có đủ cả Thanh long, Bạch hổ, Huyền vũ và Chu tước (4 yếu tố của trong phong thủy Loạn đầu) đã giúp tòa nhà của nước Mỹ đã trở thành 1 tòa nhà có vị thế đáng nể trên thế giới (*Hình 2.1*).



Hình 2.1: Tòa nhà Quốc hội của Mỹ (Nhà trắng)

- Tính hình tượng trong phong thủy cũng khá quyết định đến sự thịnh vượng hoặc ngược lại của tòa nhà.

Ví dụ: Toà nhà Chính phủ Singapore (*Hình 2.2*). Chúng ta đều biết Singapore là một nước rất phát triển cả về khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại nhưng không vì thế mà vấn đề phong thủy bị xem nhẹ. Ngay trong tòa nhà Chính phủ của nước này cũng đã được thiết kế khá chuẩn mực dưới góc độ Phong thủy.

Nếu nhìn bề ngoài, ở vị trí thông thường, tòa nhà chỉ hài hòa về đường nét khiến cho chúng ta có một cái nhìn thiện cảm mà chưa có gì đặc biệt mang tính phong thủy. Tuy nhiên, nếu sử dụng bản đồ vệ tinh Google người ta sẽ nhận thấy ý đồ về phong thủy trong công trình này. Tòa nhà được thiết kế theo dạng hình chữ T (Theo cách gọi cổ là dạng nhà hình chữ Đinh). Với hình thể này, chúng ta có thể hình tượng ra hình ảnh một Con chiện và người đưa ra ý tưởng thiết kế đã thêm vào trước mặt Con chiện đó một vườn hoa hình tròn để tạo nên một con dấu. Như vậy là đã

hoàn thành một chỉnh thể chiện và dấu đi cặp với nhau. Những gì diễn ra trên chính trường thế giới đã cho thấy Singapore là đất nước nhỏ bé nhưng có tầm ảnh hưởng rất lớn.



Hình 2.2: Tòa nhà Chính phủ Singapore

Ở Việt Nam, cũng có những công trình mà theo quan sát của những chuyên gia Phong thủy thì thấy cũng có những ý đồ tương tự nhằm tạo nên những hình tượng đẹp và mang ý nghĩa sâu sắc về phong thủy. Tiêu biểu phải kể đến Dinh độc lập (Hội trường Thống nhất) ở thành phố Hồ Chí Minh (*Hình 2.3*).

Quan sát trên hình ảnh từ trên cao, Tòa nhà Dinh độc lập cũng được thiết kế mang hình tượng cái triện và con dấu. Rất có thể đây là một ý đồ của kiến trúc sư, hình tượng này mang ý nghĩa về quyền lực, cho nên tòa nhà này một thời cũng có những vị thế quyền lực nhất định trong xã hội. Tuy nhiên, khi đứng ở góc quan sát bên ngoài thì tòa nhà này lại mang một hình tượng khá xấu xét theo quan điểm phong thủy đó là hình tượng *lộ cốt*. Vì thế mà chủ nhân hoặc người đứng đầu sử dụng công trình này không thịnh vượng lâu dài.

Một nguyên tắc căn bản là khi xây dựng khách sạn, nhà hàng, người ta thường lựa chọn những vị trí đắc địa có thể thu hút được nhiều nhất lượng khách đến lưu trú. Tuy nhiên, chúng ta bắt gặp rất nhiều trường hợp mà những khách sạn tuy nằm một vị trí rất đẹp nhưng vẫn khá ế ẩm. Khách sạn Thắng Lợi là một ví dụ (*Hình 2.4*).

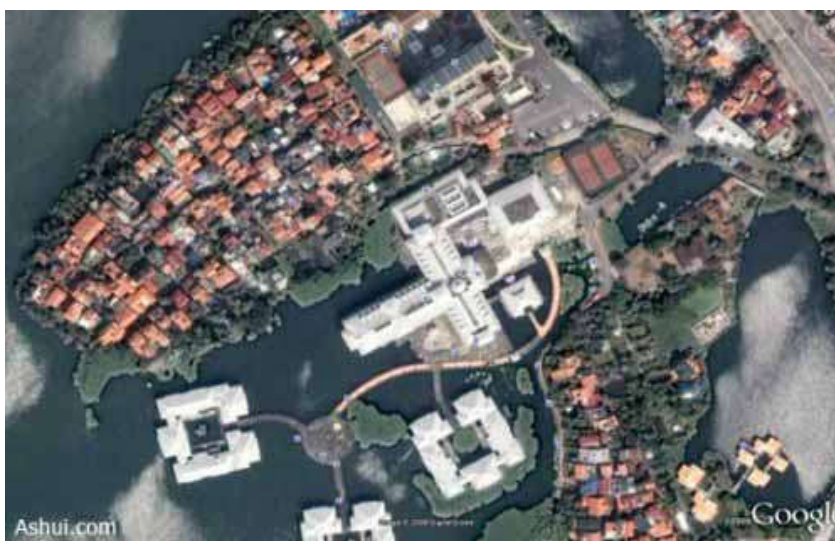
Khách sạn Thắng Lợi nằm ở ven bờ Hồ Tây là địa bàn lý tưởng cho hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn. Công trình này đứng dưới góc nhìn kiến trúc có thể coi là tiêu biểu, đã từng đạt được những giải thưởng quan trọng và được đánh giá cao. Tuy nhiên, thực tế khách sạn này không thu hút được nhiều khách du lịch. Vậy nguyên nhân là do đâu?

Về mặt vị trí, nếu so sánh thì khách sạn Thắng Lợi và khách sạn Sheraton (một khách sạn đang ăn nên làm ra) rất gần nhau. Tuy nhiên, lượng khách thì lại có sự khác biệt. Quan sát trên bản đồ vệ tinh, chúng ta nhìn tổng thể khu vực khách sạn Thắng Lợi có hình ảnh của hình chữ thập. Đây là một hình tượng xấu đứng dưới góc nhìn phong thủy. Với cấu trúc giao nhau như thế này dễ gây các luồng xung khí gây

mất đoàn kết nội bộ, từ đó dẫn đến việc kinh doanh kém phát triển. Và điều này đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn kinh doanh của khách sạn này.



Hình 2.3: Hội trường Thống nhất



Hình 2.4: Khách sạn Thắng Lợi

Qua những ví dụ trên có thể thấy ngoài vấn đề tốt về hướng, về vị trí thì tính hình tượng trong phong thủy cũng rất nên coi trọng.

- Khi chọn vị trí tọa lạc cần lưu ý đến đường xá, sông ngòi, nhà cửa... xung quanh. Khi tòa nhà được bao quanh nhẹ nhàng bởi những con đường có dòng xe cộ lưu thông thông thả, hoặc đối diện với công viên, khu vườn... thì sẽ được hưởng những lợi ích về phong thủy. Hình dạng và kích thước của những tòa nhà lân cận đóng vai trò rất quan trọng. Nếu vị trí chọn mà bị kẹt giữa những tòa nhà cao, lớn hơn thì sẽ bị kém về phong thủy.

Nhìn chung các ngôi nhà có đường đâm thẳng vào cửa nhà, dốc thẳng vào cửa nhà, hoặc có nóc nhà có mái chĩa thẳng vào cửa nhà, cạnh sắc của ngôi nhà chĩa thẳng vào cửa nhà... thì không tốt.

2.3. PHONG THỦY TRONG NGUYÊN TẮC BỐ TRÍ NỘI NGOẠI THẤT

2.3.1. Bố trí cổng và cửa nhà

2.3.1.1. Cổng của ngôi nhà

Để có được một chiếc cổng hợp quy luật Phong thủy, cần lưu ý:

- Đầu tiên là tùy theo cung mệnh của chủ nhà là Đông tứ mệnh hay Tây tứ mệnh mà chọn hướng cổng nhà cho phù hợp.
- Không bố trí cổng thẳng vào cửa chính của nhà bởi "sinh khí đi theo đường vòng, sát khí đi theo đường thẳng".
- Nhà nhỏ, tường bao quanh và cổng nhỏ tương ứng thì tốt. Nếu cổng to, nhà nhỏ, đây là tướng cổng xấu sẽ xảy ra ly tán.
- Cổng xây cao hơn tường bao thì tốt, còn xây cao bằng tường bao thì hung (xấu).
- Cổng đi vào nhà hàng, cửa hàng, nếu phương vị của nó đặt ở hướng Sửu Dần hoặc hướng Mùi Thân, thì buôn bán không phát đạt, chủ nhà luôn ốm đau bệnh tật.



Hình 2.5: Một ví dụ về bố trí cổng

- Việc chọn hình dáng, màu sắc và vật liệu làm cổng cũng cần xem xét sao cho hợp với trạch mệnh theo âm dương ngũ hành.
- + Cổng cho gia chủ có ngũ hành thuộc Thổ nên có hình dáng vuông vức, kết hợp với tường rào xây gạch đá, theo gam màu vàng, nâu là hợp.
- + Cổng cho gia chủ mệnh thuộc Kim nên làm có hình dáng cong tròn, màu xám ghi, trắng, bạc, vật liệu nên thiên về kim loại.
- + Cổng cho gia chủ mệnh Thủy thì màu chủ yếu sẽ là gam màu xanh biển và màu đen, hoa văn uốn lượn mềm mại.
- + Những loại cổng làm bằng gỗ, hoặc bằng sắt mà dùng họa tiết hoa lá, sơn màu xanh lá cây với nhiều thanh song song sẽ thích hợp với gia chủ mệnh Mộc.

+ Cổng có nhiều nét nhọn, vát chéo và sơn màu đỏ, nâu hay cổng bên trên có mái ngói nhọn thì dùng cho gia chủ mệnh Hỏa sẽ khá phù hợp.

2.3.1.2. Cửa chính

Phong thủy cho rằng, phương hướng và vị trí của cửa chính có ảnh hưởng đến thành bại của một gia đình.

*** Bố trí cửa chính:**

Theo phong thủy, cửa chính là con đường giao lưu giữa bên trong và bên ngoài, vì thế nó đóng vai trò quan trọng đối với sự thành công hay thất bại của gia chủ.

Cửa chính tốt nhất nên đặt ở chính giữa mặt chính diện của ngôi nhà. Nếu cửa chính lệch về phía trái một ít, thì ở vị trí này gọi là “Thanh long biên”, đây cũng là một vị trí tốt.

- Theo Phong thủy học: Cửa ở phía Đông: lành.

Đây là hướng mặt trời mọc, tràn đầy sinh khí, đặt cửa chính ở vị trí này sẽ tạo cho gia đình làm ăn thuận lợi, nhận được nhiều điều mới mẻ tốt lành. Những không được đặt cửa hướng chính Đông, mà phải đặt lệch sang hướng Đông Nam hoặc Đông Bắc thì mọi việc của gia chủ mới hanh thông.

- Cửa hướng Đông Nam: lành.

Đông Nam là hướng cát lợi. Từ xưa đến nay, ông bà ta thường làm nhà có cửa mở ở hướng Đông Nam, bởi thế Phong thủy mới có câu “Thiết môn lập hương, tạo môn ở Đông Nam, gia vận phồn xương”. Hướng này đặc biệt có lợi cho người buôn bán.

- Cửa hướng Nam: bình thường.

Theo Phong thủy, hướng Nam là nơi hai khí âm dương giao nhau. Âm dương giao nhau bị lệch pha sẽ dẫn đến tâm lý bất an. Hướng này thích hợp cho các thương gia. Tuy nhiên, khi thiết kế cửa chính, chú ý không nên đặt cửa vào đúng hướng Nam, mà phải đặt có một độ lệch nhất định.

- Cửa hướng Tây Nam: dữ.

Tây Nam là hướng của “Quý môn”, sẽ bất lợi cho gia đình về sức khỏe và tài vận.

- Cửa hướng Tây: lành.

Chỉ cần không mở cửa chính theo hướng chính Tây mà chệch Tây một chút thì đây sẽ là phương vị tốt, nó sẽ đem lại niềm vui, hạnh phúc cho gia đình.

- Cửa hướng Tây Bắc: dữ.

Đây là vị trí “Thiên môn”, theo Phong thủy, đây là hướng tôn nghiêm, chỉ thích hợp để đặt bàn thờ, thần vị, chứ không nên đặt cửa chính ở hướng này.

- Cửa hướng Bắc: bình thường.

Phía Bắc không phải là vị trí tốt để đặt cửa chính, vì đây là hướng gió lạnh mùa Đông thổi đến, không có lợi cho sức khỏe.

- Cửa hướng Đông Bắc: dữ.

Theo Phong thủy, hướng Đông Bắc thuộc “Quỷ môn”. Đặt cửa lớn ở hướng này dễ sinh cảnh ly tán, bệnh tật, tử vong.

*** Cửa chính kết hợp với thảm chùi chân:**

Thông thường, trước cửa ra vào, người ta thường trải một tấm thảm chùi chân. Theo Phong thủy, màu sắc của thảm chùi chân cũng mang lại một số ảnh hưởng nhất định. Do vậy, ta cần phải căn cứ vào vị trí đặt cửa chính để chọn màu sắc của thảm cho phù hợp với quy luật sinh khắc của Ngũ hành, đó là:

- Cửa chính hướng về phía Đông, Đông Bắc thì trải thảm màu đen.
- Cửa chính hướng về phía Nam, Đông Nam thì trải thảm màu xanh.
- Cửa chính hướng về phía Tây, Tây Nam thì trải thảm màu vàng.
- Cửa chính hướng về phía Bắc, Tây Bắc thì trải thảm màu sữa.

*** Theo Phong thủy học cần lưu ý:**

- Cửa chính không nên đối diện với cầu thang, thang máy, nếu không sẽ ảnh hưởng đến tài vận.
- Cửa trước và cửa sau không được nằm trên một trục đường thẳng. Cách hóa giải tốt nhất là đóng cửa sau lại.
- Cửa chính phải để thông thoáng, không bày biện quá nhiều đồ đạc gây cản trở đến vận khí đưa vào nhà.

16 điều kiêng kỵ khi lập cửa chính, cổng chính cho ngôi nhà:

1. Khảm Trạch mở vào cung Càn hoặc Càn Trạch mở vào cung Khảm phạm vào Lục Sát: Chủ nam nữ dâm loạn, thanh gia không tốt, chủ đạo tặc, tai nạn thai sản.

2. Chấn Trạch mở vào cung Càn hoặc Càn Trạch mở vào cung Chấn phạm Ngũ Quỷ, sao Ngũ Quỷ thuộc Hoả sinh cung Chấn - Mộc nên càng xấu hơn. Càn Kim khắc Chấn Mộc chủ thương tử, hại cho cha già, chủ hoả tai, đạo tặc, quan quỉ lao ngục, cha con bất hoà.

3. Càn Trạch mở vào Tốn cung, hoặc Tốn Trạch mở vào Càn cung phạm Hoạ Hại. Càn Kim khắc Tốn Mộc hại cho trưởng nữ, chủ tai nạn thai sản, nam sinh bệnh tật, huynh đệ bất hoà. Sao Hoạ Hại - Lộc Tồn thuộc Thổ sinh cho Kim Cung nên có tiền nhưng dễ mắc bệnh tật, tai hoạ.

4. Càn Trạch mở vào Ly cung hoặc Ly Trạch mở vào Càn cung phạm Tuyệt Mệnh. Ly - Hoả khắc Càn – Kim, sao cung lại tương khắc chủ hại cho cha già, thiếu phụ gặp tai ương, hoả hoạn đạo tặc, phá gia tuyệt tự.

5. Khảm Trạch mở vào Cấn cung hoặc Cấn Trạch mở vào Khảm cung phạm Ngũ Quỷ. Thủy Thổ tương khắc, chủ tai hoạ, tà ma xâm hại, tự tử, hoả tai, quan trường bất lợi, nam tử bất hiếu, hại cho trung nam dễ tự tử, yếu vong, xuất hiện quả phụ.

6. Khảm Trạch mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Khảm cung phạm Tuyệt Mệnh. Mẫu khắc tử, chủ trung nam bất hoà, phụ nữ sinh khó, sảy thai,

bại tài, quan phi khẩu thiệt, mắc bệnh tì vị, Âm vượng Dương suy tở sẽ nắm quyền trong nhà.

7. Khảm Trạch mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Khảm cung là phạm vào Hoạ Hại : sao khắc cung chủ trung nam bất lợi, quan phi khẩu thiệt, nữ dễ mắc sản nạn. Ngoại cung Đoài Kim sinh nội cung Khảm thuộc Thuỷ nên tử tôn tuy giàu có nhưng dễ mắc bệnh hoặc tàn tật cuối đời.

8. Cấn Trạch mở vào Chấn cung hoặc Chấn Trạch mở vào Cấn cung là phạm Lục Sát. Cấn - Thổ khắc Lục Sát - Thuỷ, nữ bị sản nạn, thiếu nam thiếu vong, nhân khẩu ít, bệnh tật ôn dịch hoành hành.

9. Cấn Trạch mở vào Tốn cung hoặc Tốn Trạch mở vào Cấn cung là phạm vào Tuyệt Mệnh. Mộc Thổ tương khắc, cung mở cổng cửa khắc cung tọa nên sẽ bất lợi cho thiếu nam, phụ nữ đoạ thai bệnh tật, phá tài, chủ nhân sinh chơi bời, phá bại.

10. Cấn Trạch mở vào Ly cung hoặc Ly Trạch mở vào Cấn cung là phạm vào Hoạ Hại. Sao và cung tuy tương sinh, nội cung sinh ngoại cung chủ cha con bất hoà, dâm loạn.

11. Chấn Trạch mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Chấn cung nên phạm vào Hoạ Hại chủ dâm loạn, cung tương khắc cung, tổn tiền bạc, nhân đinh suy thoái.

12. Chấn Trạch mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Chấn cung là phạm Tuyệt Mệnh, còn gọi là hai phương Long Hổ, Kim Mộc giao chiến, hại cho trưởng nam, trưởng nữ, quan phi đạo tặc xảy ra do sao và cung tương khắc.

13. Tốn Trạch mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Tốn cung phạm vào Ngũ Quỷ. Cung khắc cung cha mẹ nhiều tai hoạ, sản nạn, hoả tai, nữ nhân nắm quyền do Âm thịnh Dương suy.

14. Tốn Trạch mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Tốn cung là phạm vào Lục Sát. Cung khắc cung hại cho trưởng nam, con cháu điên loạn, phá bại, dâm loạn.

15. Ly Trạch mở vào Khôn cung hoặc Khôn Trạch mở vào Ly cung phạm Lục Sát. Cung khắc sao, Thủy Hoả Thổ tương khắc hỗn chiến nên tán tài, hại gia súc, đoạ thai, gia đình nội loạn.

16. Ly Trạch mở vào Đoài cung hoặc Đoài Trạch mở vào Ly cung phạm Ngũ Quỷ. Sao cung tương khắc, hại cho nữ nhân, cha mẹ ly biệt, tán tài, bệnh tật.

2.3.1.3. Cửa trong nhà

Trong nhà thường có nhiều cửa như cửa nhà bếp, phòng vệ sinh, phòng ngủ....

Sau đây là một số điều cấm kỵ bố trí cửa trong nhà theo Phong thủy.

- Cửa bếp không đối diện với cửa phòng vệ sinh, cửa phòng ngủ, cửa ra vào.
- Các cửa phòng ngủ không được đối diện nhau.
- Cửa phòng ngủ không chiếu thẳng vào cửa chính, cửa phòng vệ sinh.

2.3.1.4. Cửa sổ

Học thuyết Phong thủy, gọi cửa chính, cửa sổ của nhà ở là “cửa khí”. Cửa chính, cửa sổ là nơi lưu thông không khí của ngôi nhà, giống như mũi, mồm của con người là “cửa khí” của cơ thể. Cửa chính, cửa sổ không thông thì khí ở trong phòng không thoát được ra ngoài, và khí lành ở bên ngoài không vào được bên trong. Con người sống lâu trong ngôi nhà thiếu đường khí này sẽ sinh ốm đau bệnh tật.

Theo Phong thủy học, ngôi nhà cần phải có cửa lưu thông “khí” tốt: Thông gió, ánh nắng, bảo ôn, an toàn..., nếu không sẽ không có lợi cho sức khỏe con người. Trong xã hội hiện đại, đồ điện gia dụng dùng trong nhà ngày càng gia tăng nhanh, khiến cho không gian thoáng đãng trong phòng dần bị thu hẹp lại, các đồ điện tử bức xạ sóng điện từ và phát tán nhiệt có hại cho sức khỏe. Nhiều gia đình có điều kiện kinh tế trang trí nhà quá nhiều trang bị đắt tiền, nhưng lại đi ngược lại quy luật tự nhiên, biến ngôi nhà cát lợi thành ngôi nhà hung họa. Hiện nay, theo kết quả điều tra của các nhà khoa học về môi trường, mức độ ô nhiễm không khí nội thất cao gấp 10 lần ô nhiễm bên ngoài khu nhà ở.

Theo Phong thủy học, cửa sổ mở về hướng Đông thì đại cát, tài lộc dồi dào, sự nghiệp công danh thành đạt. Nếu mở về hướng Bắc thì bất lợi cho sức khỏe. Mở về hướng Nam, nhìn ra thấy cột ăng ten, cột đèn, cây khô, đá nhọn, hoặc nhìn thấy góc nhà của hàng xóm thì bất lợi cho chủ nhân, chủ nhân có thể mắc bệnh về mắt.

Trước tiên cần nhớ là không nên mở quá nhiều cửa sổ trong một phòng, cửa sổ không nên quá rộng, và thông thường là chỉ nên để hai bức tường có cửa sổ bởi lẽ một phòng có quá nhiều cửa sổ sẽ khiến dễ bị thất thoát nguồn năng lượng.

Bên cạnh đó cũng cần lưu ý không mở cửa sổ đối diện trực tiếp với cửa chính vì như thế, luồng khí từ ngoài đi vào phòng qua cửa sổ sẽ thoát ngay qua cửa chính mà không được luân chuyển trong phòng.

Cửa sổ nên được thiết kế với những cánh cửa có thể mở ra phía ngoài để cho khí dẫn vào và lưu chuyển, tăng cường khí có lợi, đón thêm nhiều may mắn cho gia chủ. Cửa sổ mở vào bên trong vừa chiếm nhiều diện tích phòng vừa mang lại cảm giác thu mình, nhút nhát cho gia chủ.

Làm cửa sổ là để mở ra, nó như đôi mắt không thể nhắm suốt hoặc... bên nhắm bên mở. Muốn vậy, hướng mở cửa sổ rất quan trọng.

- Thứ nhất, cửa sổ phải được mở về hướng gió tốt như nam, đông nam, tây nam và hướng ánh sáng ổn định (bắc, nam). Có khi hướng cửa chính của nhà là tây nhưng cửa sổ có thể mở được ở hướng bắc - nam bên hông thì nên tận dụng.

- Thứ hai, cửa sổ mở ra cần thu vào tầm nhìn, cảnh quan đẹp cho người sử dụng bên trong đồng thời lại tránh được người ngoài nhìn vào. Do đó không nên mở cửa sổ ở đầu giường hay thẳng cuối chân giường. Tốt nhất là chệch góc để giường ngủ nằm trong vùng khuất sáng, vừa thuận lợi cho bố trí đồ đạc, vừa tránh hung khí tác động vào người nằm.

- Thứ ba, khi cửa đi phải đóng thì cửa sổ chính là miệng đối lưu không khí hữu hiệu, vì thế nên chú ý bố trí thêm các cửa sổ trên cao. Loại cửa này có ưu điểm

là thoát luồng khí sát trần, tránh khí quần, giảm tầm nhìn ngoài vào, và bổ sung thêm được ánh sáng từ trên cao. Nếu các cửa sổ phòng mở đối diện thẳng hàng nhau, một dạng trục xung thì luồng gió vào phòng sẽ hút rất nhanh và khó bố trí vật dụng sinh hoạt ổn định. Khi đó, nên sắp xếp đồ nội thất theo cách che chắn, giấu đi sự bài trí "thẳng hàng", có thể là một bức bình phong hay một bức màn, hoặc đặt thêm chậu cây và rèm cửa.

Trong phong thủy nhà ở, miệng dẫn khí (khí khẩu) của ngôi nhà là cửa chính, là cổng vào và cửa phòng. Nhưng với nhà chung cư, cửa sổ lại giữ vai trò quan trọng hơn. Với nhà vườn và biệt thự, việc bố trí cửa chính không đơn giản.

Để hóa giải các trường hợp xấu, ta áp dụng cách treo gương Phong thủy ở ngoài cửa sổ đối diện với điềm xấu trên.

2.3.2. Bố trí nội thất và trang trí

2.3.2.1. Bố trí nội thất

Một số điều lưu ý khi bố trí nội thất như sau:

- Phòng khách nên bố trí rộng rãi, thoáng và đủ ánh sáng.
- Bếp và phòng ăn là nơi tượng trưng cho cửa cải vì thế không nên bố trí gần cửa ra vào vì như vậy sẽ mất hết tiền bạc và hao tổn sức khỏe.
- Không để dưới ban thờ rác hoặc đặt thùng rác, không những phạm tội bất kính mà còn mang họa.
- Không bố trí phòng vệ sinh giữa tâm nhà.
- Không bố trí khu vệ sinh trên nóc khu bếp nấu, phòng khách, giường ngủ.
- Không bố trí hướng xuống của thang tầng 1 đâm thẳng ra cửa chính.
- Tránh bố trí cầu thang đâm thẳng vào cửa vệ sinh.
- Tránh bố trí đầu giường ngủ quay ra cửa đi và cửa sổ.
- Bố trí số bậc cầu thang không phạm vào “*Bệnh, Tử*”.

2.3.2.2. Bài trí vật phẩm phong thủy

Bài trí nội thất theo những nguyên tắc của phong thủy truyền thống sẽ đạt được hưng vượng, khang thái.

• Nghệ thuật bài trí rồng

Để làm tăng thêm sự trang trọng và may mắn trong nhà, nên bài trí tranh tượng rồng. Nhưng muốn đạt hiệu quả may mắn, phú quý, cần đặt tượng rồng, tranh rồng đúng vị trí, đúng quy cách, nếu không sẽ biến cát thành hung.

- Tượng rồng phải đặt ở nơi có nước. Thường thường nhà ai cũng có bồn nước trong nhà, nhưng nếu đặt tượng rồng ở nơi đó thì không được hợp lý. Tốt nhất là mỗi nhà nên có một bể cá và có thể đặt tượng rồng ở trên hoặc ở hai bên của bể cá. Đặt như vậy mới mang lại sự tốt lành cho nhà bạn.

- Tượng Rồng phải hướng ra biển hoặc sông. Phong thủy cho rằng: Song Long xuất hải sẽ đem lại may mắn, thịnh vượng. Nên hãy đặt đôi rồng đá màu tro hoặc màu đen trên lan can hoặc ban công cửa sổ nhà, đầu rồng hướng ra sông, biển.

Nếu để rồng quay ra nơi nước đọng, nước bẩn thì chẳng những không gặp may mà còn không tốt. Gia chủ sẽ gặp sự chẳng lành, gặp tai ương.

- Tượng Rồng phải đặt ở phương Bắc. Nếu quanh nhà không có sông, trong nhà không có bể cá thì phải đặt tượng rồng ở phương Bắc. Vì phương Bắc là nơi thủy khí vượng nên thích hợp với rồng. Có như vậy mới sinh tài vượng.

- Không được đặt tượng rồng, tranh rồng trong phòng ngủ. Theo Phong thủy, rồng có uy lực mãnh liệt, nên không được đặt tranh, tượng rồng trong phòng ngủ, nhất là phòng ngủ của cháu nhỏ.

- Tranh rồng đặt trong khung vàng và treo ở phương Bắc. Nếu muốn treo tranh rồng để cầu tài lộc, bình an thì theo Phong thủy, phải để tranh rồng trong khung vàng (vì kim sinh thủy, thủy hợp với rồng) và đặt tranh rồng ở phương Bắc.

- Những người tuổi Tuất không nên bài trí rồng trong nhà.

- ***Nghệ thuật bài trí rùa***

Theo Phong thủy, rùa biểu tượng cho điềm lành và sự trường thọ. Để đạt được mong muốn mọi điều tốt lành, khỏe mạnh trường thọ, cần tuân thủ các quy tắc sau:

- Đầu rùa phải quay ra cửa.

- Khi bài trí rùa phải căn cứ vào phương vị để đặt cho đúng:

- + Rùa gỗ: Đặt ở hướng Đông hoặc Đông Nam trong phòng.

- + Rùa đá: Đặt ở lan can ngoài phòng và đặt ở hướng Tây Nam và Tây Bắc.

- + Rùa đất nung: Đặt trong bể cá và đặt ở hướng Bắc.

- + Rùa đồng: Phải đặt rùa đồng trên các vật thuộc kim (kim loại) và đặt ở phương Tây và Tây Bắc.

- Dùng rùa để hóa giải góc nhọn xung chiếu:

- + Có thể hóa giải hung hiểm của góc nhọn xung chiếu bằng treo mai rùa thẳng với góc nhọn xung chiếu đang chĩa vào nhà, thì sẽ hóa giải được hiểm họa.

- + Theo Phong thủy, ở những nơi có góc nhọn xung chiếu, có thể đặt một bể nước sạch bằng thủy tinh trong nuôi vài đôi rùa. Nếu có con bị thương hoặc bị chết phải thay ngay con khác.

- ***Nghệ thuật bài trí sư tử***

Theo Phong thủy, trong nhà bài trí tượng sư tử có tác dụng trừ tà và đem lại sự may mắn cho gia chủ.

Khi bài trí tượng sư tử, cần phải lưu ý các điểm sau:

- Tượng sư tử phải đặt ở phương Tây Bắc. Đặt tượng sư tử ở phương Tây Bắc là tốt nhất. Ngoài ra, có thể đặt ở phương Tây vì hai hướng này hợp với sư tử.

- Tượng sư tử phải bày có đôi, thường là một đực và một cái, con đực dẫm lên quả cầu, con cái đùa rờn với con. Nếu chẳng may có một con hỏng vỡ thì phải thay ngay đôi mới.

- Đầu sư tử phải hướng về phương Tây Bắc và hướng ra ngoài nhà (ngoài phòng). Nếu đặt tượng sư tử quay đầu vào nhà thì chẳng những không chặn được yêu tà mà còn mang tai họa đến gia đình.

- Nạm đầu sư tử vào cửa sắt, có tác dụng hóa sát, trừ tà, mang lại sự bình an.

• ***Nghệ thuật bài trí ngựa***

Theo Phong thủy, tượng tranh ngựa nếu đặt ở vị trí hợp lý sẽ có tác dụng sinh vượng và mang lại điều may mắn. Muốn vậy cần:

- Đặt tranh tượng ngựa ở hướng Nam và Tây Bắc. Sở dĩ phải đặt tranh tượng ngựa ở các hướng Nam và Tây Bắc là vì các phương này rất thích hợp với ngựa. Nếu đặt như vậy sẽ rất tốt cho cả gia đình về sức khỏe và tài vận.

- Những người tuổi Tý không nên treo tranh, đặt tượng ngựa. Ngựa có tác dụng sinh vượng, nhưng lại không thích hợp với người tuổi Tý (chuột). Nên những người tuổi chuột thì trong phòng không nên treo tranh, đặt tượng ngựa.

- Tượng ngựa nên đặt 6 con.

- Những người tuổi: Tuất, Dần trong phòng riêng treo tranh ngựa, đặt tượng ngựa thì theo Phong thủy là rất tốt, bởi nó mang lại cho bạn sự hanh thông trong công việc, mang lại tài lộc và sự vui vẻ.

• ***Nghệ thuật bài trí chó***

Theo Phong thủy: Tượng chó được dùng để trấn giữa cửa chính, cổng, cửa hậu của nhà ở. Phong thủy cho rằng: Nếu dùng chó để trấn giữa cửa thì cần phải:

- Đặt tượng chó ở cạnh cửa, cổng, đầu tượng chó quay ra ngoài cửa, cổng.

- Tượng chó không được đặt ở phương Đông Nam. Không nên đặt tượng chó ở phương Đông Nam vì ở phương vị đó, tượng chó không có tác dụng trấn giữ và hóa sát.

- Tượng chó nên đặt một đôi hoặc hai đôi.

- Người tuổi rồng, không nên đặt tượng chó trong nhà. Tượng chó về cơ bản có thể dùng để trấn giữ cổng chính nhưng không phải nhà người nào đặt cũng hợp. Những người tuổi Rồng không bao giờ được đặt tượng chó trong nhà vì Thìn, Tuất tương xung. Nếu không biết mà đặt thì sẽ gặp hậu họa.

- Những người cảm tình con: Dần, Ngọ đặt tượng chó trong nhà sẽ rất tốt, nó giúp cho họ gặp được nhiều may mắn trong cuộc đời.

- Đặt tượng chó trong nhà cũng phải tương hợp với màu sắc. Có thể đặt tượng chó ở các phương Bắc, Tây, Nam và nếu đặt tượng chó ở các phương này, nên chọn màu tượng cho hợp với Phong thủy.

+ Phương Bắc hợp với tượng chó màu đen (hành Thủy).

+ Phương Tây hợp với tượng chó màu trắng (hành Kim).

+ Phương Nam hợp với tượng chó màu vàng (hành Hỏa).

• ***Nghệ thuật bài trí gà trống, ngỗng***

Theo Phong thủy truyền thống, nếu quanh nhà có những hình như con rết, con sâu róm, con rắn thì nên dùng tượng gà trống và tượng con ngỗng bằng gốm để hóa sát.

** Dùng gà trống để hóa sát:*

Nếu ở gần hoặc quanh nhà có đường nước, hoặc đường điện, cột điện có hình giống con rết hoặc con sâu róm thì đặt một chú gà trống bằng gốm để hóa giải nhằm tránh cho trẻ nhỏ khỏi bị giun sán, tiêu hóa kém, lười ăn.

Cách hóa giải như sau:

- Đặt gà trống gốm bên cửa sổ, miệng gà nhằm vào các vật có hình con rết, con sâu róm.

- Chỉ cần đặt một con ở vị trí cần hóa sát là được. Nếu có mấy vị trí cần hóa sát thì mỗi vị trí đặt 1 con, không nên để 3, 4 con cùng một chỗ vì như vậy gà sẽ đánh nhau, tác dụng hóa sát sẽ kém đi.

- Người tuổi Mão đặt gà trống gốm để hóa sát không hợp.

** Dùng con ngỗng gốm để hóa sát:*

Ngỗng là khắc tinh của rắn, nên theo tập tục cổ, bà con nông dân hay dùng ngỗng để phòng rắn.

Nếu quanh nhà ở có các kênh mương hình con rắn uốn lượn thì nên đặt một con ngỗng gốm ở cửa sổ nhằm vào kênh mương đó để cầu được bình an.

• ***Nghệ thuật bài trí bể cá***

Phong thủy rất coi trọng việc đặt bể cá trong nhà và cho rằng nên đặt bể cá ở “suy vị” (phương vị không tốt của năm), vì đưa nước vào chỗ suy có thể chuyển họa thành phúc, chuyển hung thành cát.

Theo Phong thủy, ngoài việc cần phải đặt bể cá ở “suy vị”, còn phải chú ý các điểm sau:

- Không đặt bể cá dưới tượng thần. Phong thủy cho rằng, đặt bể cá dưới các tượng thần và đặc biệt là đặt bể cá dưới tượng thần tài và tượng tam tinh: Phúc, Lộc, Thọ sẽ không tốt, vì như vậy sẽ phạm vào điều kỵ của Phong thủy là: “Chính thần hạ thủy” dẫn đến tiêu tán tài lộc.

- Không đặt bể cá đối diện với bếp lò. Vì theo Ngũ hành, Thủy Hỏa tương khắc, nên bài trí bể cá đối diện với bếp lò sẽ làm hại tới gia chủ.

- Bể cá không được đặt quá đầu người (kể từ đỉnh của bể cá). Theo Phong thủy, đặt bể cá cao quá đầu người sẽ không tốt vì như vậy là ở thế “diệt đỉnh” lành ít dữ nhiều.

- Phải dựa vào Ngũ hành (mệnh) của gia chủ để chọn màu cá, số lượng cá nuôi trong bể cá.

- + Người mệnh Thủy: Nuôi 1 con cá màu nhạt, 6 con cá màu đậm.

- + Người mệnh Hỏa: Nuôi 2 con cá màu nhạt, 7 con cá màu đậm.

- + Người mệnh Mộc: Nuôi 1 con cá màu nhạt, 8 con cá màu đậm.

+ Người mệnh Kim: Nuôi 4 con cá màu nhạt, 9 con cá màu đậm.

+ Người mệnh Thổ: Nuôi 5 con cá màu nhạt, 10 con cá màu đậm.

Ví dụ: Gia chủ mệnh Kim thì nên nuôi 4 con cá màu nhạt (hoặc trắng) và 9 con cá màu đậm (hoặc đỏ).

- ***Nghệ thuật bài trí cây cảnh***

Phong thủy học truyền thống rất chú trọng đến cây cối quanh nhà và các vị trí, chủng loại của chúng.

- Cây xương rồng có tác dụng hóa sát trừ tà. Nên đặt cây xương rồng ở “suy vị”. Ở suy vị cũng có thể trồng hoa hồng để trừ tà bởi hoa hồng có gai sắc nhọn.

- Những loại cây tươi tốt quanh năm, lá to xanh đặt ở “vượng vị” sẽ sinh vượng như: Trúc, tre, tùng, mẫu đơn, kim tiền...

- Những phương vị không vượng, không suy thì chỉ cần đặt cây có lá xanh tốt như: Cây vạn niên thanh, cây sống đời, các loại trúc, tùng... Cây trúc xanh tươi quanh năm tượng trưng cho sự bình an và có tác dụng sinh vượng. Mẫu đơn có hoa màu sắc tươi thắm được gọi là hoa phú quý. Tranh hoa mẫu đơn treo ở vượng vị sẽ sinh phú quý.

- ***Nghệ thuật bài trí gương (hóa giải bằng gương phong thủy)***

Theo quan điểm Phong thủy thì bất cứ một loại hình kiến trúc nhà ở nào, hoặc do địa hình, hoặc do hoàn cảnh, hoặc do tu sửa các công trình xung quanh cũng đều có những ảnh hưởng nhất định đến ngôi nhà của bạn.

Mức độ của những ảnh hưởng sẽ khác nhau, vì vậy cần phải căn cứ vào tình hình thực tế mà định ra cách giải quyết. Thông thường, do không thể thay đổi được cấu trúc nhà ở nên người ta phải nhờ đến biện pháp phổ biến nhất là dùng gương Phong thủy để cải thiện tình hình.

Gương Phong thủy có ba loại: lồi, lõm và bằng phẳng. Trong đó, gương phẳng là phổ biến nhất.

Gương phẳng là một chiếc gương bình thường dùng để phản chiếu cảnh vật xung quanh.

Do có tác dụng phản xạ nên gương phẳng làm thay đổi hướng ảnh hưởng của sự vật. Vì vậy, dùng gương phẳng có tác dụng triệt tiêu ảnh hưởng xấu.

Gương lõm có tác dụng tập hợp, hội tụ; còn gương lồi thì phân tán ánh sáng. Do vậy, mỗi loại có tác dụng khác nhau. Trong Phong thủy: Nếu trước mặt nhà ở là núi thì gọi là “triều sơn” (hướng về núi). Nếu núi trước nhà có ba đỉnh thì gọi là “hỏa bình sơn” (núi hình lửa) thì sẽ tiềm ẩn hiểm họa. Dù cửa sổ hay cửa lớn có hướng đối diện với “hỏa bình sơn” đều là đại hung.

Cách hóa giải: Treo gương lồi trước cửa lớn và cửa sổ đối diện hướng núi. Như vậy, gương sẽ phân tán và triệt tiêu ảnh hưởng xấu của núi.

Cửa lớn nhà ở đối diện với thang máy thì địa khí thoát hết ra ngoài sẽ bất lợi cho tài vận. Theo Phong thủy, vị trí cửa lớn có thang máy sẽ ảnh hưởng đến từng người trong gia đình ở các hướng như sau.

- Phía Đông (Chấn) bất lợi cho trường nam.
- Phía Đông Nam (tốn) bất lợi cho trường nữ.
- Phía Nam (Ly) bất lợi cho thứ nữ.
- Phía Tây Nam (Khôn) bất lợi cho nữ chủ nhân.
- Phía Tây (Đoài) bất lợi cho thiếu nữ.
- Phía Tây Bắc (Càn) bất lợi cho chủ nhân.
- Phía Bắc (Khảm) bất lợi cho thứ nam.
- Phía Đông Bắc (Cấn) bất lợi cho con thứ ba.

Cách hóa giải: Treo gương gồm lên đà ngang khung cửa lớn để thu dẫn địa khí đang bị phân tán về.

• ***Hóa giải bằng thanh long, bạch hổ***

Theo Phong thủy, một ngôi nhà vuông vẫn có thể phân thành năm phương vị, mỗi một phương vị đều có tên gọi riêng. Lấy cửa chính làm chuẩn, trung tâm nhà ở giữa nhìn ra cửa chính thì phía sau gọi là “tọa phương”. Trước mặt là “hướng phương”, từ đó phân thành các phương vị:

- Hướng phương - Chu tước vị
- Tọa phương - Huyền vũ vị
- Bên trái - Thanh Long vị
- Bên phải - Bạch hổ vị

Theo Phong thủy, “Thanh Long” thuộc phương vị “kiết” (lành), “Bạch Hổ” thuộc phương vị “hung” (dữ).

Tại “Thanh Long vị”, chủ nhân là người có quan hệ tốt, được bạn bè, đồng sự, cấp trên tin yêu giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi. Có nhiều cơ duyên gặp quý nhân.

Tại “Bạch hổ vị”, chủ nhân là người bất hạnh do luôn gặp những cản trở của đồng nghiệp, cấp trên làm khó dễ, bạn bè không tin tưởng giúp đỡ. Đây là phương vị của tiểu nhân.

Phong thủy học cho rằng, cần phải luôn làm cho “Thanh long” mạnh hơn “Bạch hổ” thì gia đình êm ấm, hạnh phúc, làm ăn thuận lợi, hanh thông. Nếu cái thế trên ngược lại thì gia đình sẽ đâm vào túng quẩn, gặp nhiều chuyện không may như bệnh tật, tai nạn cãi vã...

Nếu mặt nhìn ra cửa, nhưng bên trái căn phòng cái gì cũng nhiều hơn, đẹp hơn, đầu tư nhiều hơn nghĩa là ta đã làm cho Thanh long mạnh hơn Bạch hổ. Đó là cách bố trí tốt cho gia vận.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Cơ sở chọn đất và thế đất cho công trình xây dựng?
2. Những đất và thế đất tốt cho công trình xây dựng?
3. Những đất và thế đất không tốt cho công trình xây dựng?

4. *Quan điểm phong thủy về hướng nhà?*
5. *Quan điểm phong thủy về vị trí nhà?*
6. *Quan điểm phong thủy về vị trí nhà?*
7. *Quan điểm phong thủy về cổng nhà?*
8. *Quan điểm phong thủy về cửa nhà?*
9. *Quan điểm phong thủy về cửa sổ nhà?*
10. *Quan điểm phong thủy về bố trí nội thất?*
11. *Nghệ thuật bài trí rồng, rùa, sư tử theo phong thủy?*
12. *Nghệ thuật bài trí ngựa, chó theo phong thủy?*
13. *Nghệ thuật bài trí gà trống, ngỗng theo phong thủy?*
14. *Nghệ thuật bài trí bể cá, cây cảnh theo phong thủy?*
15. *Nghệ thuật bài trí gương trong phong thủy?*

CHƯƠNG 3

ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG BỐ TRÍ NHÀ Ở VÀ NỘI THẤT

3.1. TINH BÀN VÀ NHẬN ĐỊNH TỐT XẤU CHO NGÔI NHÀ

3.1.1. Phương pháp lập Tinh bàn

Để có thể đánh giá được dương trạch (nhà) và âm trạch (mồ mả) tốt hay xấu và lý giải nhiều hiện tượng tốt xấu do nhà cửa hay mồ mả thì cần hiểu rõ về sự di chuyển của Cửu tinh trong Huyền không phi tinh, đồng thời phải lập được Tinh bàn cho dương trạch hay âm trạch ấy.

Muốn lập tinh bàn (hay trạch vận) cho 1 căn nhà (hay 1 ngôi mộ) thì vấn đề trước tiên là phải biết căn nhà hay ngôi mộ đó được xây dựng trong năm nào, tháng nào? Rồi dựa vào bảng Tam nguyên cửu vận (*Xem chương 1*) gần đây nhất mà xác định nhà đó thuộc vận nào? Thí dụ như 1 căn nhà được xây xong vào tháng 6 năm 1984. Nếu nhìn vào bảng Tam nguyên cửu vận gần đây thì thấy Vận 7 bắt đầu từ 1984 và kết thúc vào cuối năm 2003, cho nên biết nhà đó thuộc vận 7 Hạ nguyên.

Nhưng vấn đề xác định nhà thuộc vận nào trở nên rắc rối và phức tạp khi một căn nhà đã được xây xong khá lâu, sau đó được chủ nhà tu sửa hay xây lại nhiều lần. Hoặc sau khi xây xong thì căn nhà đã được đổi chủ... Đối với những căn nhà trên thì việc xác định căn nhà thuộc vận nào là phụ thuộc vào những yếu tố sau đây:

- Nếu sau khi vào ở một thời gian rồi chủ nhà hoặc là dỡ mái lợp lại (nếu là nhà trệt), hoặc là tu sửa quá 1/3 diện tích căn nhà, hoặc là đập đi xây mới thì căn nhà sẽ không còn thuộc về vận cũ lúc mới xây nhà hay dọn vào nhà ở nữa, mà sẽ thuộc về vận là lúc gia chủ thực hiện những việc tu sửa trên.

- Nếu căn nhà được đổi chủ (vì bán hoặc cho thuê) thì khi lập tinh bàn căn nhà cho chủ mới thì phải dựa vào thời điểm họ dọn vào nhà này ở, chứ không dựa vào thời điểm lúc xây nhà. Nếu một căn nhà được đổi chủ nhiều lần, thì khi lập tinh bàn cho người chủ nào thì chỉ dựa vào thời điểm người đó dọn vào căn nhà để ở là thuộc vận nào. Cũng lấy thí dụ căn nhà ở trên, xây xong và dọn vào ở tháng 6 năm 1984 nên căn nhà thuộc Vận 7. Nhưng nếu vào năm 2005 bán nhà, thì khi người chủ mới dọn về nhà này thì trạch vận căn nhà của họ lại thuộc về Vận 8 (vì Vận 8 bắt đầu từ năm 2004 và kết thúc vào cuối năm 2023). Cho nên tùy thời điểm mà gia chủ dọn vào căn nhà là thuộc vận nào mà tính trạch vận cho họ thuộc vận đó.

- Đối với những căn nhà tuy không đổi chủ hay được tu sửa, nhưng nếu chủ nhà đóng cửa đi vắng 1 thời gian từ hơn 1 tháng trở lên, đến khi họ trở về thì căn nhà sẽ thuộc về vận vào lúc họ trở về, chứ không còn thuộc về vận cũ nữa. Cũng lấy thí dụ nhà xây năm 1984, người chủ sau khi mua ở đó được gần 20 năm. Tới năm 2004 người đó có công chuyện phải đi xa hơn 2 tháng mới về. Như vậy khi người này trở về nhà thì lúc đó căn nhà sẽ chuyển sang thuộc về Vận 8, chứ không còn thuộc về Vận 7 nữa.

- Đối với những căn nhà được xây hay dọn vào ở trong năm cuối của 1 vận thì trạch vận của căn nhà thường là thuộc về vận mới, chứ cũng không thuộc về vận cũ

nữa. Thí dụ như những căn nhà được xây hay được dọn vào ở năm 2003, tức là năm cuối cùng của Vận 7 thì trạch vận của căn nhà sẽ thuộc về Vận 8, chứ không thuộc về Vận 7 nữa.

- Riêng với âm phần (mồ mả), thì trạch vận được tính vào lúc ngôi mộ mới được xây, hoặc lúc sau này con cháu cải táng hay tu sửa mộ bia lại. Chẳng hạn như 1 ngôi mộ được dựng lên vào năm 1987 thì thuộc Vận 7, đến năm 2006 thì con cháu xây mộ, thay bia lại thì lúc đó mộ lại thuộc về Vận 8.

Khi đã biết cách xác định nhà (hay mộ) thuộc Vận nào thì mới có thể lập tinh bàn cho căn nhà (hay phần mộ đó). Nhưng trước hết lấy 1 tờ giấy trắng vẽ 1 ô vuông lớn, sau đó chia ô vuông đó ra làm 9 ô nhỏ, với 8 ô chung quanh tiêu biểu cho 8 hướng: Bắc, Đông Bắc, Đông, Đông Nam, Nam, Tây Nam, Tây và Tây Bắc. Riêng ô giữa được coi là trung cung. Sau đó mới có thể tiến hành việc lập tinh bàn như sau:

Lập Vận bàn:

Muốn lập Vận bàn thì lấy số của Vận mà căn nhà (hay ngôi mộ) đó thuộc về đem nhập trung cung, nhưng an ở trên cao và chính giữa của trung cung, rồi di chuyển thuận theo vòng Lượng thiên Xích.

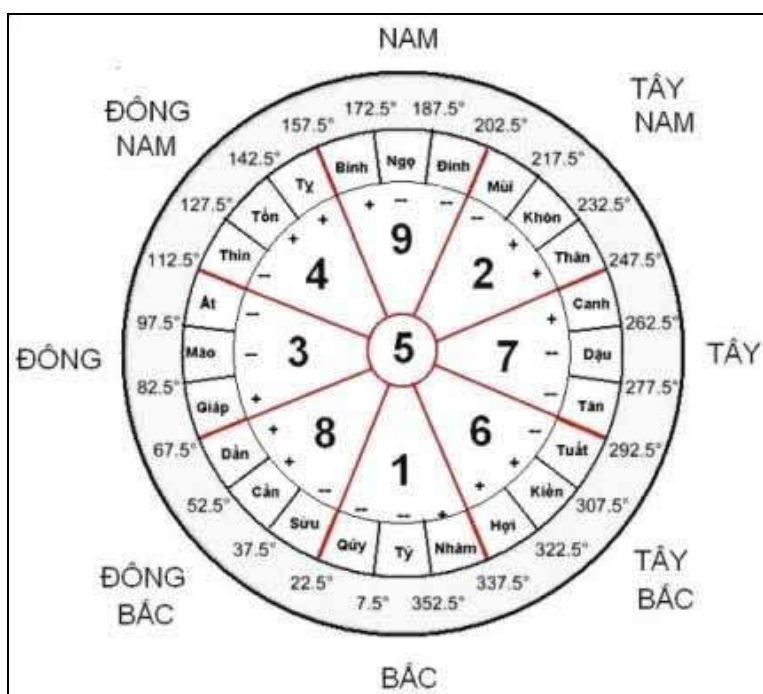
Thí dụ nhà xây năm 1984 tức thuộc Vận 7. Như vậy, lấy số 7 nhập trung cung, sau đó theo chiều thuận an số 8 tại phía Tây Bắc, số 9 tại phía Tây, số 1 tại phía Đông Bắc, số 2 tới Nam, số 3 tới Bắc, số 4 tới Tây Nam, số 5 tới Đông, số 6 tới Đông Nam. Tất cả những số đó đều được gọi là “Vận tinh” (tức phi tinh của Vận) của căn nhà này, và đều được an ở trên cao và chính giữa của mỗi cung. Điều nên nhớ khi lập Vận bàn là phi tinh chỉ di chuyển “Thuận”, tức là từ số nhỏ lên số lớn, chứ không bao giờ đi chuyển “Nghịch” từ số lớn xuống số nhỏ hơn.

Lập Sơn bàn:

Theo thuật ngũ Phong thủy, “Sơn” (có nghĩa là núi) dùng để chỉ khu vực phía sau nhà (tức phương “tọa”). Cho nên sau khi đã an Vận bàn thì nhìn xem số nào tới khu vực phía sau của căn nhà. Lấy số đó đem nhập trung cung, nhưng để tại góc dưới mé bên trái. Lúc này cần phải biết tọa của căn nhà thuộc sơn nào, rồi phối hợp với Tam nguyên long của Vận tinh tới phương tọa để quyết định di chuyển theo chiều “Thuận” hay “Nghịch”.

Thí dụ như căn nhà có hướng là 0 độ thì phương tọa của căn nhà sẽ là 180 độ (vì tọa bao giờ cũng ngược với hướng, tức là cách nhau 180 độ). Như vậy căn nhà này sẽ là tọa Ngọ hướng Tý. Nếu xây năm 1984 tức thuộc Vận 7, nên lấy số 7 nhập trung cung di chuyển thuận như đã nói ở trên thì 2 tới Nam tức phương tọa của nhà này. Bây giờ muốn lập Sơn bàn thì phải lấy số 2 nhập trung cung (để ở góc trên mé bên trái), nhưng muốn biết nó sẽ xoay chuyển “Thuận” hay “Nghịch” thì phải coi xem Tam nguyên long của số 2 là gì (*Tra tại hình 3.1*). Vì số 2 (tức hướng Tây Nam) có 3 sơn là Mùi – Khôn – Thân, với Mùi thuộc âm và Khôn – Thân thuộc dương trong Tam nguyên long. Mà tọa của căn nhà là nằm nơi phía Nam. Phía Nam cũng có 3 sơn là Bính – Ngọ – Đinh. Vì trong Vận 7, số 2 tới phía NAM, nên lấy 3 sơn Mùi – Khôn – Thân của số 2 áp đặt lên 3 sơn Bính – Ngọ – Đinh của phương này. Nhưng vì

chính tọa của căn nhà là nằm tại sơn Ngọ, tức là trùng với sơn Khôn của số 2. Vì sơn Khôn là thuộc Dương trong Tam nguyên long, cho nên mới lấy số 2 nhập trung cung rồi di chuyển theo chiều “Thuận”, tức là số 3 tới Tây Bắc, số 4 tới Tây....Tất cả những số này đều được gọi là “Sơn tinh” (tức phi tinh của phương tọa) của trạch vận, với sơn tinh số 6 nằm tại phương tọa (tức phía Nam) của căn nhà này. Mọi Sơn tinh đều được an tại góc phía trên bên trái của mỗi cung, để tiện phân biệt giữa chúng với “Vận tinh” và “Hướng tinh”.



Hình 3.1: Phương vị gốc của Cửu tinh trong Hậu thiên bát quái và Tam nguyên long

Lưu ý: Khi là sao số 5 nếu sơn đối xứng qua trung cung là số nào thì khi đối chiếu với hình 3.1 mà là âm thì vận “nghịch” và ngược lại. Đối với hướng cũng vậy.

Lập Hướng bàn:

Sau khi đã lập xong “Sơn bàn” thì bắt đầu tới việc lập Hướng bàn. Việc lập Hướng bàn cũng tương tự như việc lập Sơn bàn, tức là tìm “Vân tinh” tới phía trước nhà là số nào? Lấy số đó đem nhập trung cung, nhưng để nơi góc phía trên mé bên phải. Sau đó cũng phải xác định hướng của căn nhà là thuộc sơn nào? Rồi phối hợp với Tam nguyên long của Vân tinh tới hướng mà quyết định di chuyển “Thuận” hay “Nghịch”.

Cho nên nếu vẫn lấy thí dụ là căn nhà tọa Ngọ hướng Tý, nhập trạch trong Vận 7 như ở trên thì sẽ thấy Vân tinh số 3 tới hướng. Vì số 3 thuộc phía Đông, gồm 3 sơn Giáp – Mão – Ất, với Giáp nằm về phía Bắc, cũng có 3 sơn là Nhâm – Tý – Quý. Đem áp đặt 3 sơn Giáp – Mão – Ất của số 3 lên ba sơn Giáp – Mão – Ất của phía Bắc, nhưng vì chính hướng của căn nhà là thuộc sơn Tý, tức trùng với sơn Mão của số 3. Vì sơn Mão thuộc âm trong Tam nguyên long, cho nên lấy số 3 nhập trung

cung rồi di chuyển theo chiều “Nghịch”, tức là 2 tới Tây Bắc, 1 tới Tây.... Tất cả những số này đều được gọi là “Hướng tinh” (tức phi tinh của Hướng) của trạch vận, với hướng tinh số 7 nằm ở hướng, nên trong Vận 7 thì nhà này được “vượng tinh tới hướng” nên được xem là một nhà tốt. Tất cả những Hướng tinh đều được an tại góc phía trên mé bên phải của mỗi cung.

	Nam						
Đông Nam							Tây Nam
	1	4	6	8	8	6	
	6		2		4		
Đông	9	5	2	3	4	1	Tây
	5		7		9		
	5	9	7	7	3	2	
	1		3		8		
Đông Bắc	Bắc						Tây Bắc

Như vậy, sau khi đã lập “Vận bàn”, “Sơn bàn” và “Hướng bàn”, chúng ta sẽ xác định được vị trí của mọi Vận tinh, Sơn tinh và Hướng tinh. Đây chính là trạch vận của 1 căn nhà hay 1 phần mộ. Như vậy, 1 trạch vận gồm có 3 tinh bàn: Vận bàn, Sơn bàn và Hướng bàn. Kết hợp nó với địa thế chung quanh và cấu trúc bên trong của một căn nhà, người học Phong thủy Huyền không sẽ có thể phán đoán chính xác mọi diễn biến tốt, xấu đã, đang và sẽ xảy ra cho căn nhà đó.

3.1.2. Nhận định tốt xấu cho ngôi nhà

3.1.2.1. Vượng Sơn, Vượng Hướng

Sau khi đã thiết lập được tinh bàn (hay trạch vận) cho 1 căn nhà thì điều trước tiên là phải xác định được những khu vực nào có sinh – vượng khí, cũng như những khu vực nào có suy - tử khí của căn nhà đó. Điều này cũng rất dễ dàng, vì chỉ cần căn cứ vào thời điểm lúc đang coi Phong thủy cho căn nhà là thuộc vận nào, rồi lấy vận đó làm chuẩn mốc. Kế đó nhìn vào hết 9 cung của trạch bàn. Hễ thấy cung nào có Hướng tinh cùng 1 số với đương Vận (tức vận hiện tại) thì khu vực đó được xem là có Vượng khí. Những cung nào có 2 số tiếp theo sau vượng khí thì được xem là có Sinh khí. Những cung nào có số trước số của vượng khí thì bị coi là có Suy khí. Còn những cung nào có những số trước vượng khí từ 2 số trở lên thì đều bị coi là có Tử khí. Những điều này được áp dụng cho cả Hướng tinh lẫn Sơn tinh, còn Vận tinh thì không mấy quan trọng nên không cần phải xét tới.

Ví dụ 1: Nhà tọa Tý hướng Ngọ, xây xong và vào ở trong vận 8.

	ĐÔNG			NAM			TÂY		
	NAM						NAM		
	3	4	7	8	8	3	1	6	5
ĐÔNG	2	5	6	4	3	8	6	1	1
							TÂY		
	7	9	2	9	7	4	5	2	9
ĐÔNG	BẮC			BẮC			TÂY		
							BẮC		

Nếu lập trạch vận thì sẽ thấy Hướng tinh 8 tới phía Nam, nên phía Nam được xem là đắc vượng khí (vì hướng tinh cùng 1 số với đương Vận, tức Vận 8). Còn phía Đông Bắc có hướng tinh số 9, phía Tây có hướng tinh số 1, tức là 2 số tiếp theo sau số 8 (vì sau 8 là 9, sau 9 lại trở về 1) nên là 2 khu vực có sinh khí. Còn phía Bắc có hướng tinh số 7, trước số 8 (đương vận) 1 số nên là khu vực có suy khí. Những phía còn lại có những hướng tinh 6, 5, 4, 3, 2, tức là những số trước số 8 tối thiểu là 2 số nên đều là những khu vực có tử khí. Đó là mới chỉ xét về Hướng tinh. Sau đó lần lượt làm như vậy với Sơn tinh để tìm ra những khu vực có sinh, vượng khí hay suy, tử khí.

Ví dụ 2: Cũng nhà tọa Tý hướng Ngọ, xây xong và vào ở năm 2000 (tức vận 7), đến năm 2007 mới coi Phong thủy. Vì nhà còn mới, chưa tu sửa gì nhiều, chủ nhà cũng chưa bao giờ đi xa quá 1 tháng, cho nên khi lập trạch vận thì vẫn phải dùng Vận 7 để lập Vận bàn. Sau đó lấy tọa, hướng bàn thì sẽ thấy Hướng tinh 7 tới phía Bắc, Hướng tinh 8 tới phía Tây Nam. Hướng tinh 9 tới phía Đông, Hướng tinh 1 tới phía Đông Nam. Vì nhà này nhập trạch trong vận 7, nên lúc đó phía Bắc có hướng tinh số 7, nên là 1 khu vực tốt (đắc vượng khí). Còn phía Đông Nam có hướng tinh số 1, lúc đó trong Vận 7 còn là tử khí nên là 1 khu vực xấu. Nhưng đến năm 2007 mới coi Phong thủy thì đã qua Vận 8, nên lúc đó khu vực phía Bắc có số 7 là bị suy khí, nên đã biến thành xấu. Còn khu vực phía Tây Nam có hướng tinh số 8, lúc này đã trở thành vượng khí, nên là khu vực tốt nhất của căn nhà. Rồi hướng tinh số 1 đang là tử khí của vận 7 trở thành sinh khí của vận 8, nên khu vực phía Đông Nam cũng đang từ xấu mà biến thành tốt.

Cho nên sự biến đổi của Sơn, Hướng tinh: từ sinh, vượng khí thành suy, tử khí, rồi từ suy, tử trở thành sinh, vượng là điều mà người học Huyền không cần để ý, và nó cũng là một trong những yếu tố giúp cho việc giải đoán Phong thủy thêm phần linh hoạt và uyển chuyển, chính xác hơn.

Sau khi đã phân biệt Cửu khí thành Sinh – Vượng – Suy – Tử cho mỗi vận thì mới xét tới mức độ ảnh hưởng của chúng như sau:

- Sinh khí: Có tác dụng tốt, tuy ảnh hưởng lâu dài và trong tương lai, nhưng cũng cần được phát huy.
- Vượng khí: Có tác dụng tốt đẹp và mau chóng, nhất là trong lúc còn đương vận, cho nên cần được phát huy càng sớm càng tốt.
- Suy khí: Vì chỉ là khí suy nên tác dụng cũng chưa đến nỗi xấu lắm (ngoại trừ các khí 2, 5, 7) cho nên tuy cần phải né tránh nhưng cũng không phải là tuyệt đối.
- Tử khí: Là những khí xấu cần phải né tránh, nếu không sẽ có tai họa về nhân sự, sức khỏe hoặc tiền bạc.

Kể đó lại còn phải phân biệt những khí Sinh – Vượng – Suy – Tử đó là Sơn tinh hay Hướng tinh. Nếu là Sơn tinh thì sẽ có ảnh hưởng đến nhân sự (số lượng người nhiều, ít, tài giỏi hay không...trong nhà). Nếu là Hướng tinh thì sẽ có ảnh hưởng đến sức khỏe và tài lộc của gia đình đó.

Trong “Thiên ngọc kinh Ngoại thiên” của Dương công Châm có viết: “Sơn quản nhân đình, Thủy quản tài lộc”. Chữ “Sơn” ở đây không chỉ có nghĩa là “núi”, mà còn là Sơn tinh của 1 trạch vận. Cũng như chữ “Thủy” không chỉ có ý nghĩa là “sông nước”, mà còn là Hưởng tinh (do quan niệm phương tọa cần có núi, phía trước cần có thủy). Cho nên Sơn tinh chủ về nhân đình, còn Hưởng tinh chủ về tài lộc.

Vì đã gọi là “Sơn”, nên Sơn tinh nếu muốn phát huy tác dụng (hay đặc cách) thì cần phải có núi cao (hay nhà hoặc cây cao...). Vì đã gọi là “Thủy”, nên Hưởng tinh nếu muốn phát huy tác dụng thì cần phải gặp nước (thủy). Nhưng không phải Sơn tinh nào cũng cần phải gặp núi, mà chỉ có những Sơn tinh đang là khí Sinh, Vượng mà thôi. Chẳng hạn như trong Vận 1 thì các Sơn tinh 1 (vượng khí), 2, 3 (sinh khí) đóng ở khu vực nào thì cần có núi hay nhà cao ở tại khu vực đó. Có như vậy thì gia đình đó nhân đình đông đúc, lại chủ xuất hiện người tài giỏi, có danh, có tiếng. Ngược lại, những khu vực có những Sơn tinh là Suy khí hay Tử khí thì lại cần thấp, trống hay bằng phẳng. Nếu tại những khu vực đó mà có núi hay nhà cao... thì sẽ có tai họa về nhân đình như hiếm người, con cái khó lấy chồng, lấy vợ, hoặc trong nhà xuất hiện cảnh chia ly, góa bụa, cô quả....

Đó chỉ là riêng đối với các trường hợp khí Sinh – Vượng – Suy – Tử của Sơn tinh. Còn đối với các trường hợp của Hưởng tinh cũng thế. Tuy rằng Hưởng tinh cần có Thủy, nhưng chỉ những khu vực nào có Sinh khí hay Vượng khí của Hưởng tinh mới cần có Thủy như sông, hồ, ao, biển hoặc ruộng tắm, nhà vệ sinh, đường xá, cửa ra vào... Nếu được như thế thì tài lộc dồi dào, của cải sung túc, công việc làm ăn ổn định... Ngược lại, nếu những khu vực có Suy, Tử khí của Hưởng tinh mà lại có “Thủy” thì nhà đó tài lộc tụt thiếu, dễ bị hao tán tiền của, công ăn việc làm lụn bại...

Ví dụ: Nhà hướng 30 độ, tức tọa Mùi hướng Sửu, vào ở trong vận 8. Nếu lập Trạch vận thì sẽ thấy các Hưởng tinh 8 (Vượng khí), 9, 1 (Sinh khí) ở các khu vực phía Đông Bắc, Tây và Tây Bắc. Cho nên những khu vực này (bên trong hay bên ngoài nhà) cần có thủy của sông hồ, ao biển, ruộng tắm, cửa ra vào ... Còn khu vực phía Nam có hướng tinh 7 (Suy khí) nên không nên có thủy, nếu có tất nhà sẽ dễ bị trộm cướp quấy phá. Những khu vực còn lại cũng toàn là Tử khí của Hưởng tinh nên đều không nên có thủy hoặc cửa ra vào.

ĐÔNG NAM	6 3 7	1 7 3	8 5 5	TÂY NAM
ĐÔNG	7 4 6	5 2 8	3 9 1	TÂY
ĐÔNG BẮC	2 8 2	9 6 4	4 1 9	TÂY BẮC
	BẮC			

Kế đó lại xét tới những trường hợp của các Sơn tinh. Vì các Sơn tinh số 8 (Vượng khí), 9, 1 (Sinh khí) nằm tại các khu vực phía Tây Nam, Bắc và Nam, nên nếu những khu vực này mà có núi hay nhà cao... thì nhà này sẽ đông con, nhiều cháu, con cái tài giỏi, nên người... Các khu vực còn lại thì chỉ toàn là Suy khí hay Tử khí của Sơn tinh, nên nếu có núi hay nhà cao tất sẽ làm phương hại tới nhân đình của căn nhà này.

Sau khi đã biết và phân biệt được những yếu tố trên rồi mới có thể xét tới trường hợp cơ bản đầu tiên của Phong thủy Huyền Không là Vượng sơn, Vượng hướng. Như chúng ta đã biết, Phong thủy bắt đầu từ Hình tượng, rồi sau này mới phát triển lên tới Lý khí và Vận số. Mà Hình tượng phái (tức Loan đầu phái) thường chủ trương nhà cần có núi bao bọc, che chở nơi phía sau (Huyền Vũ), còn phía trước thì cần phải trống thoáng, có sông, hồ phản chiếu ánh sáng để tích tụ Long khí (Chu Tước), đồng thời có cửa ra vào để hấp thụ Long khí. Còn đối với Phong thủy Huyền không thì khi cất nhà phải chọn hướng như thế nào cho Vượng khí của Hướng tinh tới Hướng (tức phía trước), còn Vượng khí của Sơn tinh tới phía sau. Phối hợp giữa Hình tượng với Lý khí (tức phi tinh) thì nhà này sẽ có Vượng khí của Hướng tinh tới phía trước, đắc Thủy của sông hồ, lại có lối ngõ, cửa nẻo vào nhà nên tài lộc đại vượng. Còn Vượng khí của Sơn tinh tới phía sau gặp núi nên chủ vượng nhân đinh, con cháu đông đúc, nhân tài xuất hiện nên là cách cục “phúc lộc song toàn”. Cho nên Vượng Sơn, Vượng Hướng (còn gọi là Đáo sơn, Đáo hướng, vì vượng khí của Sơn tinh tới tọa, vượng khí của Hướng tinh tới hướng) là cách cục cơ bản của Phong thủy và Huyền không. Những nhà có cách cục như vậy còn được gọi là những nhà có “Châu bảo tuyến” (hướng nhà quý như châu báu). Điểm quan trọng của những trường hợp này là giữa hình thế bên ngoài (Loan đầu) và phi tinh có sự tương phối thích hợp. Ngược lại, nếu 1 căn nhà phía trước cũng có sông hồ, phía sau cũng có núi cao. Nhưng do việc chọn hướng không thích hợp, hoặc do xây dựng không đúng lúc mà khi lập Trạch vận thì Vượng khí của Sơn tinh lại tới hướng (phía trước), còn vượng khí của Hướng tinh lại tới tọa (phía sau) thì tuy hình thế chung quanh của ngôi nhà là tốt, nhưng do không ứng hợp được với phi tinh nên lại chủ phá tài, tổn đinh, tan cửa nát nhà mà thôi. Đây còn gọi là cách cục “Thượng sơn, Hạ thủy” sẽ nói ở 1 phần sau.

Một điểm cần chú ý trong cách cục “vượng Sơn, vượng Hướng” (hay “Đáo sơn, Đáo hướng”) này là tuy trên lý thuyết thì các nhà Phong thủy thường coi những nhà có vượng khí của Hướng tinh tới phía trước, còn vượng khí của Sơn tinh tới phía sau nhà là cách cục “vượng Sơn, vượng Hướng”. Nhưng điều quan trọng là địa hình bên ngoài của căn nhà (Loan đầu) có phù hợp với vượng khí của Sơn và Hướng tinh hay không? Nếu phù hợp thì mới thật sự là cách cục “vượng Sơn, vượng Hướng”, và nhà mới phát phúc, phát lộc. Còn nếu địa hình không phù hợp thì sẽ biến thành cách cục “Thượng Sơn, Hạ Thủy” mà gây ra hung họa đầy dẫy. Nhưng thế nào là phù hợp hay không phù hợp? Như chúng ta đã biết, Sơn tinh mà muốn đắc cách thì phải đóng ở những khu vực có núi cao. Còn Hướng tinh mà muốn đắc cách thì phải đóng ở những khu vực có thủy như sông biển hoặc đường đi hay cửa nẻo ra vào nhà... Cho nên những nhà mà có vượng khí của Hướng tinh tới phía trước thì còn đòi hỏi khu vực phía trước của nhà đó phải trống, thoáng, có thủy hay đường đi, cửa ra vào... Còn vượng khí của Sơn tinh đến phía sau cũng đòi hỏi khu vực phía sau nhà có núi hay nhà cao... Có như thế mới được coi là thật sự đắc cách “Đáo sơn, Đáo hướng” mà đinh, tài đều vượng. Ngược lại, nếu như nhà đó có vượng khí của Hướng tinh tới phía trước, nhưng phía trước nhà lại có núi hay nhà cao, hoặc bị gò đất nhô lên, hay bị cây cối rậm rạp, um tùm che chắn... tức là vượng khí của Hướng tinh không gặp

“thủy” mà lại gặp “sơn”. Còn vượng khí của Sơn tinh tuy tới phía sau, nhưng phía sau nhà lại không có núi hay nhà cao, mà lại có sông, hồ, ao, biển, hoặc cống rãnh..., tức là vượng khí của Sơn tinh không gặp “sơn” mà lại gặp “thủy”. Đó đều là những cách cục suy bại về tài lộc và nhân đinh. Cho nên mới nói giữa phi tinh và địa hình Loạn đầu bên ngoài phải có sự phù hợp là như vậy. Nếu phù hợp thì mới thật sự là “vượng”, và mọi sự mới được tốt đẹp. Còn nếu như trái ngược (tức không phù hợp) thì dù có “vượng” cũng sẽ thành “suy” và phát sinh ra muôn vàn tai họa.

3.1.2.2. *Thượng Sơn, Hạ Thủy:*

“Thanh nang Tự” viết: “Long thần trên núi không được xuống nước, Long thần dưới nước không được lên núi”. Đây là 1 nguyên lý trọng yếu của Huyền không, hay như Thảm trúc Nhưng nói là “then chốt của cát, hung, họa, phúc”.

Như chúng ta đã biết “Sơn quản nhân đinh, Thủy quản tài lộc”. Chữ “Sơn” ở đây không những chỉ nói về “Núi”, mà còn dùng để ám chỉ những phi tinh của Sơn bàn (tức Sơn tinh). Cũng như chữ “Thủy” ở đây không những chỉ nói về “Nước”, mà còn dùng để ám chỉ những phi tinh của Hướng bàn (tức Hướng tinh). Cho nên Sơn tinh chủ về nhân đinh, Hướng tinh chủ về tài lộc. Chính vì thế nên khí sinh, vượng của Sơn tinh cần đóng tại những nơi có núi hay gò đất cao, hay những nơi có nhà cửa, cây cối cao lớn. Như thế là những cách cuộc Sơn tinh đắc cách, chủ người trong nhà tài giỏi, đông đúc, thành công sớm, tên tuổi vang dội... Còn khí sinh, vượng của Hướng tinh thì cần đóng tại những nơi có sông, hồ, ao, biển, đường rộng, ngã ba, ngã tư hay cửa ra vào... Đó là những cách cuộc Hướng tinh đắc “Thủy”, nên tài lộc của gia đình sẽ không bao giờ thiếu, công việc làm ăn ổn định...

Ngược lại, nếu những nơi có khí sinh, vượng của Sơn tinh lại không có núi hay nhà cao, cây cao, nhưng lại có Thủy của sông, hồ, ao, biển, hoặc là những vùng thấp, trũng... thì sẽ chủ gia đình ly tán, cô quả, tuyệt tự hoặc yếu chiết... Cho nên mới nói “Long thần trên núi không được xuống nước”. Chữ “Long thần trên núi” thực ra là để ám chỉ Sơn tinh. Sơn tinh nếu là khí sinh, vượng so với đương vận thì không thể đóng tại những nơi thấp, trũng hoặc có nước (hạ thủy), kéo nếu không thì sẽ có tai họa cho nhân đinh.

Tương tự như thế, nếu những nơi có khí sinh, vượng của Hướng tinh lại không có Thủy của sông, hồ, ao, biển, đường đi hoặc cửa ra vào..., nhưng lại có núi hay nhà cao, cây cao thì sẽ chủ tài lộc khó khăn, công việc làm ăn lụn bại, gia cảnh lầm than, sa sút. Cho nên mới nói “Long thần dưới nước không được lên núi”. Chữ “Long thần dưới nước” là để ám chỉ Hướng tinh. Hướng tinh nếu là khí sinh, vượng so với đương vận thì không thể đóng tại những nơi cao ráo hoặc có núi đồi (thượng sơn), kéo nếu không thì sẽ có tai họa về tiền bạc. Đây chính là cách cuộc “Thượng sơn, Hạ thủy” trong Huyền không học.

Ví dụ: nhà tọa Sửu hướng Mùi, nhập trạch trong vận 8. Nếu lập trạch vận thì sẽ thấy tinh bàn của căn nhà như sau:

ĐÔNG NAM	NAM			TÂY NAM
	3 6 7	7 1 3	5 8 5	
ĐÔNG	4 7 6	2 5 8	9 3 1	TÂY
	8 2 2	6 9 4	1 4 9	
ĐÔNG BẮC	BẮC			TÂY BẮC

Trước hết xét về Sơn tinh, ta thấy các khu vực Tây, Tây Bắc và Đông Bắc của căn nhà này có các số 9, 1, và 8, tức là những sinh, vượng khí của Sơn tinh (so với đương vận, tức vận 8). Nếu những khu vực này chỉ toàn là sông, hồ, hoặc đường đi, chứ không có núi hay nhà cao thì nhà này đã phạm cuộc “Hạ thủy”, chủ nhân định suy bại. Sau đó, lại xét về Hưởng tinh, ta thấy các khu vực phía Bắc, Nam và Tây Nam có các số 9, 1 và 8, tức là những sinh, vượng khí của Hưởng tinh trong vận 8. Nếu những khu vực này không có Thủy, mà lại có núi đồi hay nhà cao, cây cao, thì căn nhà này còn phạm thêm cuộc “Thượng sơn”, chủ suy bại cả về tài lộc nữa.

Cũng tương tự như những trường hợp “vượng Sơn, vượng Hưởng” (hay “Đáo sơn, Đáo hướng”) là trên lý thuyết thì các nhà Phong thủy thường cho những nhà có vượng tinh của Hưởng đến tọa, vượng tinh của Sơn đến hướng là thuộc cách cuộc “Thượng sơn, Hạ thủy”, và gọi những nhà lập trạch vận theo những hướng đó là những nhà có “Hỏa khanh tuyến” (tức hướng xấu hay bần tiện). Nhưng trên thực tế thì còn phải tùy thuộc vào bối cảnh Loan đầu bên ngoài của căn nhà đó như thế nào rồi mới có thể kết luận là nhà đó có bị “Thượng sơn, Hạ thủy” hay không được.

Cho nên điều quan trọng là phải phối hợp phương vị của phi tinh với địa hình bên ngoài thì mới có thể xác quyết được chính xác mọi trường hợp tốt, xấu, chứ không thể mới nhìn thấy 1 căn nhà có vượng tinh của Hưởng tới phía trước, vượng tinh của Sơn tới phía sau mà đã vội cho là căn nhà tốt. Hoặc mới thấy 1 căn nhà có vượng tinh của Hưởng tới phía sau, vượng tinh của Sơn tới phía trước mà đã vội cho là căn nhà xấu thì sẽ dẫn tới những sai lầm đáng tiếc.

Một điểm cần chú ý khác là tuy Sơn tinh cai quản về nhân đinh, và cần đóng tại những chỗ cao sơn thực địa, nhưng chỉ có những sinh, vượng khí của Sơn tinh mới nên gặp núi đồi hoặc nhà cao mà thôi. Còn những khí suy, tử của Sơn tinh thì lại không nên đóng ở những nơi đó, mà chỉ nên đóng ở những chỗ bằng phẳng hoặc có Thủy mà thôi. Nếu chẳng may mà nhà lại có khí suy, tử của Sơn tinh đóng tại những chỗ cao hoặc núi đồi thì sẽ gặp tai họa do những đối tượng đó gây ra. Thí dụ như hiện tại đang trong vận 8, nên nếu 1 nhà có sơn tinh Thất xích (số 7) đóng tại khu vực có núi hay nhà cao chót vót thì sẽ bị tai họa do Sơn tinh Thất xích mang tới. Vì Thất xích là biểu tượng của kẻ tiểu nhân hay giặc cướp, nên nhà này sẽ thường xuyên bị bọn trộm cướp tới phá phách, hoặc ra ngoài bị kẻ tiểu nhân tìm cách hãm hại...

Tương tự như thế, đối với Hưởng tinh tuy cai quản về tài lộc, và cần đóng tại những chỗ thấp trũng hoặc có thủy, nhưng chỉ có những sinh, vượng khí của Hưởng tinh mới cần thỏa mãn điều kiện này mà thôi. Còn đối với những suy, tử khí của Hưởng tinh nếu gặp Thủy sẽ chủ gây ra những tổn thất về tiền bạc, hoặc những bệnh tật, tai họa, tùy theo tính chất của Hưởng tinh đó như thế nào.

Lấy ví dụ như 1 nhà trong vận 8, có hướng tinh Nhị hắc gặp thủy, cho nên nhà này vừa bị hao tiền, vừa thêm bệnh tật nhiều, nhất là về tỳ vị, sảy thai, hỏa hoạn, hình ngục, tai nạn xe cộ. Trong nhà dễ có quả phụ hoặc ni cô...

Cho nên đối với những Hưởng tinh là khí suy, tử thì lại nên đóng ở những chỗ cao ráo hoặc yên tĩnh. Có như thế thì mới tránh nổi họa mà thôi. Còn nếu như khí

suy, tử của Sơn tinh mà còn đóng ở những nơi có núi hay nhà cao, khí suy tử của Hưởng tinh đóng ở những nơi có thủy hoặc cửa nẻo ra vào nhà thì tức là cảnh “Hung tinh đắc cách”, tai họa còn khủng khiếp hơn là cách cục “Thượng Sơn, Hạ Thủy” nữa.

Nói tóm lại thì sinh, vượng khí của Sơn tinh phải đóng ở những chỗ cao ráo, còn sinh, vượng khí của Hưởng tinh cần gặp thủy. Nếu được như thế là nhà có phúc, có lộc, còn nếu ngược lại là cảnh bần tiện, nghèo hèn. Cho nên người học Huyền không phải dựa vào những tiêu chuẩn này mà chọn phương lập hướng cho đúng, tức là phải kiếm cho được những nhà đắc “vượng Sơn, vượng Hưởng” (hay “Đảo Sơn, Đảo Hưởng”), và phải xa lánh những nhà có cách cục “Thượng Sơn, Hạ Thủy” mới được. Ngoài ra cũng cần phải để ý, không bao giờ để cho những khí suy, tử của Sơn, Hưởng tinh có thể trở thành “Hung tinh đắc cách” mà gieo rắc tai họa cho người ở trong nhà được.

3.1.2.3. Thu Sơn, Xuất Sát:

Như chúng ta đã biết, khí sinh, vượng của Sơn tinh phải đóng tại những nơi cao ráo, còn khí sinh, vượng của Hưởng tinh phải đóng tại những nơi thấp, trũng hay gặp thủy. Nhưng nhìn vào trạch vận của 1 căn nhà, ta thấy tại bất cứ khu vực nào cũng đều có 3 sao là Vận – Sơn – Hưởng tinh. Trong 3 sao đó thì ngoại trừ Vận tinh có tác dụng rất yếu, không đáng kể, chỉ dùng để phối hợp với Sơn tinh (hoặc Hưởng tinh) để làm tăng thêm sự tốt, xấu mà thôi. Nhưng sự tương tác giữa Sơn tinh với Hưởng tinh và hoàn cảnh Loan đầu chung quanh là 1 điều quan trọng có liên quan tới mọi vấn đề cát, hung, họa, phúc của 1 căn nhà, và do đó cần phải được đặc biệt quan tâm đến.

Khi xét đến sự tương quan giữa Sơn tinh và Hưởng tinh tại mỗi khu vực thì ta thấy có 4 trường hợp sau:

- 1) Sơn tinh là sinh, vượng khí; Hưởng tinh là suy, tử khí.
- 2) Hưởng tinh là sinh, vượng khí; Sơn tinh là suy, tử khí.
- 3) Sơn tinh và Hưởng tinh đều là sinh, vượng khí.
- 4) Sơn tinh và Hưởng tinh đều là suy, tử khí.

Nếu phối hợp 4 trường hợp trên với địa hình Loan đầu bên ngoài thì chúng ta sẽ thấy như sau:

1) Nếu trong một khu vực có Sơn tinh là sinh, vượng khí, còn Hưởng tinh là suy, tử khí, mà khu vực đó lại có núi hay nhà cao, cây cao... tức là khí sinh, vượng của Sơn tinh đã “đắc cách”, vì đóng tại chỗ có cao sơn, thực địa. Trong trường hợp này, khí sinh, vượng của Sơn tinh đã làm chủ khu vực đó, còn Hưởng tinh tại đây vừa là khí suy, tử, vừa bị “thất cách” (vì còn gặp núi chứ không gặp nước) nên mất hết hiệu lực. Do đó hoàn toàn bị Sơn tinh nơi này chi phối. Vì Sơn tinh “đắc cách” của những nơi này làm mất hết tác dụng xấu của Hưởng tinh tại đây, nên những trường hợp này còn được gọi là “Sơn chế ngự Thủy”. Đây chính là trường hợp Sơn tinh “hóa sát” (hay “xuất sát”, tức là làm mất hết sát khí) của Hưởng tinh, và thường được gọi tắt là “Xuất Sát”.

Ví dụ: nhà hướng Mùi 210 độ, nhập trạch trong vận 8.

Nếu lập trạch vận thì sẽ thấy khu vực phía sau nhà ở hướng Đông Bắc có Sơn tinh 8 (vượng khí), Hướng tinh 2 (tử khí). Nếu phía sau nhà này có núi (ở xa) hay nhà cao ở gần (nhưng tối thiểu phải cao bằng nhà này, còn nếu càng cao lớn hơn thì càng tốt) thì vượng khí của Sơn tinh đã “đắc cách”, có thể hóa giải sát khí của Hướng tinh 2.

ĐÔNG NAM	NAM			TÂY NAM
	3 6 7	7 1 3	5 8 5	
ĐÔNG	4 7 6	2 5 8	9 3 1	TÂY
ĐÔNG BẮC	8 2 2	6 9 4	1 4 9	TÂY BẮC
	BẮC			

Còn Hướng tinh 2 vì đã bị mất hết hiệu lực, nên không còn có thể gieo rắc bệnh tật (số 2 là sao Nhị Hắc, chủ bệnh tật, đau ốm), cũng không thể làm hư hao tài lộc được nữa, dù là khu vực đó có “động” (như có cửa hay thường sinh hoạt...) hay không. Cho nên nhà này không những vừa vượng nhân đinh, vừa có thể tăng tiến cả tài lộc nữa (vì không bị hung khí của Hướng tinh làm hao tài). Cũng tương tự, khu vực phía Tây của nhà này có Sơn tinh 9 (sinh khí) và Hướng tinh 3 (tử khí). Còn khu vực phía Tây Bắc có Sơn tinh 1 (sinh khí) và Hướng tinh 4 (tử khí). Nếu 2 khu vực này cũng có núi hay nhà cao thì cũng là trường hợp “Xuất sát”, vừa làm vượng đinh, vừa góp phần làm tăng tiến thêm tài lộc.

Tuy nhiên, nếu khu vực có Sơn tinh là sinh, vượng khí, còn Hướng tinh là suy, tử khí, nhưng khu vực này không có núi hay nhà cao, mà lại có thủy của sông, hồ, ao, biển... thì đây tức là trường hợp Sơn tinh “Hạ thủy”, còn Hướng tinh là “hung tinh đắc cách”, nên là trường hợp tổn đinh, phá tài.

2) Nếu khu vực có Hướng tinh là sinh, vượng khí, còn Sơn tinh là suy, tử khí, mà khu vực đó lại có Thủy của sông, hồ, ao, biển hay cửa nẻo ra, vào nhà, thì Hướng tinh đã “đắc cách”, nên nắm quyền điều động và chi phối Sơn tinh tại đây. Còn Sơn tinh thì vừa là khí suy, tử, vừa bị “thất cách” (gặp thủy) nên đã mất hết hiệu lực và bị Hướng tinh chế ngự. Đây chính là trường hợp “Thủy thu sát của Sơn”, hay thường gọi tắt là cách cục “Thu Sơn”.

Ví dụ: cũng lấy nhà hướng Mùi 210 độ, nhập trạch trong vận 8.

Nếu nhìn vào trạch vận thì sẽ thấy ở khu vực phía Tây Nam (tức phía trước nhà) có Hướng tinh 8 (vượng khí) và Sơn tinh 5 (tử khí). Nếu khu vực phía trước của căn nhà này có sông, hồ, ao, biển, hay đường rộng, cửa ra vào... thì vượng khí của Hướng tinh đã “đắc cách”, nên chẳng những là làm cho tài lộc của nhà này được sung túc, mà còn hóa được sát (tức “Thu sơn”) của Sơn tinh Ngũ Hoàng, khiến cho sao này mất tác dụng mà không còn gây ra cảnh tổn hại nhân đinh (sao Ngũ hoàng chủ sự chết chóc hoặc nhân đinh ly tán). Cũng tương tự, ở khu vực phía Bắc của nhà này có Hướng tinh 9 (sinh khí), Sơn tinh 6 (tử khí). Còn khu vực phía Nam có Hướng tinh 1 (sinh

ĐÔNG NAM	NAM			TÂY NAM
	3 6 7	7 1 3	5 8 5	
ĐÔNG	4 7 6	2 5 8	9 3 1	TÂY
ĐÔNG BẮC	8 2 2	6 9 4	1 4 9	TÂY BẮC
	BẮC			

khí), Sơn tinh 7 (suy khí). Nếu ở 2 phía này cũng có Thủy hay đường đi, cửa ra vào... thì cũng tạo thành cuộc “Thu sơn”, vừa vượng tài, vừa có thể làm vượng cả đinh nữa.

Tuy nhiên, nếu khu vực có Hướng tinh là sinh, vượng khí, còn Sơn tinh là suy, tử khí, mà nơi đó không có Thủy nhưng lại có núi cao hay nhà cao... thì sẽ là cuộc Hướng tinh “Thượng sơn”. Còn Sơn tinh suy, tử mà còn gặp núi cao, là cách cuộc “hung tinh đắc cách”, chủ phá tài và gây ra nhiều tai họa cho người.

3) Nếu trong một khu vực mà Sơn tinh hay Hướng tinh đều là sinh, vượng khí, thì cách tốt nhất cho trường hợp này là khu vực đó cần có cả sông hồ lẫn núi hay nhà cao, với điều kiện là sông hồ ở gần kề, còn núi hay nhà cao ở ngoài xa. Nếu được như thế thì Sơn tinh và Hướng tinh đều đắc cách, nên đinh tài đều vượng. Nếu khu vực này chỉ có núi mà không có sông, hồ thì hình dáng của núi phải đẹp và ở xa thì mới chủ vượng cả tài đinh. Còn nếu chỉ có núi hình dáng tầm thường và lại nằm gần nhà, hay chỉ có nhà cao thôi thì chỉ vượng đinh nhưng thoái tài. Nếu khu vực này có sông nước đẹp, thủy lớn và phản quang thì dù không có núi cũng là cách cuộc vượng cả tài lẫn đinh. Nếu không có thủy mà chỉ có đường đi, sân rộng hay cửa nẻo ra vào thôi thì chỉ là cách cuộc vượng tài nhưng không vượng đinh.

4) Nếu trong một khu vực mà Sơn tinh hay Hướng tinh đều là suy, tử khí, mà nếu khu vực đó có núi hay nhà cao, thì nhà đó sẽ bị những tai họa do những đối tượng của Sơn tinh đó gây ra. Trong trường hợp này Hướng tinh vô hại. Nếu khu vực đó có sông, hồ hay cửa ra vào, thì nhà đó sẽ bị những tai họa, bệnh tật do hướng tinh đó mang tới, cộng với vấn đề hao tài. Trong trường hợp này Sơn tinh vô hại. Nếu khu vực này bằng phẳng, yên tĩnh, thì cả Sơn tinh lẫn Hướng tinh đều được hóa giải và trở nên vô hiệu lực.

Ví dụ: Cũng nhà hướng Mùi 210 độ, nhập trạch trong vận 8.

Nếu nhìn vào trạch vận thì sẽ thấy 3 phía Tây, Tây Bắc và Đông Bắc có sinh vượng khí của Sơn tinh, suy, tử khí của Hướng tinh, nên 3 phía này cần có núi hay nhà cao để tạo thành cuộc “Xuất sát”. Còn 3 phía Bắc, Nam và Tây Nam thì có sinh, vượng khí của Hướng tinh, nên 3 phía này cần có sông, hồ, ao, biển, đường đi, cửa ra vào... để tạo thành cuộc “Thu sơn”. Còn khu vực phía Đông có Sơn tinh 4, Hướng tinh 7 tức đều là khí suy, tử, nên nếu nơi đó có núi cao thì Sơn tinh 4 đắc thế, nên nhà dễ bị đàn bà làm hại (như vì tửu sắc hoặc trai gái...), con gái trưởng trong nhà bướng bỉnh, hư đốn. Còn Hướng tinh 7 thì vô hại. Nhưng giả sử nếu nơi này có sông, hồ, chứ không có núi cao, thì Hướng tinh Thất xích lại đắc thế, nên nhà thường bị bệnh về miệng, cổ, phổi, đại trường, lại hay bị người khác lừa gạt, mất tiền mất bạc, cũng như dễ bị hỏa hoạn. Còn Sơn tinh 4 ở đây vô hại. Nếu khu vực này lại bằng phẳng, yên tĩnh thì cả Hướng tinh lẫn Sơn tinh đều vô hại. Tương tự như thế với khu vực phía Đông Nam, có Sơn tinh 3, Hướng tinh 6 tức đều là khí suy, tử. Nếu khu vực này có núi cao thì sơn tinh 3 đắc thế, nên con trai trưởng trong nhà hung hăng, vô lễ, ra

ĐÔNG NAM	NAM	TÂY NAM
3 6 7	7 1 3	5 8 5
ĐÔNG	ĐÔNG	TÂY
4 7 6	2 5 8	9 3 1
ĐÔNG BẮC	BẮC	TÂY BẮC
8 2 2	6 9 4	1 4 9

ngoài thì bị bạn đồng liêu ghen ghét, hãm hại. Còn Hướng tinh 6 ở đây vô hại. Nhưng nếu khu vực này không có núi mà lại có sông, biển, cửa ra vào... thì Hướng tinh 6 lại đắc thế, cho nên dễ bị những bệnh về đầu, tai nạn về binh đao, trộm cướp và trong nhà dễ có người đàn ông góa vợ. Còn Sơn tinh 3 ở đây vô hại. Nếu khu vực này lại bằng phẳng, yên tĩnh thì cả Hướng tinh lẫn Sơn tinh đều vô hại.

Như vậy, căn nhà này có 3 phía Bắc, Nam, và Tây Nam nếu có thủy sẽ thành cuộc “Thu sơn”. Còn 3 phía Tây, Tây Bắc và Đông Bắc nếu có núi sẽ thành cuộc “Xuất sát”. Riêng 2 phía Đông và Đông Nam thì nên bằng phẳng, yên tĩnh là tốt nhất.

Tóm lại, “Thu sơn, xuất sát” chỉ là phương pháp nhằm phát huy tới mức tối đa những khí sinh, vượng của cả Hướng tinh và Sơn tinh, hỗ trợ, bổ khuyết thêm cho cách cục “Đảo Sơn, Đảo Hướng”, cũng như loại bỏ được cách cục “Thượng Sơn, Hạ Thủy” mà làm cho 1 căn nhà đã tốt lại càng tốt thêm, gồm thêm được cả “Phúc” (nhân đinh đông đúc, con cháu hiền tài), “Lộc” (giàu sang, phú quý), “Thọ” (sức khỏe tràn trề, sống lâu trăm tuổi) tức là tất cả hạnh phúc trên thế gian rồi vậy.

3.1.2.4. **Phản Ngâm, Phục Ngâm:**

Trong việc thiết lập các phương tọa, hướng của 1 căn nhà để có được 1 trạch vận tốt thì ngoài những vấn đề như nhà phải thật sự được “Đảo Sơn, Đảo Hướng” (tức là phi tinh phải hợp với hình thế bên ngoài), tránh được cuộc “Thượng Sơn, Hạ Thủy”, nếu thêm được cuộc “Thu Sơn, Xuất Sát” nữa thì như gấm thêm hoa..., người làm Phong thủy Huyền không còn cần đề ý 2 cách cục xấu khác là Phản Ngâm và Phục Ngâm của Sơn tinh và Hướng tinh.

Trường hợp có Phản Ngâm hay Phục Ngâm xảy ra là khi an Vận bàn cho 1 căn nhà, Vận tinh số 5 sẽ tới hướng hay tọa của căn nhà đó. Nếu đem số 5 đó nhập trung cung xoay nghịch (để thiết lập Sơn bàn hoặc Hướng bàn), thì những số tới 8 cung sẽ đối nghịch với số nguyên thủy của địa bàn (hay cộng với số nguyên thủy của địa bàn thành 10). Trường hợp này được gọi là “Phản Ngâm” (Phản: tức là phản đối hoặc xung khắc). Nếu vận tinh số 5 đó nhập trung cung xoay thuận, thì những số tới 8 cung sẽ giống như những số nguyên thủy của địa bàn. Trường hợp này được gọi là “Phục ngâm” (Phục: tức là tăng áp lực lên vì cùng 1 số).

Ví dụ 1: Nhà tọa Mùi hướng Sửu, nhập trạch trong vận 8.

Nếu lập Vận bàn thì sẽ thấy Vận tinh số 5 tới tọa ở Tây Nam. Bây giờ nếu muốn lập Sơn bàn thì phải lấy số 5 nhập trung cung. Vì nhà này hướng Sửu, nên tọa thuộc sơn Mùi. Mà Mùi thuộc âm trong Tam nguyên Long, cho nên lấy 5 nhập trung cung rồi xoay nghịch thì sẽ thấy 4 đến Tây Bắc, 3 đến Tây.... Nếu so sánh phương vị của những Sơn tinh này với phương vị nguyên thủy của chúng trong Hậu thiên Bát quái (hay Lạc thư) thì sẽ thấy như sau:

	ĐÔNG NAM	NAM	TÂY NAM
	6 3 7	1 7 3	8 5 5
ĐÔNG	7 4 6	5 2 8	3 9 1
	2 8 2	9 6 4	4 1 9
ĐÔNG BẮC		BẮC	TÂY BẮC

- Số 4: vị trí nguyên thủy (tức địa bàn) trong Lạc thư là nằm tại khu vực phía Đông Nam, nhưng trong trạch vận này lại đổi lên đóng tại khu vực phía Tây Bắc là khu vực đối nghịch với vị trí nguyên thủy của nó.

- Số 3: vị trí nguyên thủy là ở phía Đông, nhưng lại tới đóng nơi phía Tây.

- Số 2: vị trí nguyên thủy là ở Tây Nam, nhưng lại tới đóng ở Đông Bắc.

- Số 1: vị trí nguyên thủy là ở Bắc, nhưng lại tới đóng ở phía Nam.

- Số 9: vị trí nguyên thủy là ở Nam, nhưng lại tới đóng ở phía Bắc.

- Số 8: vị trí nguyên thủy là ở Đông Bắc, nhưng lại tới đóng tại Tây Nam.

- Số 7: vị trí nguyên thủy là ở Tây, nhưng lại tới đóng tại phía Đông.

- Số 6: vị trí nguyên thủy là ở Tây Bắc, nhưng lại tới đóng ở phía Đông Nam.

Như vậy, ta thấy tất cả các sao của Sơn tinh đều đóng tại những khu vực đối nghịch với địa bàn nguyên thủy của mình, nên đây là trường hợp “Phản Ngâm”.

Ví dụ 2: nhà tọa Cấn hướng Khôn, nhập trạch trong Vận 8.

Nếu an Vận bàn thì sẽ thấy vận tinh số 5 tới hướng ở Tây Nam. Vì hướng Khôn là thuộc dương trong Tam nguyên Long, nên nếu muốn an Hướng bàn thì phải lấy số 5 nhập trung cung xoay thuận thì số 6 tới Tây Bắc, số 7 tới Tây.... Nếu so sánh phương vị của những Hướng tinh này với phương vị nguyên thủy của chúng trong Lạc thư thì sẽ thấy trùng nhau. Tức là tất cả những Hướng tinh đó đều đến đóng ngay tại khu vực địa bàn nguyên thủy của chúng, nên đây là trường hợp “Phục Ngâm”.

	ĐÔNG NAM	NAM	TÂY NAM
	1 4 7	6 9 3	8 2 5
ĐÔNG	9 3 6	2 5 8	4 7 1
	ĐÔNG BẮC	BẮC	TÂY BẮC

“Phản ngâm, Phục ngâm, tai họa khó đương”, đó là lời của cổ nhân viết để nói về những trường hợp này. Cho nên trong “Trạch vận Tân án” mới viết: Tai họa do “Phản ngâm, Phục ngâm” gây ra chẳng kém gì “Thượng Sơn, Hạ Thủy”, nếu phạm vào cách đó lập tức người chết, tiền hết. Cho nên “Phản ngâm, Phục ngâm” là 1 cách cục rất nguy hiểm cho dương trạch và âm trạch, nhưng nó cũng được chia làm 2 loại như sau:

- Sơn tinh phạm “Phản ngâm hay Phục ngâm” (viết tắt là “Phản, Phục ngâm”): chủ gây nguy hại cho nhân đinh trong nhà.

- Hướng tinh phạm “Phản, Phục ngâm” chủ gây nguy hại cho tài lộc và công việc.

Trong 2 loại Sơn, Hướng tinh phạm “Phản, Phục ngâm” ở trên thì còn phân ra 2 trường hợp như sau:

- Tất cả Sơn tinh (hay tất cả Hướng tinh) đều phạm “Phản ngâm” hay “Phục ngâm”. Như trong thí dụ 1 thì tất cả Sơn tinh đều bị “Phản Ngâm”. Trường hợp này được gọi là “Sơn tinh toàn bàn Phản ngâm”. Còn như trong thí dụ 2 thì tất cả Hướng tinh đều bị “Phục ngâm”, nên được gọi là “Hướng tinh toàn bàn Phục ngâm”.

- Trong trạch vận chỉ có 1, 2 Sơn tinh hay Hưởng tinh là bị Phản ngân hay Phục ngâm.

Tuy nhiên, không phải tất cả các trường hợp “Phản, Phục ngâm” đều gây ra tai họa, mà còn phải phân biệt như sau:

- Trường hợp Sơn tinh phạm “Phản, Phục ngâm”: Nếu khu vực có sinh, vượng khí của Sơn tinh có núi hay nhà cao thì nhà đó vẫn phát phúc, vượng nhân đinh, đồng thời có nhân tài xuất hiện. Nếu những khu vực này không có núi mà lại có thủy thì người trong nhà sẽ gặp những tai họa khủng khiếp. Ngược lại, nếu những khu vực có khí suy, tử của Sơn tinh mà lại có núi cao thì cũng là điều cực kỳ nguy hại cho những ai sống trong căn nhà đó. Nhưng nếu những khu vực này lại có thủy thì sát khí của Sơn tinh đã được hóa giải nên vô hại.

- Trường hợp Hưởng tinh phạm “Phản, Phục ngâm”: Nếu khu vực có sinh, vượng khí của Hưởng tinh lại có thủy của sông, hồ, ao, biển hoặc cửa ra vào... thì nhà đó vẫn phát tài lộc, công việc làm ăn tiến triển tốt đẹp. Nhưng nếu những khu vực này không có thủy mà lại có núi thì sẽ làm cho nhà đó tán gia bại sản, cơ nghiệp lụn bại. Ngược lại, nếu những khu vực có suy, tử khí của Hưởng tinh mà lại có thủy thì cũng chủ đại phá tài lộc, còn nếu có núi thì Hưởng tinh nơi đó đã được hóa giải nên vô hại.

Cho nên khi đã biết những trường hợp “Phản, Phục ngâm”, cũng như những yếu tố tác động có thể làm cho chúng gây họa hoặc được hóa giải... thì chúng ta có thể tìm cách tránh né, như không cất nhà phạm vào cách cục đó, hoặc có thể lựa chọn địa hình bên ngoài, hay cấu trúc bên trong cho phù hợp để hóa giải hết (hoặc bớt) những điều xấu này.

Ví dụ: nhà tọa Cấn hướng Khôn, nhập trạch trong vận 8. Nếu lập Hưởng bàn thì sẽ thấy Hưởng tinh toàn bản “Phục ngâm” (xem lại thí dụ 2 ở trên). Nếu vì lý do gì đó mà vẫn phải xây và vào ở trong nhà này (tức không thể né tránh được) thì có thể tìm những nơi có vượng khí và sinh khí của Hưởng tinh, xem địa hình bên ngoài nhà tại những nơi đó có sông, hồ, ao, biển không? Nếu có thì dù nhà này bị phạm “Phục ngâm” như thế nhưng vẫn vượng về tài lộc và có thể sống được. Ngược lại nếu những khu vực đó không có thủy thì phải thiết lập “thủy nhân tạo”, tức là phải mở cửa sau tại phía Đông Bắc (nơi có vượng khí số 8), xây hồ bơi tại khu vực phía Bắc (nơi có sinh khí số 1), để buông tắm hay làm cầu thang tại khu vực phía Nam (nơi có sinh khí số 9)... Còn những nơi khác thì có thể làm phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ, hoặc bỏ trống, hoặc chứa đồ... thì tài lộc của căn nhà này vẫn tốt và có thể phát triển lâu dài.

ĐÔNG NAM	NAM			TÂY NAM
	1 4 7	6 9 3	8 2 5	
ĐÔNG	9 3 6	2 5 8	4 7 1	TÂY
ĐÔNG BẮC	5 8 2	7 1 4	3 6 9	TÂY BẮC
	BẮC			

Riêng với “Phản, Phục ngâm” thì ngoài những trường hợp do Vận tinh số 5 của Tọa hoặc Hướng nhập trung cung xoay chuyển thuận hay nghịch mà tạo ra thì có 1 số trường hợp khác như sau:

- Vận tinh và Hướng tinh trong cùng 1 cung (hay trong tất cả 8 cung) đều cùng 1 số. Đây là trường hợp Hướng tinh Phục ngâm.

- Vận tinh và Sơn tinh trong cùng 1 cung (hay trong tất cả 8 cung) đều giống nhau (hay cùng 1 số). Đây là trường hợp Sơn tinh Phục ngâm.

- Sơn tinh và Hướng tinh trong cùng 1 cung (hay trong tất cả 8 cung) đều giống nhau (hay cùng 1 số). Đây là trường hợp cả Sơn - Hướng tinh đều bị Phục ngâm.

3.1.2.5. Chính Thần và Linh thần:

Chính thần:

Như chúng ta đã biết, trong Lạc Thư thì địa bàn phân bố nguyên thủy của 9 số (sao) tại 9 cung.

Vì mỗi số vừa quản thủ 1 vận (từ vận 1 tới vận 9), vừa làm bá chủ 1 khu vực, cho nên một khi tới vận của số nào thì số đó được coi như Chính thần đương vận, và khu vực có số đó cai quản được coi là khu vực của Chính thần trong vận đó.

Lấy thí dụ như vận 1 Thượng nguyên thì số 1 sẽ được coi là Chính thần đương vận (tức vượng khí), còn khu vực phía Bắc (tức phương Khảm sẽ được coi là khu vực của Chính thần trong vận đó. Tương tự như thế, khi bước sang vận 2 thì số 2 sẽ được coi là Chính thần của đương vận, và khu vực phía Tây Nam (phương Khôn) sẽ là khu vực của Chính thần trong vận đó....

Riêng đối với số 5 vì nằm tại trung cung, không có phương vị nhất định, nên khi tới vận 5 thì 10 năm đầu lấy phía Tây Nam làm khu vực của Chính thần, còn 10 năm cuối lấy khu vực phía Đông Bắc làm khu vực của Chính thần.

Vì Chính thần là khu vực có vượng khí của sơn mạch, cho nên khu vực này cần có núi cao, hoặc có thực địa vững chắc. Nếu được như thế thì nhà cửa hoặc làng mạc hay thành phố... sẽ được bình yên hay vượng phát trong nguyên, vận đó. Ngược lại, nếu khu vực của Chính Thần mà có ngã ba sông (nơi 2 con sông nhập lại), hay có ao, hồ, sông, biển lớn... thì nhà cửa hay làng mạc, thành phố đó sẽ phát sinh nhiều hung họa trong nguyên vận đó. Do đó, khu vực của Chính thần không được có thủy, nếu có thì chủ tai họa. Vì vậy, thủy nằm trong khu vực của Chính thần được gọi là “Linh Thủy” (thủy thất vận chủ tai họa).

Thí dụ: vào vận 8 Hạ nguyên thì khu vực của Chính thần sẽ là khu vực phía Đông Bắc (vì đó là phương vị của số 8). Cho nên nếu khu vực phía Đông Bắc của 1 căn nhà, 1 ngôi làng hay 1 thành phố... mà có núi từ xa tiến tới, hay có dải đất dài từ phía đó tiến tới thì căn nhà hoặc ngôi làng hay thành phố đó trong vận 8 sẽ được sung túc, làm ăn thịnh vượng, yên ổn. Ngược lại, nếu khu vực đó lại có cửa biển, hoặc nơi tụ hội của 2 dòng sông, hay có sông lớn chảy qua... thì căn nhà hoặc ngôi làng hay thành phố đó sẽ gặp nhiều hung họa trong vận 8.

Linh thần:

Là khu vực đối diện với khu vực của Chính thần. Lấy thí dụ như trong vận 1 thì khu vực của Chính thần là ở phía Bắc, cho nên khu vực của Linh thần sẽ là ở phía

Nam. Do đó, dựa vào vị trí những khu vực của Chính thần mà ta sẽ có những khu vực của Linh thần theo từng vận.

Riêng với Vận 5 vì trong 10 năm đầu dùng khu vực phía Tây Nam làm Chính thần, nên lấy khu vực phía Đông Bắc làm Linh thần. Còn trong 10 năm cuối dùng khu vực phía Đông Bắc làm Chính thần, nên lấy khu vực phía Tây Nam làm Linh thần.

Một vấn đề trọng yếu trong việc xác định phương vị của Linh thần là khu vực này cần có thủy cửa sông, hồ, cửa biển..., nếu được như thế thì những căn nhà hay những làng mạc, đô thị... sẽ trở nên phồn thịnh, sầm uất trong vận đó. Cho nên thủy nằm tại khu vực của Linh thần lại được gọi là “Chính Thủy” (tức thủy tốt hay vượng thủy). Ngược lại, nếu khu vực này lại có long hành tiến tới, hay dải đất chạy từ đó tới thì sẽ chủ suy bại hoặc có nhiều tai biến.

Thí dụ như trong vận 8, phương vị của Linh thần sẽ nằm ở phía Tây Nam. Do đó, nếu khu vực đó của nhà ở hay làng mạc, đô thị... mà có ao, hồ, sông, hoặc cửa biển... thì rất tốt, chủ vượng phát về mọi mặt. Ngược lại, nếu khu vực đó lại có thể núi hay thế đất tiến tới thì căn nhà hoặc ngôi làng hay đô thị đó sẽ gặp nhiều tai biến, hung họa.

Những trường hợp ngoại lệ:

Vấn đề khảo sát những khu vực của Chính thần, Linh thần, cũng như những yếu tố chúng cần có hay không thể có... chủ yếu là dùng để luận đoán vận khí hưng, suy của 1 khu vực, 1 thành phố hay 1 quốc gia.... Còn riêng với vận khí của nhà ở thì trước tiên vẫn phải xem xét khu vực của các khí sinh, vượng hay suy, tử là nằm tại phương nào? Sau đó mới phối hợp với các phương vị của Chính thần, Linh thần mà tìm ra khu vực nào nên có thủy, khu vực nào nên có núi..., chứ không nhất thiết là khu vực của Chính thần phải có núi, còn khu vực của Linh thần phải có thủy.

Ví dụ 1: Nhà tọa Mùi hướng Sửu, nhập trạch trong vận 8. Nếu an tinh bàn trạch vận thì sẽ thấy hướng tinh số 8 tới phía Đông Bắc, còn hướng tinh số 5 tới phía Tây Nam. Nếu theo những nguyên lý về Chính thần và Linh thần ở trên thì phía Đông Bắc cần có núi, còn phía Tây Nam cần có thủy. Nhưng vì vượng khí (của Hướng tinh) số 8 đang chiếu tới phía Đông Bắc, nên khu vực này của căn nhà lại cần có thủy, chứ không được có núi. Nếu có núi ắt tài lộc của gia đình sẽ suy bại, còn nếu có thủy thì vấn đề làm ăn, sinh sống mới được tốt đẹp. Ngược lại, khu vực phía Tây Nam tuy là khu vực của Linh thần, nên theo nguyên lý thì cần Thủy. Nhưng vì khu vực này có tử khí (của Hướng tinh) Ngũ Hoàng chiếu tới, cho nên lại không được có thủy. Nếu có thủy tất chủ đại hao tán tiền bạc, kèm thêm bệnh tật hoặc tai họa nghiêm trọng cho người trong nhà. Còn nếu khu vực này có núi thì mọi sự sẽ trở nên tốt đẹp.

ĐÔNG NAM	NAM		TÂY NAM
	6 3 7	1 7 3	8 5 5
ĐÔNG	7 4 6	5 2 8	3 9 1
ĐÔNG BẮC	2 8 2	9 6 4	4 1 9
	BẮC		TÂY BẮC

Ví dụ 2: Nhà tọa Ngọ hướng Tý, nhập trạch trong Vận 8. Nếu an tinh bàn cho trạch vận thì sẽ thấy Hướng tinh số 7 tới khu vực phía Đông Bắc, còn hướng tinh số 1 sẽ tới khu vực phía Tây Nam. Vì số 7 là suy khí của Vận 8, nên không thể có thủy tại nơi đó. Khu vực này cũng là khu vực của Chính thần, cần có núi thì tốt, có thủy chủ phá tài. Cho nên khu vực phía Đông Bắc của nhà này cần có núi mới tốt, nếu có thủy thì xấu. Ngược lại, Hướng tinh 1 là sinh khí của vận 8 tới phía Tây Nam, nên nơi này cần có thủy. Khu vực này cũng là khu vực của Linh Thần, nếu gặp thủy sẽ chủ phát về tài lộc. Cho nên khu vực phía Tây Nam của nhà này nếu có thủy là tốt, có núi là xấu.

ĐÔNG NAM		NAM		TÂY NAM	
	4 3 7		8 8 3		6 1 5
ĐÔNG	5 2 6		3 4 8		1 6 1
	9 7 2		7 9 4		2 5 9
ĐÔNG BẮC		BẮC		TÂY BẮC	

Cho nên đối với nhà cửa thì điều quan trọng vẫn và phương vị của các phi tinh, rồi sau đó mới phối hợp với nguyên lý của Chính thần, Linh thần mà tìm ra những nơi cần có núi, những nơi cần có thủy. Có như thế mới bảo đảm cho mọi sự được hoàn mỹ, tốt đẹp. Chứ không thể áp dụng những nguyên lý về Chính thần hay Linh thần một cách máy móc, vì như thế sẽ có thể phạm phải nhiều sai lầm đáng tiếc mà chuốc lấy nhiều tai họa.

3.2. ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG LỰA CHỌN HƯỚNG NHÀ TỐT

3.1.1. Cách xác định tâm nhà

Ngày nay, trong lối kiến trúc thật đa dạng và phức tạp để đáp ứng với những nhu cầu và thị hiếu của con người trong đời sống đô thị hiện đại, vấn đề tìm tâm nhà lại càng rắc rối hơn. Tuy có nhiều sách Phong thủy hướng dẫn các phương pháp tìm tâm nhà, nhưng do người mới học Phong thủy chưa có kinh nghiệm, nên dễ bị sai lầm khi muốn xác định tâm nhà. Sau đây là phương pháp đơn giản có thể giúp tìm tâm nhà và vẽ sơ đồ nhà.

• *Tìm tâm nhà:*

Hình dạng nhà cửa ngày nay cũng rất phức tạp và đa dạng, khiến cho việc tìm tâm nhà đang từ là 1 vấn đề dễ dàng đôi lúc cũng trở nên khó khăn. Đối với những nhà được xây theo hình vuông hay hình chữ nhật thì tâm nhà là giao điểm của 2 đường chéo.

Đối với những nhà có hình tam giác, lục giác, hình thang... thì cách tính tâm nhà cũng là cách tính tâm những hình này trong các lớp toán tiểu học. Còn đối với những nhà có nhiều góc cạnh không đồng đều thì việc định tâm nhà tương đối khó khăn hơn. Phương pháp đơn giản nhất để tìm tâm của những căn nhà này (và ngay cả những nhà hình tam giác, lục giác...) là vẽ sơ đồ nhà lên giấy kẻ ô vuông theo đúng tỉ lệ kích thước của căn nhà, rồi in hình đó sang 1 tấm bìa cứng. Sau đó cắt hết những phần thừa của tấm bìa cứng đi, chỉ để lại phần sơ đồ căn nhà mà thôi. Rồi lấy 1 vật nhọn (như đầu viết chì, viết big...) để nâng tấm bìa cứng có hình sơ đồ căn nhà lên. Tới lúc nó có thể nằm thẳng bằng trên đầu cây viết thì điểm đó chính là tâm của căn nhà. Dùng bút chì để đánh dấu điểm đó, xong vẽ 2 đường thẳng đi ngang qua điểm

đó: 1 đường thẳng góc với 2 bên hông nhà; 1 đường thẳng góc với 2 mặt trước, sau của căn nhà. Đường thẳng thứ 2 này sẽ là tọa và hướng của căn nhà. Từ đường thẳng này có thể phân ra 8 hướng và 24 sơn chung quanh nhà để xác định chính xác vị trí của mọi thứ trong nhà trước khi luận đoán cát, hung, hay tìm cách sửa đổi Phong thủy cho căn nhà đó.

- **Vẽ sơ đồ nhà:**

Trước hết ta cần có giấy trắng kẻ ô vuông và một cây thước đo. Ta đo chiều dài, chiều rộng của căn nhà là bao nhiêu mét (hay feet), rồi tùy theo nhà lớn hay nhỏ mà tính theo tỷ lệ cứ 1 mét hay 1 feet = 1 ô hay 2 ô trên giấy. Kế đến, ta vẽ cách bố trí của căn nhà, như cửa chính, cửa sau, cửa sổ, phòng khách, phòng ăn, bếp, phòng ngủ, phòng vệ sinh, cầu thang, v.v., theo từng khu vực trong khuôn viên của 4 bức tường. Dĩ nhiên là phải đo kích thước và tính tỷ lệ trước khi vẽ, ví dụ nếu ta muốn vẽ vị trí bếp thì phải đo xem nó cách bức tường phía trước (hay phía sau) khoảng bao nhiêu. Và cách bức tường bên phải (hoặc bên trái) khoảng bao nhiêu. Rồi nó lớn khoảng bao nhiêu. Và nhìn về bức tường nào?...

Sau đó, ta áp dụng cách tìm tâm nhà như đã nói ở trên để xác định tâm nhà trên sơ đồ vừa vẽ xong. Kết hợp với cách tìm và đo hướng nhà (đã nói ở bài trước) ta sẽ xác định được 8 hướng trên sơ đồ nhà. Như vậy là ta có được một sơ đồ nhà hoàn chỉnh.

Ngoài cách thức như trên, trong Phong thủy Huyền không còn nêu một số phương pháp như Thế quái, Hợp thập, Tam ban Xảo quái ...để hóa giải những trường hợp khó khăn khi lập tinh bàn cho dương trạch, âm trạch. Tuy nhiên rất ít sử dụng vì tính không phổ biến của nó.

3.1.2. Cung mệnh và các hướng cát hung

Theo Huyền không, mỗi người sinh ra đều chịu ảnh hưởng của sự vận động của Cửu tinh. Mỗi năm, sẽ có một sao chủ và như vậy mỗi người sinh ra vào năm nào sẽ mang một quái số - hay còn gọi là cung mệnh.

Để tìm cung mệnh (quái số) của từng người có thể tra bảng Bát trạch tam nguyên (Bảng 3.1) hoặc căn cứ vào năm sinh để tính.

Bảng 3.1: Bát trạch tam nguyên

Năm sinh	Năm sinh âm lịch	Giải nghĩa	Ngũ hành	Giải nghĩa	Cung mệnh nam	Cung mệnh nữ
1905	Ất Tỵ	Xuất Huyệt Chi Xà_Rắn rời hang	Phú Đăng Hỏa	Lửa đèn to	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1906	Bính Ngọ	Hành Lộ Chi Mã_Ngựa chạy trên đường	Thiên Hà Thủy	Nước trên trời	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1907	Đinh Mùi	Thất Quân Chi Dương_Dê lạc đàn	Thiên Hà Thủy	Nước trên trời	Chấn Mộc	Chấn Mộc

1908	Mậu Thân	Độc Lập Chi Hầu_Khi độc thân	Đại Trạch Thổ	Đất nền nhà	Khôn Thổ	Tôn Mộc
1909	Kỷ Dậu	Báo Hiệu Chi Kê_Gà gáy	Đại Trạch Thổ	Đất nền nhà	Khâm Thủy	Khôn Thổ
1910	Canh Tuất	Tự Quan Chi Cầu_Chó nhà chùa	Thoa Xuyên Kim	Vàng trang sức	Ly Hoả	Càn Kim
1911	Tân Hợi	Khuyên Dưỡng Chi Trư_Lợn nuôi nhốt	Thoa Xuyên Kim	Vàng trang sức	Cần Thổ	Đoài Kim
1912	Nhâm Tý	Sơn Thượng Chi Thử_Chuột trên núi	Tang Giá Mộc	Gỗ cây dâu tằm	Đoài Kim	Cần Thổ
1913	Quý Sửu	Lan Ngoại Chi Ngưu_Trâu ngoài chuồng	Tang Đổ Mộc	Gỗ cây dâu	Càn Kim	Ly Hoả
1914	Giáp Dần	Lập Định Chi Hồ_Hồ tự lập	Đại Khe Thủy	Nước khe lớn	Khôn Thổ	Khâm Thủy
1915	Ất Mão	Đắc Đạo Chi Thổ_Thổ đắc đạo	Đại Khe Thủy	Nước khe lớn	Tôn Mộc	Khôn Thổ
1916	Bính Thìn	Thiên Thượng Chi Long_Rồng trên trời	Sa Trung Thổ	Đất pha cát	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1917	Đinh Tỵ	Đầm Nội Chi Xà_Rắn trong đầm	Sa Trung Thổ	Đất pha cát	Khôn Thổ	Tôn Mộc
1918	Mậu Ngọ	Cứu Nội Chi Mã_Ngựa trong chuồng	Thiên thượng Hỏa	Lửa trên trời	Khâm Thủy	Khôn Thổ
1919	Kỷ Mùi	Thảo Dã Chi Dương_Dê đồng cỏ	Thiên thượng Hỏa	Lửa trên trời	Ly Hoả	Càn Kim
1920	Canh Thân	Thực Quả Chi Hầu_Khi ăn hoa quả	Thạch Lựu Mộc	Gỗ cây lựu đá	Cần Thổ	Đoài Kim
1921	Tân Dậu	Long Tàng Chi Kê_Gà trong lồng	Thạch Lựu Mộc	Gỗ cây lựu đá	Đoài Kim	Cần Thổ
1922	Nhâm Tuất	Cổ Gia Chi Khuyển_Chó về nhà	Đại Hải Thủy	Nước biển lớn	Càn Kim	Ly Hoả
1923	Quý Hợi	Lâm Hạ Chi Trư_Lợn trong rừng	Đại Hải Thủy	Nước biển lớn	Khôn Thổ	Khâm Thủy
1924	Giáp Tý	Ốc Thượng Chi Thử_Chuột ở nóc nhà	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Tôn Mộc	Khôn Thổ
1925	Ất Sửu	Hải Nội Chi Ngưu_Trâu trong biển	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1926	Bính Dần	Sơn Lâm Chi Hồ_Hồ trong rừng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Khôn Thổ	Tôn Mộc

1927	Đinh Mão	Vọng Nguyệt Chi Thố_Thỏ ngấm trăng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1928	Mậu Thìn	Thanh Ôn Chi Long_Rồng trong sạch, ôn hoà	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Ly Hoả	Càn Kim
1929	Kỷ Tỵ	Phúc Khí Chi Xà_Rắn có phúc	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Cấn Thổ	Đoài Kim
1930	Canh Ngọ	Thất Lý Chi Mã_Ngựa trong nhà	Lộ Bàng Thổ	Đất bên đường	Đoài Kim	Cấn Thổ
1931	Tân Mùi	Đắc Lộc Chi Dương_Dê có lộc	Lộ Bàng Thổ	Đất bên đường	Càn Kim	Ly Hoả
1932	Nhâm Thân	Thanh Tú Chi Hàu_Khi thanh tú	Kiểm Phong Kim	Vàng chuỗi kiếm	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1933	Quý Dậu	Lâu Túc Kê_Gà nhà gác	Kiểm Phong Kim	Vàng chuỗi kiếm	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1934	Giáp Tuất	Thủ Thân Chi Cẩu_Chó giữ mình	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1935	Ất Hợi	Quá Vãng Chi Trư_Lợn hay đi	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1936	Bính Tý	Điền Nội Chi Thử_Chuồn trong ruộng	Giản Hạ Thủy	Nước khe suối	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1937	Đinh Sửu	Hồ Nội Chi Ngưu_Trâu trong hồ nước	Giản Hạ Thủy	Nước khe suối	Ly Hoả	Càn Kim
1938	Mậu Dần	Quá Sơn Chi Hồ_Hổ qua rừng	Thành Đầu Thổ	Đất đắp thành	Cấn Thổ	Đoài Kim
1939	Kỷ Mão	Sơn Lâm Chi Thố_Thỏ ở rừng	Thành Đầu Thổ	Đất đắp thành	Đoài Kim	Cấn Thổ
1940	Canh Thìn	Thứ Tính Chi Long_Rồng khoan dung	Bạch Lạp Kim	Vàng sáp ong	Càn Kim	Ly Hoả
1941	Tân Tỵ	Đông Tàng Chi Xà_Rắn ngủ đông	Bạch Lạp Kim	Vàng sáp ong	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1942	Nhâm Ngọ	Quân Trung Chi Mã_Ngựa chiến	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1943	Quý Mùi	Quần Nội Chi Dương_Dê trong đàn	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1944	Giáp Thân	Quá Thụ Chi Hàu_Khi leo cây	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1945	Ất Dậu	Xương Ngọ Chi Kê_Gà gáy trưa	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Khảm Thủy	Khôn Thổ

1946	Bính Tuất	Tự Miên Chi Cầu_Chó đang ngủ	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Ly Hoả	Càn Kim
1947	Đinh Hợi	Quá Sơn Chi Trư_Lợn qua núi	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Cần Thổ	Đoài Kim
1948	Mậu Tý	Thương Nội Chi Trư_Chuồn trong kho	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Đoài Kim	Cần Thổ
1949	Kỷ Sửu	Lâm Nội Chi Ngưu_Trâu trong chuồng	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Càn Kim	Ly Hoả
1950	Canh Dần	Xuất Sơn Chi Hổ_Hổ xuống núi	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1951	Tân Mão	Ẩn Huyệt Chi Thỏ_Thỏ trong hang	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Tôn Mộc	Khôn Thổ
1952	Nhâm Thìn	Hành Vũ Chi Long_Rồng phun mưa	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1953	Quý Tỵ	Thảo Trung Chi Xà_Rắn trong cỏ	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Khôn Thổ	Tôn Mộc
1954	Giáp Ngọ	Vân Trung Chi Mã_Ngựa trong mây	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1955	Ất Mùi	Kính Trọng Chi Dương_Dê được quý mến	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Ly Hoả	Càn Kim
1956	Bính Thân	Sơn Thượng Chi Hươu_Khi trên núi	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Cần Thổ	Đoài Kim
1957	Đinh Dậu	Độc Lập Chi Kê_Gà độc thân	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Đoài Kim	Cần Thổ
1958	Mậu Tuất	Tiến Sơn Chi Cầu_Chó vào núi	Bình Địa Mộc	Gỗ đồng bằng	Càn Kim	Ly Hoả
1959	Kỷ Hợi	Đạo Viện Chi Trư_Lợn trong tu viện	Bình Địa Mộc	Gỗ đồng bằng	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1960	Canh Tý	Lương Thượng Chi Thử_Chuồn trên xà	Bích thượng Thổ	Đất tò vò	Tôn Mộc	Khôn Thổ
1961	Tân Sửu	Lộ Đồ Chi Ngưu_Trâu trên đường	Bích thượng Thổ	Đất tò vò	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1962	Nhâm Dần	Quá Lâm Chi Hổ_Hổ qua rừng	Kim Bạch Kim	Vàng pha bạc	Khôn Thổ	Tôn Mộc
1963	Quý Mão	Quá Lâm Chi Thỏ_Thỏ qua rừng	Kim Bạch Kim	Vàng pha bạc	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1964	Giáp Thìn	Phục Đàm Chi Lâm_Rồng ẩn ở đầm	Phú Đăng Hỏa	Lửa đèn to	Ly Hoả	Càn Kim

1965	Ất Tỵ	Xuất Huyệt Chi Xà_Rắn rời hang	Phú Đăng Hỏa	Lửa đèn to	Cần Thổ	Đoài Kim
1966	Bính Ngọ	Hành Lộ Chi Mã_Ngựa chạy trên đường	Thiên Hà Thủy	Nước trên trời	Đoài Kim	Cần Thổ
1967	Đinh Mùi	Thất Quân Chi Dương_Dê lạc đàn	Thiên Hà Thủy	Nước trên trời	Cần Kim	Ly Hoả
1968	Mậu Thân	Độc Lập Chi Hài_Khi độc thân	Đại Trạch Thổ	Đất nền nhà	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1969	Kỷ Dậu	Báo Hiệu Chi Kê_Gà gáy	Đại Trạch Thổ	Đất nền nhà	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1970	Canh Tuất	Tự Quan Chi Cẩu_Chó nhà chùa	Thoa Xuyên Kim	Vàng trang sức	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1971	Tân Hợi	Khuyên Dưỡng Chi Trư_Lợn nuôi nhốt	Thoa Xuyên Kim	Vàng trang sức	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1972	Nhâm Tý	Sơn Thượng Chi Thử_Chuột trên núi	Tang Đổ Mộc	Gỗ cây dâu	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1973	Quý Sửu	Lan Ngoại Chi Ngưu_Trâu ngoài chuồng	Tang Đổ Mộc	Gỗ cây dâu	Ly Hoả	Cần Kim
1974	Giáp Dần	Lập Định Chi Hổ_Hổ tự lập	Đại Khe Thủy	Nước khe lớn	Cần Thổ	Đoài Kim
1975	Ất Mão	Đắc Đạo Chi Thỏ_Thỏ đắc đạo	Đại Khe Thủy	Nước khe lớn	Đoài Kim	Cần Thổ
1976	Bính Thìn	Thiên Thượng Chi Long_Rồng trên trời	Sa Trung Thổ	Đất pha cát	Cần Kim	Ly Hoả
1977	Đinh Tỵ	Đàm Nội Chi Xà_Rắn trong đầm	Sa Trung Thổ	Đất pha cát	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1978	Mậu Ngọ	Cứu Nội Chi Mã_Ngựa trong chuồng	Thiên thượng Hỏa	Lửa trên trời	Tốn Mộc	Khôn Thổ
1979	Kỷ Mùi	Thảo Dã Chi Dương_Dê đồng cỏ	Thiên thượng Hỏa	Lửa trên trời	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1980	Canh Thân	Thực Quả Chi Hài_Khi ăn hoa quả	Thạch Lựu Mộc	Gỗ cây lựu đá	Khôn Thổ	Tốn Mộc
1981	Tân Dậu	Long Tàng Chi Kê_Gà trong lồng	Thạch Lựu Mộc	Gỗ cây lựu đá	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1982	Nhâm Tuất	Cổ Gia Chi Khuyển_Chó về nhà	Đại Hải Thủy	Nước biển lớn	Ly Hoả	Cần Kim
1983	Quý Hợi	Lâm Hạ Chi Trư_Lợn trong rừng	Đại Hải Thủy	Nước biển lớn	Cần Thổ	Đoài Kim

1984	Giáp Tý	Ốc Thượng Chi Thử_Chuyệt ở nóc nhà	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Đoài Kim	Cán Thổ
1985	Ất Sửu	Hải Nội Chi Ngưu_Trâu trong biển	Hải Trung Kim	Vàng trong biển	Càn Kim	Ly Hoả
1986	Bính Dần	Sơn Lâm Chi Hồ_Hồ trong rừng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1987	Đinh Mão	Vọng Nguyệt Chi Thổ_Thỏ ngắm trăng	Lư Trung Hỏa	Lửa trong lò	Tôn Mộc	Khôn Thổ
1988	Mậu Thìn	Thanh Ôn Chi Long_Rồng trong sạch, ôn hoà	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1989	Kỷ Tỵ	Phúc Khí Chi Xà_Rắn có phúc	Đại Lâm Mộc	Gỗ rừng già	Khôn Thổ	Tôn Mộc
1990	Canh Ngọ	Thất Lý Chi Mã_Ngựa trong nhà	Lộ Bàng Thổ	Đất đường đi	Khảm Thủy	Khôn Thổ
1991	Tân Mùi	Đắc Lộc Chi Dương_Dê có lộc	Lộ Bàng Thổ	Đất đường đi	Ly Hoả	Càn Kim
1992	Nhâm Thân	Thanh Tú Chi Hầu_Khi thanh tú	Kiểm Phong Kim	Vàng mũi kiếm	Cán Thổ	Đoài Kim
1993	Quý Dậu	Lâu Túc Kê_Gà nhà gác	Kiểm Phong Kim	Vàng mũi kiếm	Đoài Kim	Cán Thổ
1994	Giáp Tuất	Thủ Thân Chi Cẩu_Chó giữ mình	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Càn Kim	Ly Hoả
1995	Ất Hợi	Quá Vãng Chi Trư_Lợn hay đi	Sơn Đầu Hỏa	Lửa trên núi	Khôn Thổ	Khảm Thủy
1996	Bính Tý	Điền Nội Chi Thử_Chuyệt trong ruộng	Giảm Hạ Thủy	Nước cuối nguồn	Tôn Mộc	Khôn Thổ
1997	Đinh Sửu	Hồ Nội Chi Ngưu_Trâu trong hồ nước	Giảm Hạ Thủy	Nước cuối nguồn	Chấn Mộc	Chấn Mộc
1998	Mậu Dần	Quá Sơn Chi Hồ_Hồ qua rừng	Thành Đầu Thổ	Đất trên thành	Khôn Thổ	Tôn Mộc
1999	Kỷ Mão	Sơn Lâm Chi Thổ_Thỏ ở rừng	Thành Đầu Thổ	Đất trên thành	Khảm Thủy	Khôn Thổ
2000	Canh Thìn	Thứ Tính Chi Long_Rồng khoan dung	Bạch Lạp Kim	Vàng chân đèn	Ly Hoả	Càn Kim
2001	Tân Tỵ	Đông Tàng Chi Xà_Rắn ngủ đông	Bạch Lạp Kim	Vàng chân đèn	Cán Thổ	Đoài Kim
2002	Nhâm Ngọ	Quân Trung Chi Mã_Ngựa chiến	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Đoài Kim	Cán Thổ

2003	Quý Mùi	Quần Nội Chi Dương_Dê trong đàn	Dương Liễu Mộc	Gỗ cây dương	Càn Kim	Ly Hoả
2004	Giáp Thân	Quá Thụ Chi Hầu_Khi leo cây	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Khôn Thổ	Khảm Thủy
2005	Ất Dậu	Xương Ngọ Chi Kê_Gà gáy trưa	Tuyền Trung Thủy	Nước trong suối	Tốn Mộc	Khôn Thổ
2006	Bính Tuất	Tự Miên Chi Cẩu_Chó đang ngủ	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Chấn Mộc	Chấn Mộc
2007	Đinh Hợi	Quá Sơn Chi Trư_Lợn qua núi	Ốc Thượng Thổ	Đất nóc nhà	Khôn Thổ	Tốn Mộc
2008	Mậu Tý	Thương Nội Chi Thư_Chuồn trong kho	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Khảm Thủy	Khôn Thổ
2009	Kỷ Sửu	Lâm Nội Chi Ngưu_Trâu trong chuồng	Thích Lịch Hỏa	Lửa sấm sét	Ly Hoả	Càn Kim
2010	Canh Dần	Xuất Sơn Chi Hổ_Hổ xuống núi	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Cấn Thổ	Đoài Kim
2011	Tân Mão	Ẩn Huyệt Chi Thỏ_Thỏ	Tùng Bách Mộc	Gỗ tùng bách	Đoài Kim	Cấn Thổ
2012	Nhâm Thìn	Hành Vũ Chi Long_Rồng phun mưa	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Càn Kim	Ly Hoả
2013	Quý Tỵ	Thảo Trung Chi Xà_Rắn trong cỏ	Trường Lưu Thủy	Nước chảy mạnh	Khôn Thổ	Khảm Thủy
2014	Giáp Ngọ	Vân Trung Chi Mã_Ngựa trong mây	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Tốn Mộc	Khôn Thổ
2015	Ất Mùi	Kính Trọng Chi Dương_Dê được quý mến	Sa Trung Kim	Vàng trong cát	Chấn Mộc	Chấn Mộc
2016	Bính Thân	Sơn Thượng Chi Hầu_Khi trên núi	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Khôn Thổ	Tốn Mộc
2017	Đinh Dậu	Độc Lập Chi Kê_Gà độc thân	Sơn Hạ Hỏa	Lửa trên núi	Khảm Thủy	Khôn Thổ
2018	Mậu Tuất	Tiến Sơn Chi Cẩu_Chó vào núi	Bình Địa Mộc	Gỗ đồng bằng	Ly Hoả	Càn Kim

Có cách tính Cung mệnh quái số:

Dựa vào số quái số tìm ra cung mệnh của từng người tại hình 3.2, 3.3, 3.4, 3.5.

Lấy hai số cuối của năm sinh và tùy nam hay nữ có cách tính cung mệnh quái số như sau: Cộng hai số cuối của năm sinh. Nếu tổng số có hai chữ số thì cộng tiếp hai chữ số đó để lấy tổng là số có 1 chữ số.

Nữ: cộng thêm 5 vào tổng số. Kết quả chính là quái số. Nếu nữ sinh sau năm 2000, thì cộng 6.

Ví dụ 1: Nếu nữ sinh năm 1959 thì quái số được tính như sau: $5+9=14$, rồi $1+4=5$. Rồi cộng thêm 5, vì vậy $5+5=10$, rồi $1+0=1$. Quái số của người này là 1.

Ví dụ 2: Nếu nữ sinh năm 2001 thì quái số được tính như sau: Cộng $0+1=1$, rồi $1+6=7$. Quái số là 7.

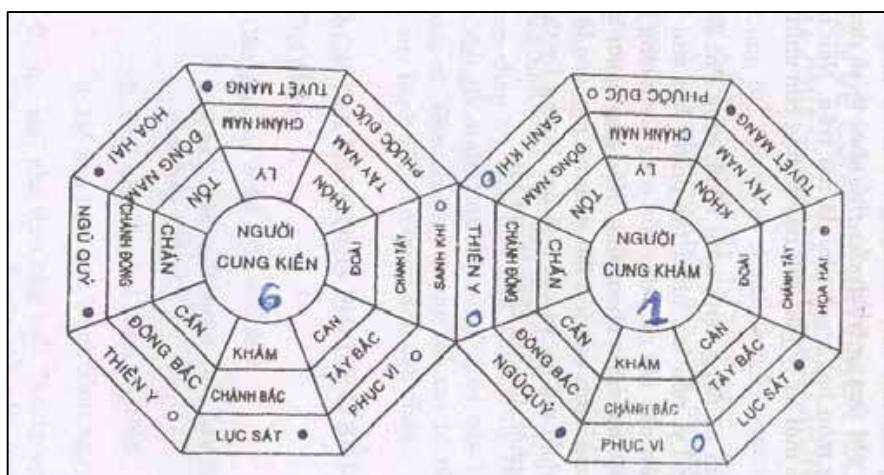
Nam: lấy 10 trừ đi tổng số sẽ ra quái số. Nam sinh sau năm 2000 lấy 9 trừ đi tổng số.

Ví dụ 1: Nam sinh ngày 3/1/1939. Năm sinh âm lịch của bạn là 1938. Quái số được tính như sau: $3+8=11$, cộng $1+1=2$, lấy $10-2=8$. Vậy quái số là 8.

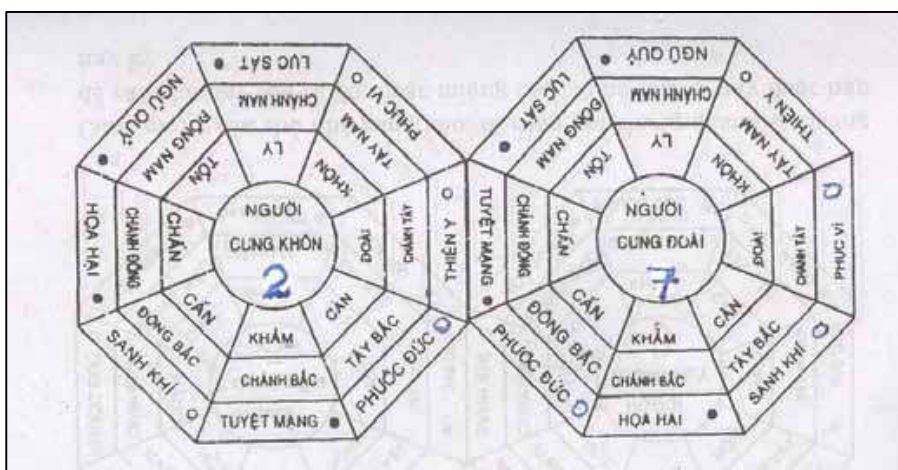
Ví dụ 2: Nam sinh năm 2001 âm lịch thì quái số được tính như sau: Cộng $0+1=1$, rồi $9-1=8$. Quái số là 8.

Ghi chú: Đông tứ mệnh là các số 1, 3, 4 và 9

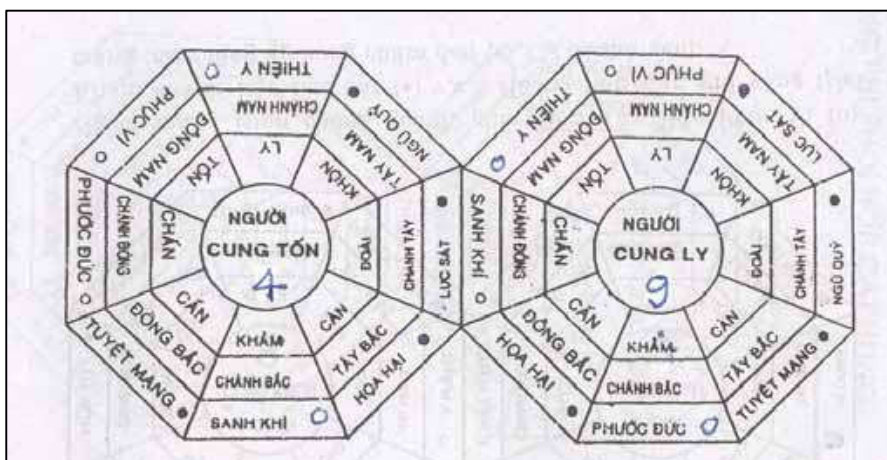
Tây tứ mệnh là các số: 2, 5, 6, 7 và 8 (số 5 sẽ vào cung Khôn – số 2)



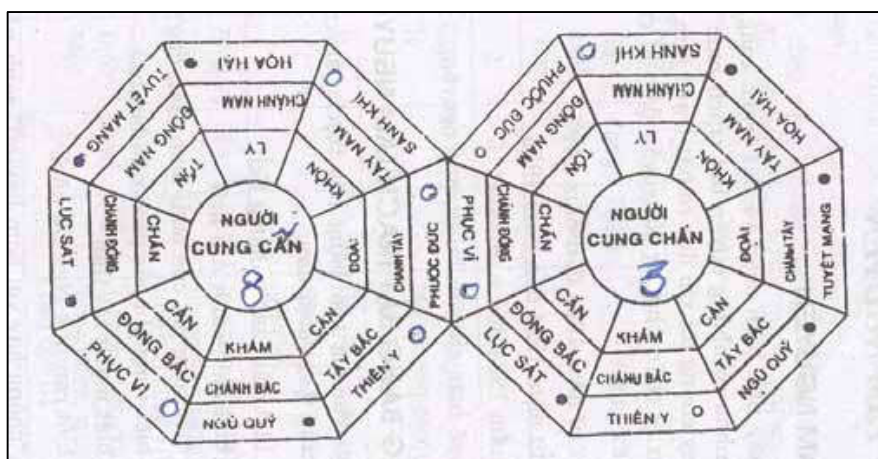
Hình 3.2: Cung Kiền (Càn), cung Khảm phối hợp cát hung



Hình 3.3: Cung Khôn, cung Đoài phối hợp cát hung



Hình 3.4: Cung Tốn, cung Ly phối hợp cát hung



Hình 3.5: Cung Cấn, cung Chấn phối hợp cát hung

Ý nghĩa của bát cung:

- Cung Sinh khí (Seng Qi): (Thuộc sao Tham Lang, rất tốt) chủ việc vượng tốt cho con người, có lợi cho con trai, lợi cho danh tiếng, tạo ra sức sống dồi dào cho con người, tính dục mạnh mẽ. Nếu sinh khí ở khu vệ sinh, phòng kho ,... thì hay mất vật, thất nghiệp, đẻ non, nhiều bệnh tật.

- Cung Diên niên (Yan Nian) – Phước đức: (Thuộc sao Vũ Khúc, tốt) Đây là cung hoà thuận, tốt cho sự nghiệp và ngoại giao, với các mối quan hệ khác, vợ chồng hoà thuận, tuổi thọ tăng thêm, bớt kẻ địch, tính hoà dịu, với nữ giới có bạn đời tốt. Nếu Diên niên ở khu vệ sinh, phòng kho ,... thì hay cãi vã thị phi, nhà cửa không yên ổn .

- Cung Thiên y (Tian Yi): (Thuộc sao Cự Môn, rất tốt) Chủ về sức khỏe tốt, lợi cho phụ nữ, vượng tài lộc, tiêu trừ bệnh, tâm tình ổn định, có giấc ngủ ngon, thường có quý nhân phù trợ, luôn đổi mới. Nếu Thiên y ở khu vệ sinh, phòng kho ,... thì mắc bệnh kinh niên, chứng ung thư.

- Cung Phục vị (Fu Wei): (Thuộc sao Tả Phù, tốt) Đây là cung bình yên, trấn tĩnh, có lợi để bàn thờ. Vững cho chủ nhà, tình duyên nam nữ gắn bó, khả năng tài chính tốt, quan hệ cha mẹ vợ con tốt nhưng tình dục giảm sút. Nếu Phục vị ở khu vệ sinh, phòng kho thì gia chủ nóng nảy, luôn cảm thấy bất yên.

- Cung Tuyệt mệnh (Jue Ming): (Thuộc sao Phá Quân, rất xấu) ở vào cung Tuyệt mệnh là khu vệ sinh, phòng kho thì chủ nhà có sức khoẻ tốt, tuổi thọ tăng thêm, duyên phận con cái tốt, có tài vận. Nếu cung Tuyệt mệnh vào vị trí tốt : chủ nhân bị bệnh khó chữa, mổ xẻ, đụng xe, mất trộm, trong người cảm thấy không yên ổn, mọi việc tính toán quá đáng, buồn phiền, đau khổ, u sầu, ít nói, ức chế tâm thần, duyên phận con cái bạc bẽo.

- Cung Ngũ quỷ (Wu Gui): (Thuộc sao Liêm Trinh, xấu) Nếu Cung Ngũ quỷ là khu vệ sinh, kho thì có thể biến xấu thành tốt. Nếu cung Ngũ Quỷ là vị trí tốt (cửa ra vào, phòng ngủ, bếp) thì các sự việc lôi thôi vô cớ ập đến, người nhà mổ xẻ ung thư, tai tiếng thị phi, mất trộm, phá sản, hoả hoạn.

- Cung Lục sát (Liu Sha): (Thuộc sao Lộc Tồn, xấu) Nếu Cung Lục sát là khu vệ sinh, kho thì người trong nhà có suy nghĩ đúng đắn, có số đào hoa và lợi cho đường tình duyên. Nếu cung Lục sát là vị trí tốt (cửa ra vào, phòng ngủ, bếp) thì tình duyên trắc trở, vợ chồng thường cãi nhau, sự nghiệp không tốt. Riêng với nam giới thì không lo làm ăn, hay rượu chè cờ bạc.

- Cung Hoạ hại (Huo Hai): (Thuộc sao Lộc Tồn, xấu) Nếu Cung Hoạ hại là khu vệ sinh, kho thì người trong nhà được yên ổn, hoà thuận, sức khoẻ tốt, không xảy ra quan sự. Nếu cung Hoạ hại là vị trí tốt (cửa ra vào, phòng ngủ, bếp) thì người nhà bị chia rẽ, quan tai, mệt mỏi vì những việc vụn vặt, hay thua kiện với người ngoài, thất tài....

Phong thủy cũng phân nhóm cung hướng và cung mạng. Trong 8 hướng của cung Bát quái đồ chia ra hai nhóm là Đông tứ hướng và Tây tứ hướng.

- Đông tứ hướng gồm có hướng Bắc (cung Khảm), hướng Đông (cung Chấn), hướng Đông – Nam (cung Tốn), hướng Nam (cung Ly). Nhà có hướng chính về 4 hướng trên gọi là nhà Đông tứ trạch. Cung mạng ai nằm trong 4 cung trên thuộc nhóm Đông tứ mạng và trường khí của 4 cung hướng là hợp tốt.

- Tây tứ hướng gồm có 4 hướng Tây – Bắc (cung Càn), hướng Tây (cung Đoài), hướng Tây – Nam (cung Khôn) và hướng Đông – Bắc (cung Cấn). Nhà hướng chính về 4 hướng này gọi là nhà Tây tứ trạch. Cung mạng ai nằm trong 4 cung trên thuộc nhóm Tây tứ mạng và hợp tốt ở 4 hướng này.

Như vậy, người thuộc nhóm Tây tứ mạng hợp với nhà Tây tứ trạch (Tây tứ hướng) đều được hưởng từ trường tốt, gọi là hợp hướng và tạo được nhiều điều thuận lợi cho sức khoẻ và tốt lành trong cuộc sống. Ngược lại, người Đông tứ mạng ở nhà Tây tứ trạch và người Tây tứ mạng ở nhà Đông tứ trạch gọi là trái hướng, thì ắt sẽ xảy ra sự xung khắc, bởi từ trường cung hướng với cung mạng khác nhau sẽ xảy ra sự không tốt đẹp cho sức khoẻ, không thuận lợi cho công việc, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sự phát triển lâu dài.

3.1.3. Ứng dụng lựa chọn bố trí hướng nhà tốt

3.1.3.1. Dựa vào cung mệnh

Trên cơ sở cung mệnh của từng người mà chọn hướng nhà vào các cung tốt: Sinh khí, Phúc đức, Thiên y và Phục vị. Hướng nhà nên cố gắng tránh các cung Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát và Họa hại (lưu ý hai cung cực xấu là Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ).

Khi chọn hướng nhà thì phải căn cứ vào cung mệnh của chủ nhà và chủ yếu là người đàn ông để chọn hướng nhà.

Ví dụ: Chủ là nam sinh năm 1988: tra trong bảng Bát trạch tam nguyên thì người này tọa ở cung chấn, sẽ có 4 hướng tốt là Sinh khí (chính Nam), Phúc đức (Đông Nam), Phục vị (chính Đông) và Thiên y (chính Bắc). Như vậy nên chọn vị trí nhà nhìn theo một trong các hướng này.

Một ví dụ khác: Chủ nhà là nam sinh năm 1968 - Mậu thân. Ở nhà cửa chính hướng Bắc hay cửa chính hướng Đông Nam thì công việc nhiều bế tắc cản trở, hay bị ốm đau. Tra bảng Bát trạch tam nguyên cho thấy mệnh cung chủ nhà là Khôn, kết hợp với cửa chính Bắc là Khảm phạm phải Tuyệt mệnh nên rất xấu. Sau khi xem xét đổi hướng cửa nhà chính thành hướng Tây Bắc - Càn được Phúc Đức. Quả nhiên sau đó một thời gian được thăng chức, mọi việc hanh thông.

3.1.3.2. Những điều cần lưu ý khi chọn bố trí hướng

Nếu chỉ dựa vào cung mệnh của chủ nhà để xác định hướng nhà thì vẫn chưa đủ, mà phải lưu ý sau:

- Dựa theo vận khí của căn nhà:

Dựa theo vận khí của căn nhà tức là phải dùng phương pháp lập trạch vận theo Huyền không phi tinh, để xem nhà có nhận được vượng khí hay không trước khi tuyên chọn (xem mục 3.1.1).

Ví dụ: Một gia đình nọ, cả 2 vợ, chồng đều sinh năm 1926 (Bính Dần), nên chồng mệnh Khôn, vợ mệnh Tốn. Vào năm 1965, họ dọn vào 1 căn nhà hướng Tây Nam (210°), tọa Đông Bắc, nên tọa - hướng đều hợp với tuổi của chồng, nhưng khắc tuổi người vợ. Không những thế, bếp còn nằm ở khu vực Tây Bắc, miệng bếp nhìn về hướng Tây Nam. Sau khi vào ở thì gia đình càng ngày càng lụi bại, lại hay bị bệnh tật, tai họa liên miên. Sau khi ở đó được hơn 8 năm, người chồng bị đứt mạch máu não và bại liệt nửa người, rồi chỉ hơn 1 năm sau thì ông ta qua đời.

Trong ví dụ trên, nhà hướng 210° (tức tọa Sửu hướng Mùi), vào ở năm 1965 là trong vận 6. Nếu lập trạch vận căn nhà theo Huyền không phi tinh sẽ được như hình sau.

Vì lúc đó đang trong vận 6 (1964 - 1984), mà phía

ĐN 5	NAM 1	TN 3
8 2	4 7	6 9
ĐÔNG	6	TÂY
4 1	9 3	2 5
ĐB	BẮC	TB
9	2	7
3 6	5 8	1 4

→ Hướng nhà

Những số màu:

- * Đen: vận tinh
- * Đỏ: Sơn tinh
- * Xanh: Hướng tinh

trước nhà có Sơn tinh số 6, còn phía sau có Hưởng tinh 6, nên nhà này bị “Thượng sơn Hạ thủy”. Đã thế, phía sau nhà không có cửa để đón vượng khí của Hưởng tinh 6, còn phía trước gặp phải Tử khí (Hưởng tinh 9). Chưa kể khu vực phía Tây nhà còn có cửa hông, gặp phải sát khí Ngũ hoàng (số 5) nên mới bị lâm tai họa, bệnh tật và mất người như thế, cho dù hướng nhà có hoàn toàn “hợp” với tuổi của gia chủ đi nữa.

- Hướng phải thuận khí:

Tuy rằng trên nguyên tắc thì bất cứ tuyến vị nào đắc vượng tinh tới hướng hay tới cửa đều có thể chọn dùng, nhưng Huyền không còn đòi hỏi hướng nhà phải thuận khí, chứ không được pha tạp với những khí khác. Muốn đạt được điểm này thì nhà (hay mộ) cần phải được chính sơn, chính hướng.

Nếu trong trường hợp nhà không thể chọn được chính hướng, mà bắt buộc phải kiêm hướng, thì độ kiêm cũng cần phải theo đúng pháp độ, chứ không thể tùy tiện chọn lựa.

Một căn nhà được xem là Thuận khí khi tuyến vị tọa - hướng của nó hoặc là nằm chính giữa 1 sơn, hoặc là lệch sang bên phải hoặc bên trái tuyến vị đó (còn gọi là Kiêm hướng) nhưng không quá 3 độ. Nếu lệch quá 3 độ thì sẽ lấy khí của sơn bị kiêm nhiều quá, khiến cho khí của tọa - hướng không còn thuần khiết nữa, mà đã bị pha tạp, mức độ tốt đẹp sẽ giảm thiểu, hoặc sẽ gặp hung họa lớn, nếu như chẳng may nhà lại không đắc được vượng khí tới hướng hay cửa, nhất là chủ về chết người, tổn đình hay bị tuyệt tự.

Ngoài vấn đề tuyến vị của tọa - hướng không được kiêm quá nhiều, còn phải để ý đến vị trí của cổng, cửa và ngõ vào nhà. Nếu tọa - hướng nhà thuộc Thiên nguyên long thì cổng, cửa và ngõ vào nhà phải cùng nằm trong những khu vực thuộc Thiên nguyên long. Nếu tọa - hướng nhà thuộc Nhân nguyên long thì cổng, cửa cũng phải nằm trong những khu vực thuộc Nhân nguyên long. Nếu tọa - hướng thuộc Địa nguyên long thì cổng, cửa cũng phải nằm trong khu vực của Địa nguyên long. Có như thế mới bảo đảm được sự thuận khí.

- Tránh bố trí hướng vào tuyến Đại không vong và Tiểu không vong:

Tuyến Đại không vong: là những đường ranh giới giữa 8 hướng trên la bàn. Biết rằng 1 vòng tròn trên la bàn bao gồm 360°, nếu chia ra 8 hướng thì mỗi hướng sẽ chiếm đúng 45°. Những tuyến độ nằm giữa 2 hướng là những tuyến Đại không vong.

Đối với Phong thủy Huyền không, tất cả mọi tuyến Đại không vong đều là những tuyến vị cực xấu. Nếu cất nhà, xây mộ theo những hướng đó thì về nhân sự có thể bị chết người, cô quả hay bị tuyệt tự. Về tài lộc có thể bị phá sản, lao tù vì tiền bạc... Về bản chất con người sống trong những nhà đó cũng chủ thô tục, bản tiện, thiếu liêm sỉ hoặc hung ác, lại hay thấy ma quỷ...

Tuyến Đại không vong sở dĩ cực xấu là vì tọa - hướng của căn nhà đã kiêm quá nhiều (từ 6 đến 7 độ 5) nên khí của căn nhà đã hoàn toàn bị pha tạp, biến chất.

Nó vừa kiêm khí của sơn khác (trong 24 sơn), vừa kiêm khí của hướng khác (trong 8 hướng).

Những nhà thuộc tuyến Đại không vong đều bị coi là “Lạc quẻ” hay “Xuất quái” vì tạp khí hỗn loạn, không có một chính khí đủ mạnh để làm chủ khí, như nhà không chủ. Những căn nhà này dễ có nhiều tai họa nghiêm trọng như bị tà khí chi phối, bị ma quỷ quấy phá, cũng như con người trở nên hẹp hòi, thô lậu, bần tiện, gian trá hơn. Chính vì vậy mà “Trạch vận Tân án” mới nói những nhà có hướng thuộc tuyến Đại không vong thì “tiến thoái đều khó, trở thành tiện cục (cách bần tiện), khiến vợ, chồng lục đục, anh em bất hòa, văn nhân thì mắc bệnh thần kinh, nhiều sự bất hạnh liên tiếp xảy ra”.

Tuyến Tiểu không vong: Nếu tuyến Đại không vong là những tuyến nằm ngay lẫn ranh của 2 hướng, thì tuyến Tiểu không vong là những tuyến nằm ngay lẫn ranh của 2 sơn. Như chúng ta đã biết, trên la bàn gồm 360° được chia ra 8 hướng, mỗi hướng chiếm 45°. Trong mỗi hướng lại được chia ra làm 3 sơn, nên mỗi sơn chiếm 15°. Cho nên tổng cộng có 24 sơn trên la bàn, và vì vậy cũng có 24 tuyến Tiểu không vong.

Một điều cần nói thêm là vì giữa Địa nguyên long với Thiên nguyên long trong cùng 1 hướng bao giờ cũng có vấn đề trái nghịch âm - dương, nếu Thiên nguyên long là sơn âm thì Địa nguyên long sẽ là sơn dương, và ngược lại, cho nên những tuyến Tiểu không vong nằm giữa 2 sơn (hướng) này còn bị gọi là những tuyến “sai lạc âm-dương” hoặc “âm-dương sai thố”, rất xấu.

Những tuyến nằm ở phần giữa 2 sơn, nhưng 1 sơn thuộc Thiên nguyên Long, 1 sơn thuộc Nhân nguyên long: thì chỉ có tuyến vị chính giữa 2 sơn mới bị coi là tuyến Tiểu không vong mà thôi. Tuy nhiên trên thực tế thì những tuyến Tiểu không vong này đều vô hại. Lý do là vì trong cùng 1 hướng thì sơn thuộc Thiên nguyên Long bao giờ cũng cùng âm - dương với sơn thuộc Nhân nguyên long. Mà vì đã nằm trong cùng 1 hướng, lại cùng 1 khí âm hoặc dương, nên dù có nằm chồng lên đường phân giới giữa 2 sơn cũng vẫn không sợ khí bị pha tạp hay hỗn loạn.

- Bí quyết Thành môn:

Trong việc chọn tọa - hướng cho nhà ở (hay phần mộ), ngoài những vấn đề đã được nêu ra thì còn cần để ý tới khu vực 2 bên phía trước như thế nào để có thể dùng bí quyết của “Thành môn”.

Thành môn, tức cổng thành, là nơi ra vào thành cũng là chỗ dẫn nước ra, vào ở phía dưới. Cho nên Thành môn chính là cửa ngõ để vào nhà, hoặc nơi thủy đến, thủy đi, thủy hội tụ ở 2 bên phía trước. Đối với nhà cửa thì nếu khu vực đó có ngõ rẽ vào nhà hay ngã ba, ngã tư, ao, hồ, biển, hoặc chỗ 2 dòng sông tụ hội... thì những nhà đó được xem như có Thành môn.

Tuy nhiên, cách dùng Thành môn không phải cứ hễ thấy ở 2 bên đầu hướng có cổng, ngã ba, ngã tư hay sông nước là có thể xử dụng, mà còn phải theo những nguyên tắc căn bản đã nêu ở trên.

- Phối hợp Phi tinh với địa hình (loạn đầu):

Ngoài những vấn đề kể trên thì còn phải để ý đến địa hình bên ngoài xem có phù hợp với Phi tinh hay không?

Nói địa hình (hay loan đầu) phù hợp với Phi tinh tức là những nơi có thủy của sông, hồ, ao biển, hoặc đường đi, sân rộng, đồng trống... phải nằm trùng với những nơi có sinh khí hay vượng khí của Hướng tinh. Còn những nơi có núi đồi, gò cao, hay nhà cửa, cây cối... thì phải nằm trùng với những khu vực có sinh khí hay vượng khí của Sơn tinh.

Mặt khác, phía trước nhà thì Bạch hổ (phía tay phải) phải cao hơn, ngắn hơn và tối hơn; còn phía tay trái là Thanh long thì phải thấp hơn, dài hơn và sáng hơn.

3.3. ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG BỐ TRÍ NỘI THẤT

3.3.1. Bố trí phòng khách

3.3.1.1. Nguyên tắc phong thủy phòng khách

Phòng khách chiếm vai trò quan trọng về mặt Phong thủy bởi đó là một bộ phận chính của căn nhà, hiếm thấy nhà nào lại không có phòng khách.

Phòng khách thường được thiết kế với một diện tích khá lớn nên là nơi được lựa chọn để bố trí và sắp xếp nhiều vật dụng gia đình, nhiều đồ vật trang trí...

Liên quan đến mục đích sử dụng, phòng khách là nơi đón tiếp khách khứa, tạo ra ấn tượng của toàn bộ căn nhà lúc ban đầu, cũng là nơi các thành viên trong gia đình tụ họp, thư giãn. Do đó phòng khách được Phong thủy xếp vào một trong năm hạng mục trọng yếu trong căn nhà bao gồm: Phòng thờ, phòng khách, phòng ngủ, nhà bếp, phòng tắm và vệ sinh.

Vậy bài trí phòng khách thế nào để thuận lợi trong việc cải thiện cuộc sống cho gia chủ? Đi vào chi tiết sẽ có thể có đôi chút khác nhau tùy thuộc vào tình hình cụ thể và yêu cầu của chủ nhà. Tuy nhiên nhìn chung đều mong muốn có cuộc sống an lành, yên vui, cao hơn một chút là đắc tài, đắc lộc, thăng quan tiến chức, sức khỏe dồi dào, tránh được vận hạn, tai nạn.

Phòng khách thường được bố trí ở gian ngay sau cửa chính trong ngôi nhà. Vì Phong thủy xem việc hấp thụ dòng khí là điều chính yếu, mà phòng khách thường có vị trí ở phía trước nhà, là nơi đầu tiên tiếp nhận dòng khí (là dòng năng lượng tốt hoặc xấu), từ đó dòng khí mới phân bổ đi vào các hạng mục khác trong nhà như phòng ngủ, phòng ăn, nhà bếp...

Thông thường, phòng khách được đặt ở vị trí đầu tiên sau khi bước qua cửa chính ngôi nhà. Nếu phải đi qua phòng ăn hay thư phòng, nhà bếp, nhà vệ sinh mới vào đến phòng khách thì trật tự của ngôi nhà sẽ bị đảo lộn, không nên như vậy. Theo tập quán lâu đời “Sảnh minh thất ám”, có nghĩa là đại sảnh phải sáng sủa, còn phòng ngủ phải tối. Do vậy, phòng khách không những đòi hỏi phải rộng rãi (có không gian lớn nhất trong nhà), mà còn phải sáng sủa, ánh sáng chiếu vào đầy đủ, không khí thông thoáng.

Phòng khách nên bố trí ở các hướng cát của ngôi nhà (theo mệnh chủ nhà) như Sinh khí, Phúc đức, Phục vị, Thiên y và tránh bố trí ở các cung xấu (hung) như Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát, Họa hại.



Hình 3.6: Phòng khách

3.3.1.2. Bài trí một số đồ vật trong phòng khách

Đồ đạc chính trong phòng khách hiện đại là ghế salông, ti vi, tủ rượu...nên hướng ra cửa chính. Salông nên bố trí sao cho người ngồi có thể nhìn ra cửa, đại kỵ quay lưng ra cửa chính. Bài biện phòng khách nên phù hợp với địa vị của chủ nhân. Ví dụ: Nếu chủ nhân là nhà tri thức có thể treo tranh chữ để tỏ khí chất thanh cao nhã nhặn; nếu chủ nhân là nhà lãnh đạo nên treo tranh trúc quân tử tượng trưng phong cách tiên phong, ngay thẳng, công bằng; nếu chủ nhân là nhà kinh doanh có thể treo chữ “Lộc” hoặc bày cây tài lộc để cầu tài.

- Chỗ ngồi:

Những chỗ ngồi trong phòng, nếu có thể, không nên đặt ở vị trí lưng ghế quay về phía cửa chính. Khách nên có cảm giác được đón chào khi vào trong phòng, vì vậy nên mời họ ngồi ở vị trí trang trọng, nhìn ra phía cửa. Trong các phòng không thể kê ghế gần tường, hãy tạo thế vững vàng cho các chỗ ngồi này bằng cách đặt một cái bàn hoặc tủ sách ở phía sau ghế.

Bàn ghế thích hợp nhất nếu có các góc cạnh tròn. Nếu phòng ngủ có cửa ăn thông với khu vực phòng khách, hãy cẩn thận đừng để góc cạnh nào đó của vật dụng trong phòng khách hướng “mũi tên độc” vào phòng ngủ này.

- Tivi và máy nghe nhạc:

Phải luôn sắp xếp các chỗ ngồi sao cho không làm cho ti vi trở thành tâm điểm chính của căn phòng. Khi tivi thay cho vị trí lò sưởi ấm cúng, trở thành tâm điểm, gia đình sẽ thôi quây quần bên nhau chuyện trò nữa mà sẽ ngồi thành hàng, thành dãy và chỉ chăm chú nhìn vào tivi (Tuy nhiên, điều này lại tốt hơn là mỗi đứa trẻ trong nhà có một chiếc trong phòng ngủ của chúng vì như vậy rất có thể chúng sẽ hoàn toàn bị cắt đứt với khía cạnh xã hội thuộc về đời sống gia đình). Nên đặt dàn máy nghe nhạc càng xa vị trí ngồi bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, để tránh tác hại của các bức xạ điện từ.

- Tranh ảnh và vật dụng khác:

Chúng ta phải luôn ý thức về hiệu quả của tranh ảnh xuất hiện ở xung quanh mình, bởi vì chúng có thể sẽ phản ánh nội tâm của chúng ta. Những hình ảnh gốm ghiếc và các vật dụng sắc nhọn có thể nói lên tình trạng rối loạn trong nội tâm, trong khi các tranh ảnh về chuông, cầu vồng và cảnh vật bốn mùa sẽ thể hiện một tâm hồn an bình.

Nếu sống một mình, phòng khách sẽ là nơi chúng ta cho thấy niềm mong ước muốn có một nơi nướng nấu bình lặng hoặc cho biết rằng chúng ta đang cần một người bạn. Chúng ta có thể lợi dụng khoảng không gian này để tạo ra một bầu không khí tích cực. Hình ảnh và tranh ảnh nghệ thuật trưng bày trong không gian chung của gia đình nên tươi tắn và thể hiện các chủ đề đầm ấm và vui vẻ.

Tốt nhất là treo ảnh chụp của gia đình trong phòng này. Súng ống, gươm giáo và các loại vũ khí khác không nên trưng ra ở phòng khách.

Điều quan trọng là nội dung của căn nhà, nhất là ở các khu vực chung, nên được cân bằng và phản ánh đời sống của tất cả mọi người trong nhà. Nếu cuộc sống làm việc của chúng ta có tính sôi động, phòng khách sẽ là nơi phản ánh lòng ham muốn sự an bình.

Tuy nhiên, những người sống một mình nên dùng phòng khách để biểu hiện nhu cầu kết bạn và nên cất đi những hình ảnh thể hiện sự đơn chiếc - như các bức tranh tả cảnh hiu quạnh, bơ vơ; đồ trang sức nên để thành từng đôi, từng cặp, và nên dùng phòng khách để tạo ra năng lượng tích cực.

3.3.2. Bố trí bàn thờ

Ngay trong chương 1 chúng ta đã biết “Nhất Vận, nhì Mệnh, tam Phong thủy, tứ Gia tiên, ngũ Đền sách”. Trong khái niệm “Gia tiên” không chỉ bao gồm việc bố trí mồ mã tổ tiên cho đúng phong thủy mà còn phải bố trí bàn thờ phù hợp thì mới thịnh vượng và tránh được các điều xấu.

Quan niệm truyền thống của người Việt ta thì việc thờ cúng tổ tiên là vô cùng quan trọng. Trong nét văn hóa truyền thống của người Việt là đạo thờ cúng tổ tiên. Điều đó không chỉ thể hiện chữ hiếu của con cháu với tổ tiên, cha mẹ mà còn theo đó, tổ tiên vẫn phù hộ cho con cháu sau khi sang thế giới bên kia.

Nếu bàn thờ thu nạp được sinh khí tốt thì con cháu sẽ hưởng phúc, làm ăn phát đạt, mọi sự như ý. Trái lại, nếu bàn thờ đặt ở hướng xấu thì sẽ khiến gia đạo suy thoái, mọi sự không may mắn.

Hướng bàn thờ là hướng ngược với chiều người đứng khấn (ví dụ: người đứng khấn quay về hướng Bắc thì bàn thờ là hướng Nam).

Hướng bàn thờ phải đặt ở vị trí cát và quay về hướng tốt như Sinh khí, Thiên y, Phúc đức, Phục vị.

Ví dụ: Chủ nhà nam sinh năm 1954 - Giáp Ngọ, lập bàn thờ trong nhà hướng Tây Bắc. Tuy rất tài giỏi song không được thăng chức, quan vận bế tắc. Tra bảng ta thấy tuổi này mệnh cung Khảm, hướng bàn thờ là hướng Tây Bắc tức là cung Càn. Phối hợp Khảm với Càn thì phạm Lục sát xấu. Sau khi xem xét chuyển đổi hướng

bàn thờ về hướng chính Nam là cung Ly là cung Phúc đức đối với mệnh cung này. Quả nhiên sau đó 3 tuần có tin vui thăng chức.



Hình 3.7: Một góc thờ cúng nhỏ vẫn có thể thiết kế ngay phòng khách

Trong nhà ở dân gian, bàn thờ cố định tại Trung cung (khu vực trung tâm của nhà). Bước vào cửa chính có thể gặp bàn thờ và bộ bàn ghế tiếp khách, là một xếp đặt quen thuộc, hài hòa với cấu trúc không gian nhà ở truyền thống vốn có hàng hiên và sân vườn bao bọc chung quanh.

Còn nhà ở hiện đại với diện tích và cấu trúc không gian khác xưa, điều kiện sống và quan niệm trong sinh hoạt cũng có nhiều thay đổi, cách bố trí bàn thờ trở nên đa dạng hơn, và cũng có nhiều vấn đề cần linh hoạt hơn.

Nhà phố hiện nay phổ biến cách đặt phòng thờ trên tầng thượng, vừa thoáng khí vừa có khoảng rộng sân thượng để tập trung nhiều người vào các dịp giỗ tết, giảm các va chạm trong sinh hoạt hàng ngày.



Hình 3.8: Một góc thờ cúng đơn giản nhưng trang trọng trong ngôi nhà hiện đại

Nhưng cũng có một số gia đình không muốn đưa bàn thờ lên tầng cao với lý do khó khăn cho người lớn tuổi khi chăm lo hương khói, quét dọn bàn thờ, và đặt lên cao quá sẽ có cảm giác xa cách.

Thực ra mỗi ngày một vài lần đi lên phòng thờ thì cũng như tập thể dục vậy thôi, đồng thời nên giáo dục cho thế hệ trẻ ý thức hướng về tổ tiên, cả gia đình có thể thay phiên nhau hương khói chẳng hề nặng nhọc chút nào.

Trường hợp nhà neo người, quá khó khăn hoặc nhà trệt, căn hộ chung cư... thì có thể gắn bàn thờ liền với không gian phòng khách nhưng phải có giải pháp thoát khói và chống ô nhiễm trên trần (như dùng tủ thờ có nóc, dùng tấm kính ngăn phía trên, bàn thờ kê cạnh cửa thông gió).

Thư viện, phòng khách, phòng sinh hoạt chung trang trọng là những nơi phù hợp để có thể đặt bàn thờ. Tuyệt đối không nên đặt bàn thờ ở những phòng sinh hoạt chung ồn ào như phòng karaoke, phòng thể thao... Cũng không nên đặt bàn thờ trong phòng ngủ vì không gian trang trọng và khói nhang sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe người trong phòng; thêm nữa không gian thờ mang tính âm nên không phù hợp.

Trong phòng thờ, hệ thống tủ – bàn thờ phải có quy mô và hình thức tương xứng để tạo nên sự trang nghiêm cho không gian đặc biệt này.

Kích thước tủ thờ không nên quá to gây cảm giác hoành tráng nhưng cũng không nên “lọt thỏm”, nhỏ bé trong phòng. Nếu bàn thờ được đặt tại các không gian khác như phòng sinh hoạt chung, phòng khách... thì tủ thờ cần được thiết kế phù hợp về tỉ lệ với kích thước phòng và tương quan với các đồ nội thất khác.



Hình 3.9: Một góc thờ cúng trang trọng mang hơi hướng truyền thống

Ở những không gian này, tủ, bàn thờ nên được thiết kế đơn giản, tránh cầu kỳ lộng lẫy hay gây cảm giác nặng nề e sợ. Bàn thờ phải tạo được sự tôn nghiêm nhưng vẫn phải mang lại cảm giác gần gũi với các thành viên trong gia đình và các sinh hoạt chung khác.

Vật liệu và màu sắc của tủ – bàn thờ cúng cũng phải phù hợp, nên sử dụng các màu trầm, tốt nhất là màu gỗ nâu sẫm. Các chi tiết kiến trúc – nội thất (lát sàn, trần,

chiều sáng...), các vật dụng, đồ thờ (bát nhang, đèn nến, lọ hoa...) nên bày theo lối cân đối.

Bàn thờ nên có độ cao tỷ lệ với người trong gia đình, tránh làm quá cao (phải leo trèo thiếu an toàn) hoặc quá thấp (dễ bị va chạm và thiếu tôn nghiêm). Trường hợp có nhiều tầng thờ thì xếp đặt theo thứ tự từ cao xuống thấp theo ngôi thứ.

Lưu ý: Không bố trí giường ngủ trong phòng bàn thờ (trường hợp bố trí bàn thờ ở gian chính của nhà mà có giường ngủ thì khi ngủ phải quay đầu vào bàn thờ); mọi đồ vật nếu để trong phòng thờ cần thấp hơn (trừ ảnh của các cụ đã mất); tránh đặt bàn thờ gần luồng hút gió mạnh, gây “động” và có thể thổi tàn lửa nhang ra chỗ khác gây cháy; tuyệt đối không được đặt bàn thờ bên dưới phòng vệ sinh, phòng trẻ em chơi đùa... làm giảm tính tôn nghiêm.

Đối với bàn thờ Thần tài và Ông địa nên đặt ngay tại lối vào chính và ở dưới đất vì việc thắp nhang, nhất là nhang thơm, có tác dụng xua đuổi không khí ẩm ướt, còn trùng vào những buổi sáng sớm hoặc chiều tối (là khoảng thời gian chuyển tiếp Âm Dương, ánh sáng nhá nhem, vi khuẩn nhiều và độ ẩm tăng) đồng thời theo tín ngưỡng dân gian thì như vậy sẽ “nghe tiếp Thần tài” được trực tiếp hơn.

Bàn thờ Thiên thì hầu như là lộ thiên hoàn toàn, có thể từ đơn giản là một bệ đá, đến cầu kỳ hơn là một trang thờ có mái. Sân thượng hoặc ban công trước là nơi phù hợp đặt bàn Thiên, cũng là một điểm thắp nhang để xua đuổi âm khí, tạo thêm một nét ấm áp cho sinh hoạt trong ngôi nhà Việt.

3.3.3. Bố trí bếp

Theo quan niệm của người phương Đông, khu vực đặt bếp quyết định đến sự thành bại của gia chủ chứ không chỉ đơn thuần là một nơi để nấu nướng. Trong nhà bếp, các chuyên gia phong thủy cũng chú ý nhất đến vị trí của hỏa lò và chỗ chuẩn bị đồ nấu nướng.

Trong căn nhà, bếp tuy nhỏ nhưng lại có vị trí rất quan trọng. Bếp là nguồn tạo ra thức ăn nên mọi bệnh tật cũng từ bếp mà ra. Đồng thời, bếp là nguồn tài lộc. Vì vậy, việc đặt hướng bếp là vô cùng quan trọng, nó chi phối nguồn tài lộc của cả gia đình cũng như bệnh tật.

Vị trí của bếp cũng rất quan trọng trong Phong thủy. Nếu nhà có nhà bếp riêng biệt và tương đối rộng thì vị trí bếp được xác định trong phạm vi của nhà bếp. Nếu nhà hẹp và không có nhà bếp riêng thì vị trí của bếp được xác định theo toàn bộ diện tích của căn nhà. Để xác định chính xác vị trí của bếp cần xác định trước tâm nhà bếp hoặc tâm nhà, sau đó xác định cung đặt bếp.

Hướng bếp được xác định là hướng của cửa bếp, nếu là bếp ga thì hướng bếp chính là hướng của núm vặn lửa. Nói cách khác, hướng bếp là hướng ngược với hướng của người đứng nấu.

Căn cứ để bố trí hướng bếp như sau:

- Bếp nên tọa tọa hướng xấu để trấn át cái xấu và nhìn về hướng cát.

- Căn cứ vào quái số của chủ nhà để đặt hướng cho bếp. Các hướng cát (tốt) là Sinh khí, Phúc đức, Phục vị và Thiên y; còn các hướng xấu là Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát và Họa hại.

- Một số kiêng kỵ cần tránh: Không bố trí cửa bếp đối diện cửa chính của ngôi nhà, cửa phòng vệ sinh, cửa phòng ngủ. Kiêng để bếp quay về hướng Bắc (hướng thủy vượng), không đặt bàn nấu trên rãnh, mương, đường nước; tránh để hỏa lò kẹt giữa hai đồ đạc có mang theo "thủy" như tủ lạnh, bồn rửa, máy giặt.

- Ngoài ra, những vị trí nên tránh là đặt bếp trên hồ nước, dưới gầm cầu thang và quay cùng chiều với cửa chính của nhà. Hồ cá cũng không nên đặt gần bếp. Một mặt gương soi lên bếp là điều tốt kỵ.

- Bố trí bếp và bồn rửa cần hợp lý: Thông thường là bố trí song song hoặc vuông góc. Kỵ bố trí đối trực diện nhau.



Hình 3.10: Một ví dụ về bố trí bếp



Hình 3.11: Bố trí bếp thông với cửa ra sân vườn

3.3.4. Bố trí giường ngủ

Giường ngủ đối với con người vô cùng quan trọng. Có đến hơn 1/3 thời gian sống của con người dành cho việc ngủ. Ngủ là thời điểm nghỉ ngơi và thu nạp sinh khí cần thiết cho quá trình tái vận động. Theo quan niệm phong thủy thì ngủ là lúc tiếp nạp sinh khí nhiều nhất. Chính vì thế, cần xác định hướng giường ngủ cho hợp lý để tăng sự may mắn và sức khỏe cho bản mệnh mỗi người. Nếu hướng giường không tốt sẽ làm tổn hại sức khỏe, hệ thần kinh và dễ mang lại rủi ro, bệnh tật. Hướng giường ngủ được xác định riêng biệt cho mỗi thành viên trong gia đình.

Hướng giường được xác định là hướng từ đầu giường đến cuối giường. Tức là khi bạn nằm hay ngủ dậy mặt đều quay về hướng đó (nói cách khác là khi ngủ, phía chân là hướng của giường ngủ).

Trong phong thủy, vị trí giường ngủ có ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe của chủ nhân nên chọn được một nơi phù hợp sao cho luồng khí được lưu thông là điều cực kỳ quan trọng. Hướng giường ngủ phải hợp với tuổi của gia chủ, theo các nguyên tắc về phong thủy áp dụng trong nghệ thuật sắp xếp nội thất, giường ngủ nên đặt hướng cát của bản mệnh. Tức là hướng giường là các sao tốt như Sinh khí, Phúc đức, Phục vị và Thiên y.

Ví dụ: Người nam sinh năm 1977 - Đinh Tỵ, mệnh cung Khôn thì nên đặt hướng giường Tây Bắc, chính Tây, Tây Nam hoặc Đông Bắc.

Mặt khác, nên bố trí phòng ngủ ở cung Phục vị của chủ nhân, vì cung Phục vị là tĩnh, yên lành.



Hình 3.12: Giường ngủ bố trí theo những nguyên tắc nhất định

Một số điều lưu ý khi bố trí giường ngủ:

- Hướng giường không nên thẳng ra cửa vì dễ gây tâm lý bất an; không được đặt dưới dầm hoặc dưới nhà vệ sinh của tầng trên; đầu giường nên dựa vào bức tường, không trở ra cửa sổ.... Nếu đầu giường không kê sát vào tường hoặc tủ quần áo sẽ hình thành thế không chỗ tựa được gọi là điềm "hung cô đơn". Nếu giường kê trong phòng ngay dưới dầm ngang sẽ hình thành cảm giác như luôn bị đè nén, trong phong thủy gọi là "hung hình".

- Nếu phòng ngủ ngay cạnh bếp thì đầu giường không nên kê sát vào tường bếp lò, bởi bếp lò thuộc hành Hỏa. Nếu cửa nhà vệ sinh hướng thẳng vào giường, thì phạm phải "hung vi".

- Bất kỳ phía nào của giường đối diện với gương lớn đều không có lợi. Ngoài ảnh hưởng sức khỏe và tình cảm vợ chồng còn ảnh hưởng tới cả tài vận và đường con cái. Điều này càng có ảnh hưởng lớn khi đặt gương dưới chân giường, hình thành thế "hung cảnh".

- Không để vali, túi xách trên kệ cao trong phòng vì có thể gây cảm giác nặng nề, bị đè nén và không an toàn.

- Nên để những vật dụng liên quan tới công việc như máy tính, điện thoại hay sách vở... xa giường ngủ.

- Nên cho quần áo bẩn vào giỏ đựng có nắp vì chúng là vật chứa nhiều âm khí nhất.

- Luôn giữ gầm giường sạch sẽ, thoáng đãng, không để đồ dưới gầm giường.

Trong điều kiện có thể thì nên bố trí màu sắc của phòng ngủ theo bản mệnh:

- Người mệnh Kim sử dụng tông màu sáng vì màu trắng là màu sở hữu của bản mệnh, ngoài ra kết hợp với màu nâu vàng là những màu sắc sinh vượng. Những màu này luôn đem lại niềm vui và may mắn cho gia chủ.

- Người mệnh Mộc sử dụng tông màu xanh, kết hợp với màu đen, xanh biển sẫm.

- Người mệnh Thủy sử dụng màu đen, xanh biển sẫm, kết hợp với tông màu trắng và những sắc ánh kim.

- Người mệnh Thổ nên sử dụng tông màu vàng đất, màu nâu, kết hợp với màu hồng, đỏ, tím.

- Người mệnh Hỏa nên sử dụng màu đỏ, hồng, tím, kết hợp với các màu xanh.

3.3.5. Bố trí nhà vệ sinh

Nhà vệ sinh là nơi thải các uế khí của căn nhà ra bên ngoài. Nơi đây cũng là nơi chứa nhiều uế khí nhất, vì vậy cần bố trí nhà vệ sinh hợp phong thủy.

Về nguyên tắc thì nhà vệ sinh không nên đặt ở phía Tây Nam hoặc Đông Bắc do sự không hòa hợp giữa thủy khí và thổ khí. Tuy nhiên, còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố như cung mệnh của chủ nhà, hướng nhà....

Nhà vệ sinh bản chất không sạch sẽ, nên đặt ở hướng dữ (hung). Công trình phụ đề lên hướng dữ, "lấy độc trị độc" như vậy sẽ biến dữ thành lành. Để xác định vị

trí đặt nhà vệ sinh thì phải căn cứ vào cung mệnh của chủ nhà. Các hướng dữ là Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát và Họa hại.

Ví dụ: Chủ nhà nam sinh năm 1977 - Đinh Tỵ, mệnh cung là Khôn thì phải đặt nhà vệ sinh ở vị trí góc phía Bắc hoặc phía Đông. Vì phía Bắc là Khảm phối với Khôn là Tuyệt mệnh, phía Đông là Chấn phối với Khôn là Họa hại.

Nhà vệ sinh không nên đặt ở giữa nhà. Trung tâm căn nhà giống như tim của con người, rất quan trọng. Nhà vệ sinh đặt ở đó không phù hợp về mỹ quan cũng như phong thủy. Hệ thống cấp thoát nước buộc phải chạy qua phía dưới các khu vực khác của nhà, không thuận tiện.

Tránh đặt nhà vệ sinh đối diện với cửa ra vào, nếu không người cư ngụ sẽ cảm thấy tổn thất về mặt tài chính, hỗn loạn về sức khỏe hoặc có hôn nhân không tốt đẹp.

Không đặt khu vệ sinh đè lên trên cửa ra vào chính của nhà tầng.



Hình 3.13: Một ví dụ về bố trí phòng vệ sinh

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. *Trình bày cách lập Tinh bàn?*
2. *Thế nào là Vượng sơn, Vượng hướng?*
3. *Trình bày Thượng sơn, Hạ thủy?*
4. *Thế nào là Thu sơn Xuất sát?*
5. *Thế nào là Phán ngâm, Phục Ngâm?*
6. *Trình bày Chính thần và Linh thần?*
7. *Trình bày cách xác định tâm nhà?*
8. *Xác định cung mệnh và các hướng cát, hung?*
9. *Ứng dụng phong thủy trong lựa chọn bố trí hướng nhà tốt?*
10. *Trình bày cách bố trí bàn thờ theo phong thủy?*
11. *Trình bày cách bố trí bếp theo phong thủy?*
12. *Trình bày cách bố trí giường ngủ theo phong thủy?*
13. *Trình bày cách bố trí nhà vệ sinh theo phong thủy?*

CHƯƠNG 4

ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY

4.1. ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG TÍNH NGÀY, GIỜ TỐT

4.1.1. Năm, tháng, ngày xấu cần tránh

4.1.1.1. Năm Thái tuế, Hoang ốc, Kim lâu

Có khá nhiều tài liệu nói về năm xấu cần tránh và là những loại nào, sao nào chiếu. Về cơ bản là dựa vào sự vận động của Cửu tinh theo niên mà suy ra. Trong phạm vi tài liệu này chỉ nhấn mạnh 3 loại năm rất xấu ảnh hưởng đến thực hiện các công việc trọng đại như làm nhà, kết hôn, khai trương kinh doanh..., đó là nên kỵ năm Thái tuế, Hoang ốc, Kim lâu.

Thái tuế:

Chúng ta hay nói “phạm năm tuổi”, đó chính là phạm vào năm Thái tuế. Thái tuế là sao vận vào địa chi. Như vậy, với 12 địa chi sẽ lần lượt là 12 lần Thái tuế trùng trong Bát quái.

Ví dụ: Người sinh tuổi Dần thì vào năm 2010 là phạm Thái tuế, vì năm 2010 là năm Canh Dần.

Như vậy chúng ta rất dễ xác định tuổi phạm Thái tuế, vì cứ sau 12 năm thì lại trùng năm sinh một lần. Vì thế người ta hay gọi là phạm năm tuổi.

Một điều đáng lưu ý là mỗi một năm thì có hướng trong bát trạch phạm Thái tuế. Ví dụ năm 2009 và 2010 là Kỷ Sửu và Canh Dần đều là hướng Đông Bắc, như vậy 2 năm này hướng Đông Bắc phạm Thái tuế. Lời khuyên phong thủy là trong 2 năm đó không nên làm nhà hướng Đông Bắc, hoặc kỵ động thổ hướng này.

Trong phong thủy Thái tuế có ảnh hưởng rất lớn và những ảnh hưởng đó lại là không tốt, khi Thái tuế bay đến ngay hướng nhà ta đang ở, sẽ sinh ra biết bao nhiêu chuyện như thị phi, kiện tụng, tranh chấp, tiểu nhân, tai ương...mà ta thường gọi là gặp thời vận xấu, mà ít ai ngờ là hướng nhà mình đang ở gặp phải Thái tuế sát.

Để biết hướng nhà của ta đến năm nào thì phạm Thái tuế sát, ta xem:

Nhà ở hướng Bắc, thì đến năm Tý là phạm Thái tuế.

Nhà ở hướng Đông Bắc, thì đến năm Sửu, Dần là phạm Thái tuế.

Nhà ở hướng Đông, thì đến năm Mão là phạm Thái tuế.

Nhà ở hướng Đông Nam, thì đến năm Thìn, Tỵ là phạm Thái tuế.

Nhà ở hướng Nam, thì đến năm Ngọ là phạm Thái tuế.

Nhà ở hướng Tây Nam, thì đến năm Mùi, Thân là phạm Thái tuế.

Nhà ở hướng Tây, thì đến năm Dậu là phạm Thái tuế.

Nhà ở hướng Tây Bắc, thì đến năm Tuất, Hợi là phạm Thái tuế.

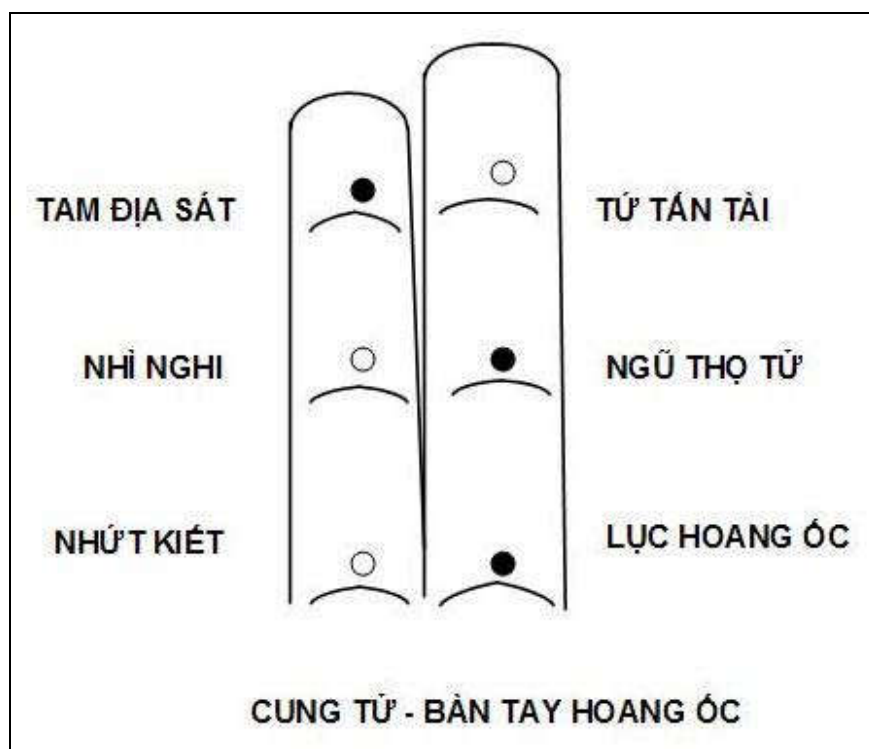
Đặc biệt chú ý: Nếu ta tuổi Tý, nhà ở hướng Bắc, mà gặp năm Thái tuế sát vào năm Tý, thì vận hạn lại càng xấu hơn...

Hoang ốc:

Cũng gần như Thái tuế, Hoang ốc cũng là năm xấu.

Ta có thể dùng bàn tay để tính năm phạm Hoang ốc như hình 4.1.

Khởi 10 tại Nhất kiết và theo chiều thuận, 20 tại Nhì Nghi, 30 tại Tam Địa sát ... hết số chục đến số lẻ, cho tới tuổi của người coi.



Hình 4.1: Bàn tay tính Hoang ốc

Trong đây: NHẤT KIẾT, NHÌ NGHI, TỨ TẤN TÀI là tốt, còn TAM ĐỊA SÁT, NGŨ THỌ TỬ, LỤC HOANG ỐC là xấu.

Thí dụ: Người 44 tuổi làm nhà. Khởi 10 tại KIẾT, 20 tại NGHI, 30 tại ĐỊA SÁT, 40 tại TẤN TÀI, 41 tại THỌ TỬ, 42 tại HOANG ỐC, 43 tại KIẾT, 44 tại NGHI; 44 tuổi được NHÌ NGHI: tốt.

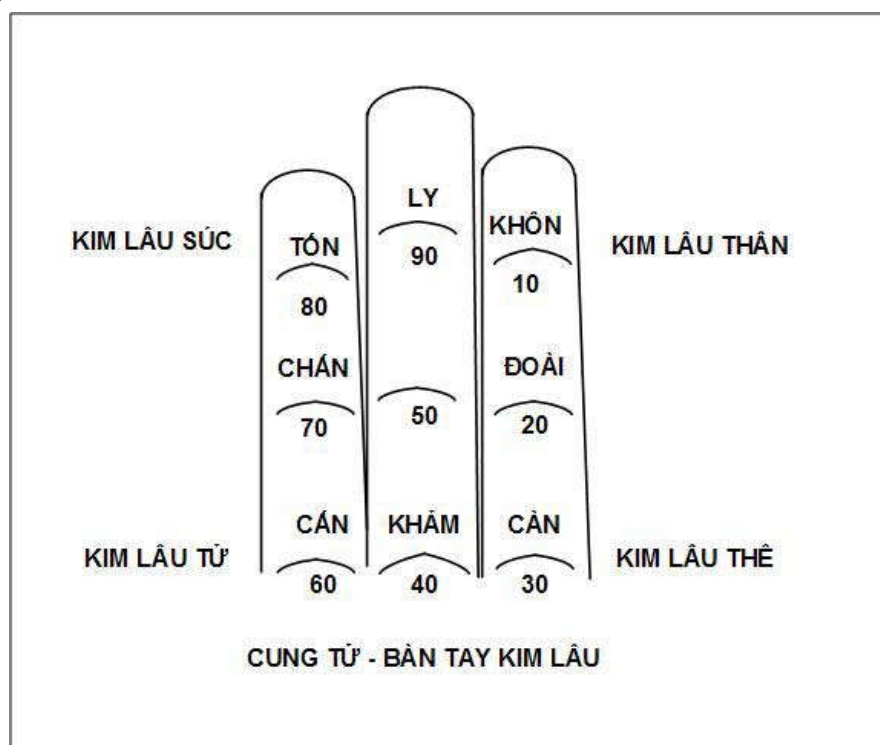
*Nhứt kiết an cư thông vạn sự
Nhì Nghi tấn thất địa sanh tài
Tam Sát nhơn do giai đắc bịnh
Tứ tấn tài chi phước lộc lai
Ngũ tử ly thân phỏng tử biệt
Lục ốc tạo gia bất khả thành.*

Kim lâu:

Kim lâu cũng là một năm xấu. Trừ 8 tuổi sau đây là không kỵ Kim lâu, đó là:

Tân Mùi, Kỷ Mùi, Nhâm Thân, Canh Thân, Kỷ Sửu, Tân Sửu, Canh Dần, Nhâm Dần.

Khởi 10 tại cung Khôn theo chiều thuận, 20 tại Đoài.... Khi gặp 5, 50 thì nhập Trung cung.



Hình 4.2: Bàn tay tính Kim lâu

Hợp nhằm 4 cung: Khâm, Ly, Chấn, Đoài là tốt, còn phạm Khôn kỵ chủ, Càn kỵ vợ, Cấn kỵ con cái, Tốn kỵ lục súc.

Thí dụ 1: Người 44 tuổi cất nhà. Khởi 10 tại Khôn, 20 tại Đoài, 30 tại Càn, 40 tại Khâm, 41 tại Cấn, 42 tại Chấn, 43 tại Tốn, 44 tại Ly: tốt.

Thí dụ 2: Người 37 tuổi cất nhà. Điểm 10 lên Khôn, 20 lên Đoài, 30 lên Càn, 31 lên Khâm, 32 lên Cấn, 33 lên Chấn, 34 lên Tốn, 35 Trung cung, 36 lên Ly, 37 nhằm Khôn, phạm Kim lâu thân, không làm được.

Kim lâu bàng khởi chánh khôn cung,

Thường phi ngũ số nhập trung cung.

Khâm, Ly, Chấn, Đoài vi tứ kiết,

Ngộ Càn, Khôn, Cấn, Tốn giai hung.

Chú ý:

- Cách coi về Kim Lâu và Hoang Ốc, nam nữ coi y như nhau.

- Nếu không chăn nuôi súc vật thì Kim Lâu súc có thể cất nhà được.

4.1.1.2. Tháng, ngày giờ xấu

Đầu tiên là 13 ngày xấu trong năm, đại kỵ:

Ngày 13 tháng giêng

Ngày 11 tháng Hai
 Ngày 9 tháng Ba
 Ngày 7 tháng Tư
 Ngày 5 tháng Năm
 Ngày 3 tháng Sáu
 Ngày 8 , 29 tháng Bảy
 Ngày 27 tháng Tám
 Ngày 25 tháng Chín
 Ngày 23 tháng Mười
 Ngày 21 tháng Mười một
 Ngày 19 tháng chạp.

Tiếp theo là các ngày Nguyệt Kỵ: 5, 14 và 23 hàng tháng.

Sau đó là theo tuổi có những ngày kỵ (tra bảng 4.1).

Bảng 4.1: Bảng nhật can cần tránh

TT	Năm sinh	Ngày cần tránh			
1	Giáp Tý	Giáp Tý	Giáp Ngọ	Canh Tý	Canh Ngọ
2	Ất Sửu	Ất Sửu	Ất Mùi	Tân Sửu	Tân Mùi
3	Bính Dần	Bính Dần	Bính Thân	Nhâm Dần	Nhâm Thân
4	Đinh Mão	Đinh Mão	Đinh Dậu	Quý Mão	Quý Dậu
5	Mậu Thìn	Mậu Thìn	Mậu Tuất	Giáp Thìn	Giáp Tuất
6	Kỷ Tỵ	Kỷ Tỵ	Kỷ Hợi	Ất Tỵ	Ất Hợi
7	Canh Ngọ	Canh Ngọ	Canh Tý	Bính Ngọ	Bính Tý
8	Tân Mùi	Tân Mùi	Canh Tý	Đinh Mùi	Đinh Sửu
9	Nhâm Thân	Nhâm Thân	Nhâm Dần	Mậu Thân	Mậu Dần
10	Quý Dậu	Quý Dậu	Quý Mão	Kỷ Dậu	Quý Mão
11	Giáp Tuất	Giáp Tuất	Giáp Thìn	Canh Tuất	Canh Thìn
12	Ất Hợi	Ất Hợi	Ất Tỵ	Tân Hợi	Tân Tỵ
13	Bính Tý	Bính Tý	Bính Ngọ	Nhâm Tý	Nhâm Ngọ
14	Đinh Sửu	Đinh Sửu	Đinh Mùi	Quý Sửu	Quý Mùi
15	Mậu Dần	Mậu Dần	Mậu Thân	Giáp Dần	Giáp Thân
16	Kỷ Mão	Kỷ Mão	Kỷ Dậu	Ất Mão	Ất Dậu
17	Canh Thìn	Canh Thìn	Canh Tuất	Bính Thìn	Bính Tuất
18	Tân Tỵ	Tân Tỵ	Tân Hợi	Đinh Tỵ	Đinh Hợi
19	Nhâm Ngọ	Nhâm Ngọ	Nhâm Tý	Mậu Ngọ	Mậu Tý
20	Quý Mùi	Quý Mùi	Quý Sửu	Kỷ Mùi	Kỷ Sửu
21	Giáp Thân	Giáp Thân	Giáp Dần	Canh Thân	Canh Dần

TT	Năm sinh	Ngày cần tránh			
22	Ất Dậu	Ất Dậu	Ất Mão	Tân Dậu	Tân Mão
23	Bính Tuất	Bính Tuất	Bính Thìn	Nhâm Tuất	Nhâm Thìn
24	Đinh Hợi	Đinh Hợi	Đinh Tỵ	Quý Hợi	Quý Tỵ
25	Mậu Tý	Mậu Tý	Mậu Ngọ	Giáp Tý	Giáp Ngọ
26	Kỷ Sửu	Kỷ Sửu	Kỷ Mùi	Ất Sửu	Ất Mùi
27	Canh Dần	Canh Dần	Canh Thân	Bính Dần	Bính Thân
28	Tân Mão	Tân Mão	Tân Dậu	Đinh Mão	Đinh Dậu
29	Nhâm Thìn	Nhâm Thìn	Nhâm Tuất	Mậu Thìn	Mậu Tuất
30	Quý Tỵ	Quý Tỵ	Quý Hợi	Kỷ Tỵ	Kỷ Hợi
31	Giáp Ngọ	Giáp Ngọ	Giáp Tý	Canh Ngọ	Canh Tý
32	Ất Mùi	Ất Mùi	Ất Sửu	Tân Mùi	Tân Sửu
33	Bính Thân	Bính Thân	Bính Dần	Nhâm Thân	Nhâm Dần
34	Đinh Dậu	Đinh Dậu	Đinh Mão	Quý Dậu	Quý Mão
35	Mậu Tuất	Mậu Tuất	Mậu Thìn	Giáp Tuất	Giáp Thìn
36	Kỷ Hợi	Kỷ Hợi	Kỷ Tỵ	Ất Hợi	Ất Tỵ
37	Canh Tý	Canh Tý	Canh Ngọ	Bính Tý	Bính Ngọ
38	Tân Sửu	Tân Sửu	Tân Mùi	Đinh Sửu	Đinh Mùi
39	Nhâm Dần	Nhâm Dần	Nhâm Thân	Mậu Dần	Mậu Thân
40	Quý Mão	Quý Mão	Quý Dậu	Kỷ Mão	Kỷ Dậu
41	Giáp Thìn	Giáp Thìn	Giáp Tuất	Canh Thìn	Canh Tuất
42	Ất Tỵ	Ất Tỵ	Ất Hợi	Tân Tỵ	Tân Hợi
43	Bính Ngọ	Bính Ngọ	Bính Tý	Nhâm Ngọ	Nhâm Tý
44	Đinh Mùi	Đinh Mùi	Đinh Sửu	Quý Mùi	Quý Sửu
45	Mậu Thân	Mậu Thân	Mậu Dần	Giáp Thân	Giáp Dần
46	Kỷ Dậu	Kỷ Dậu	Kỷ Mão	Ất Dậu	Ất Mão
47	Canh Tuất	Canh Tuất	Canh Thìn	Bính Tuất	Bính Thìn
48	Tân Hợi	Tân Hợi	Tân Tỵ	Đinh Hợi	Đinh Tỵ
49	Nhâm Tý	Nhâm Tý	Nhâm Ngọ	Mậu Tý	Mậu Ngọ
50	Quý Sửu	Quý Sửu	Quý Mùi	Kỷ Sửu	Kỷ Mùi
51	Giáp Dần	Giáp Dần	Giáp Thân	Canh Dần	Canh Thân
52	Ất Mão	Ất Mão	Ất Dậu	Tân Mão	Tân Dậu
53	Bính Thìn	Bính Thìn	Bính Tuất	Nhâm Thìn	Nhâm Tuất
54	Đinh Tỵ	Đinh Tỵ	Đinh Hợi	Quý Tỵ	Quý Hợi
55	Mậu Ngọ	Mậu Ngọ	Mậu Tý	Giáp Ngọ	Giáp Tý

TT	Năm sinh	Ngày cần tránh			
		Kỷ Mùi	Kỷ Sửu	Ất Mùi	Ất Sửu
56	Kỷ Mùi	Kỷ Mùi	Kỷ Sửu	Ất Mùi	Ất Sửu
57	Canh Thân	Canh Thân	Canh Dần	Bính Thân	Bính Dần
58	Tân Dậu	Tân Dậu	Tân Mão	Đinh Dậu	Đinh Mão
59	Nhâm Tuất	Nhâm Tuất	Nhâm Thìn	Mậu Tuất	Mậu Thìn
60	Quý Hợi	Quý Hợi	Quý Tỵ	Kỷ Hợi	Kỷ Tỵ

Qua bảng 4.1 ta thấy, mỗi tuổi có 4 ngày kỵ:

- Ngày kỵ thứ nhất có can chi trùng với can chi của năm sinh.
- Ngày kỵ thứ hai có can trùng với can của năm sinh và chi xung với chi của năm sinh. Có cách tính không cần tra bảng, đó là tìm chi xung bằng cách tính xuôi từ chi của năm sinh đến chi thứ bảy (tính cả chi của năm sinh).
- Ngày kỵ thứ ba và thứ tư có can tìm bằng cách tính xuôi từ can của năm sinh đến can thứ 7 (tính cả can của năm sinh), và có chi lần lượt trùng với chi của ngày kỵ thứ nhất và chi của ngày kỵ thứ hai.

Do đó chỉ cần nắm quy luật này ta có thể không cần dùng bảng tra vẫn tìm ra 4 ngày kỵ của bất kỳ năm sinh nào trong Lục thập hoa giáp.

4.1.2. Cách tính và chọn ngày giờ tốt

Để tìm năm, tháng, ngày tốt cho làm nhà, hôn lễ, và một số việc trong đại thì cần căn cứ vào mệnh quái, âm dương ngũ hành và tránh các năm, tháng, ngày xấu trên.

Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng cần phải làm như vậy đối với trường hợp thường ngày ta làm. Vì thế trong phạm vi tài liệu này chỉ đưa ra cách tính ngày, giờ đơn giản theo Lục Nhâm tiểu độ.

Để tính chúng ta dùng bàn tay để tính như hình 4.3.

2. Lưu liên	3. Tốc hỷ	4. Xích khẩu
1. Đại an	6. Không vong	5. Tiểu cát

Hình 4.3: Bàn tay Lục nhâm tiểu độ

Cách tính:

Khởi tháng ở cung Đại an, bắt đầu từ tháng Giêng, thứ tự theo chiều kim đồng hồ, mỗi cung một tháng. Sau khi có cung của tháng, ta khởi ngày mùng một ở cung đó, đếm thuận mỗi cung một ngày tới ngày hiện tại. Ta khởi giờ ở cung đó là giờ Tý, đếm mỗi giờ một cung cho tới giờ hiện tại.

Thí dụ: Ngày 09 tháng 09 âm lịch, giờ Tị, có người nhờ tính, ta lấy cung như sau: Tháng 09 ở cung TỐC HỖ, ngày 9 ở cung TIỂU CÁT, giờ Tị ở cung XÍCH KHẨU. Vậy ta có tháng TỐC HỖ + ngày TIỂU CÁT + giờ XÍCH KHẨU.

- Ở độn toán, người ta chỉ dùng NGÀY và GIỜ để tính, còn cung THÁNG chỉ phụ giúp thôi.

- NGÀY là chủ, là mình. GIỜ là khách, là việc.

- Tháng phụ gúp cho hai ý trên theo tuổi

Giải thích ý nghĩa của 6 cung :

1- ĐẠI AN: Tính chất cung này hiền lành, cầu an, gặp xấu giảm xấu, gặp tốt giảm tốt.

Tượng hình: Căn nhà, bất động sản, hộp gỗ

Kinh nghiệm: Xuất hành vào giờ, ngày Đại An, thì tìm người hay vắng nhà, lo việc hay bị dờn ngày, chỉ có đi xa là bình an vô sự.

2- LƯU LIÊN: Tính chất cung này trì trệ, kéo dài, gặp xấu thì tăng xấu, gặp tốt thì tăng tốt, vì nó là hành Hỏa.

Tượng hình: Cơ quan luật pháp, nhà thương, nhà tù, giấy tờ.

Kinh nghiệm: Xuất hành vào giờ Lưu Liên dễ gặp người, và hay ngồi lâu, rất nhiều người có thư tín ở ngày Lưu Liên.

3- TỐC HỖ: Tính chất cung này là thông tin, thư tín, nói chung là các phương tiện và tính chất thông tin.

Tượng hình: Đám cưới, tình cảm, tin thư.

Kinh nghiệm: Đang mong người ở xa mà gặp cung Tốc Hổ thì người ở xa sẽ về.

4- XÍCH KHẨU: Tính chất cung này là ăn uống, bàn cãi, nói chung là các chất có liên quan tới miệng.

Tượng hình: Đám tiệc, đại hội, xe cộ, quán xá.

Kinh nghiệm: Xuất hành mà gặp ngày hay giờ Xích Khẩu thì hay gặp chuyện bàn luận, ăn uống.

5- TIỂU CÁT: Tính chất cung này chủ về lợi lộc, làm ăn giao dịch, buôn bán.

Tượng hình: Chợ búa, nơi giao dịch buôn bán.

Kinh nghiệm: Xuất hành vào ngày giờ Tiểu Cát thì hay gặp bạn, công việc trôi chảy tốt đẹp.

6- KHÔNG VONG: Tính chất cung này là ma quái, tai nạn, trộm cắp, nói chung các tính chất xấu.

Tượng hình: Đám ma, nghĩa địa, vũng lầy.

Kinh nghiệm: Ngày giờ Không Vong rất xấu, rất nhiều người mất của vào ngày giờ này mà không tìm lại được.

Ghi chú: 6 tính chất của 6 cung trên là tính chất căn bản dùng phối hợp với Lục thập hoa giáp ngày và giờ.

6 cung trên khi phối hợp với nhau sẽ mạng lại ý nghĩa mới.

Sau đây là các ý nghĩa của các cung phối hợp với nhau:

Ý nghĩa mới của 6 cung phối hợp :

1- ĐẠI AN

- + Đại An: Bình an không có việc gì hết
- + Lưu Liên: Dừng dằng khó quyết định, nửa muốn nửa không
- + Túc Hi: Nếu Túc Hi là giờ, thì lợi việc tiến hành nhanh, gấp.
- + Xích Khẩu: Dời đổi, đi đứng liên quan vận chuyển
- + Tiểu Cát: Thất nghiệp chờ việc, sửa nhà
- + Không Vong: Buồn phiền, bế tắc.

2- LƯU LIÊN

- + Lưu Liên: Trì trệ, chờ đợi, rắc rối pháp luật
- + Túc Hi: Bực tức, thư tín xa
- + Xích Khẩu: Xung đột mang tới pháp lý, họa khẩu
- + Tiểu Cát: Tài lộc lớn, buôn bán lớn
- + Không Vong: Chui luồn, trốn chạy, các việc làm phi pháp.
- + Đại An: Dừng dằng, khó quyết định.

3- TÚC HI

- + Túc Hi: Có việc bất ngờ, tin thư xa.
- + Xích Khẩu: Cải vã, tranh luận, khẩu thiệt
- + Tiểu Cát: Có quà cáp, lợi lộc bất ngờ.
- + Không Vong: Du lịch, vui chơi
- + Đại An: Nếu Đại An là giờ, thì lợi việc lâu dài.
- + Lưu Liên: Bực tức, thư tín xa.

4- XÍCH KHẨU

- + Xích Khẩu: Bận luận, tranh cãi, ăn uống.
- + Tiểu Cát: Bàn làm ăn, dịch vụ, môi giới
- + Không Vong: Trước xấu sau tốt (tốt phần sau)
- + Đại An: Dời đổi, đi đứng, vận chuyển.
- + Lưu Liên: Xung đột đưa tới pháp lý, họa khẩu.
- + Túc Hi: Cải vã, tranh luận, khẩu thiệt.

5- TIỂU CÁT

- + Tiểu Cát: Công việc làm ăn lớn, lợi lộc lớn
- + Không Vong: Tồn tài, lỗ lã, ốm đau
- + Đại An: Thất nghiệp, chờ việc, sửa nhà.
- + Lưu Liên: Tài lộc lớn, buôn bán lớn

- + Tóc Hi: (coi phần trên)
- + Xích Khẩu: (coi phần trên)

6- KHÔNG VONG

+ Không Vong: Chết chóc, xui rủi lớn, nói chung là các hiện tượng xấu ở độ cao.

- + Đại An: (coi phần trên)
- + Lưu Liên (coi phần trên)
- + Tóc Hi: (coi phần trên)
- + Xích Khẩu: (coi phần trên)
- + Tiểu Cát: (coi phần trên)

Tóm lại: Chúng ta cần căn cứ vào công việc định làm mà quyết định chọn ngày giờ tốt.

4.2. ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG HỢP HÔN

Trong kết hôn người ta thường hay nói về tuổi nam nữ có hợp hay không. Thực ra nếu chỉ tính về tuổi hợp hay không thì thật là phiến diện và sai lầm. Vì thế trong Phong thủy, việc tính toán xem nam nữ hợp và tốt xấu đến đâu khi phối hợp với nhau thì cần phải dựa vào 3 căn cứ quan trọng, đó là:

- Hợp cung mệnh
- Hợp âm dương ngũ hành
- Hợp tuổi

4.2.1. Hợp cung mệnh

Trong chương 3 chúng ta đã đề cập đến cung mệnh của nam và nữ theo tuổi. Ở phần này cần phải xem các cung mệnh nào hợp nhau và hợp mức độ nào. Thông thường có hai nhóm cung mệnh là Đông tứ mệnh và Tây tứ mệnh.

- Đông tứ mệnh là các cung: 1, 3, 4, 9
- Tây tứ mệnh là các cung: 2, 5, 6, 7, 8.

(Tra trong sơ đồ hình 3.2, 3.3, 3.4 và 3.5 – chương 3)

Nam nữ cùng nhóm cung mệnh là hợp hôn, nhưng mức độ thì phải tra bảng (Bảng 4.2).

Luận giải về mức độ tốt, xấu thì căn cứ vào việc giải nghĩa sau:

Nếu gặp:

- Sinh khí là thượng cát
- Diên niên (Phúc đức) là thượng cát
- Thiên y là trung cát
- Phục vị là tiểu cát
- Tuyệt mạng là đại hung
- Ngũ quỷ là đại hung
- Lục sát là thứ hung

- Họa hại là thứ hung.

Bảng 4.2: Nam nữ cung phối hợp

Tám cửa	Cung															
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Sinh khí	6	7	1	4	8	2	3	9	4	1	9	3	2	8	7	6
Ngũ quý	6	3	1	8	8	1	3	6	4	2	9	7	2	4	7	9
Diên niên	6	2	1	9	8	7	3	4	4	3	9	1	2	6	7	8
Lục sát	6	1	1	6	8	3	3	8	4	7	9	2	2	9	7	4
Họa hại	6	4	1	7	8	9	3	2	4	6	9	8	2	3	7	1
Thiên y	6	8	1	3	8	6	3	1	4	9	9	4	2	7	7	2
Tuyệt mạng	6	9	1	2	8	4	3	7	4	8	9	6	2	1	7	3
Phục vị	6	6	1	1	8	8	3	3	4	4	9	9	2	2	7	7

Từ bảng 4.2 chúng ta có thể dễ dàng tìm ra sự phối hợp tốt hay xấu của cung mạng nam và nữ. Đây là căn cứ thứ nhất cho việc chọn hợp hôn.

4.2.2. Hợp âm dương ngũ hành

Căn cứ thứ hai để chọn hợp hôn là Ngũ hành tương sinh. Khi nam và nữ có âm dương ngũ hành tương sinh là tốt. Cụ thể là Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy.

Về nguyên tắc, nam nữ có âm dương ngũ hành tương khắc thì không tốt. Cụ thể là Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc.

Tuy nhiên, không phải tất cả áp dụng máy móc như trên. Trong thuyết Ngũ hành nạp âm, có khi hành này khắc với hành kia không phải là xấu mà lại nhờ khắc đó mà ra tốt. Cụ thể như sau:

Hành Kim:

- Bốn thứ Kim: Hải trung kim, Bạch Lạp kim, Kim bạch kim và Xoa xuyên kim đều kỵ Hỏa.

- Hai thứ Kim: Sa trung kim và Kiếm phong kim thì khắc Mộc, nhưng không khắc Hỏa, mà phải nhờ Hỏa mới nên hình. Tất nhiên chưa kể gặp xung khắc địa chi (ví dụ: Nhâm Thân, Quý Dậu gặp Bính Dần, Đinh Mão thì nên tránh).

Hành Hỏa:

- Ba thứ Hỏa: Phú đăng hỏa, Lư trung hỏa, Sơn đầu hỏa đều sợ Thủy khắc.

- Ba thứ Hỏa: Thiên thượng hỏa, Thích lịch hỏa, Sơn hạ hỏa lại không sợ Thủy.

Hành Mộc:

- Năm thứ Mộc: Tòng bá mộc, Dương liễu mộc, Tân đồ mộc, Thạch lựu mộc, Đại lâm mộc đều bị Kim khắc.

- Chỉ một thứ Mộc: Bình địa mộc là không sợ Kim khắc, mà nếu được Kim khắc thì càng tốt.

Hành Thủy:

- Hai thứ Thủy: Thiên hà thủy và Đại hải thủy không khi nào sợ Thổ khắc. Trừ khi gặp can chi thiên khắc địa xung (Ví dụ: Bính Ngọ, Đinh Mùi gặp Canh Tý, Tân Sửu) thì nên tránh xa là tốt hơn.

- Còn lại các Thủy khác: Giáng hạ thủy, Tuyền trung thủy, Trường lưu thủy, Đại Khê thủy đều bị Thổ khắc.

Hành Thổ:

- Ba thứ Thổ: Thành đầu thổ, Ốc thượng thổ, Bích thượng thổ sợ Mộc khắc.

- Ba thứ Thổ khác: Lộ bàng thổ, Đại địch thổ, Sa trung thổ đều không sợ Mộc khắc. Ngược lại nếu được Mộc khắc thì đời người sẽ được thanh khiết, cao sang, đỗ đạt cao.

Ngũ hành nạp âm tỷ hòa:

Tỷ hòa nghĩa là cùng chung ngũ hành. Về cơ bản thì cùng ngũ hành là tốt – Như nạp âm trùng tương sinh. Nên mới nói:

- Lưỡng Hỏa thành viêm (lửa nóng)
- Lưỡng Mộc thành lâm (rừng)
- Lưỡng Thủy thành xuyên (sông)
- Lưỡng Thổ thành sơn (núi)
- Lưỡng Kim thành khí (đồ dùng).

Tất nhiên phải có Can Chi sinh hợp thì mới được. Ví dụ: Giáp Thìn và Bính Thân hay Ất Tỵ và Đinh Dậu là giữa Phú đẳng hỏa và Sơn hạ hỏa là Lưỡng hỏa thành viêm.

Còn một số trường hợp xấu là:

- Lưỡng Mộc Mộc chiết
- Lưỡng Kim Kim khuyết
- Lưỡng Hỏa Hỏa diệt
- Lưỡng Thủy Thủy kiệt
- Lưỡng Thổ Thổ liệt.

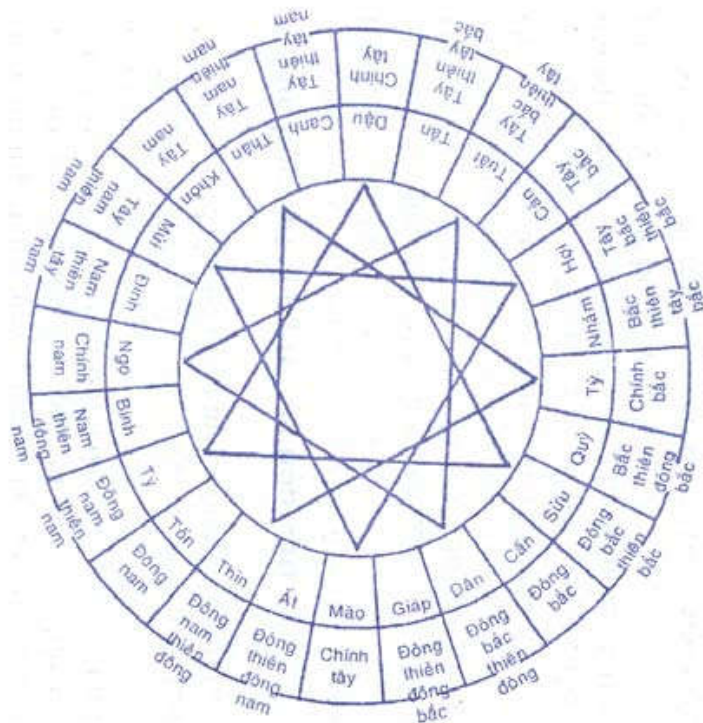
Đó là khi có Can khắc hay Chi xung. Ví dụ: Mậu Tý và Mậu Ngọ hay Kỷ Sửu và Kỷ Mùi là Thích lịch hỏa và Thiên thượng hỏa.

Lưu ý: Chính ngũ hành là căn bản, còn ngũ hành nạp âm là phụ thôi.

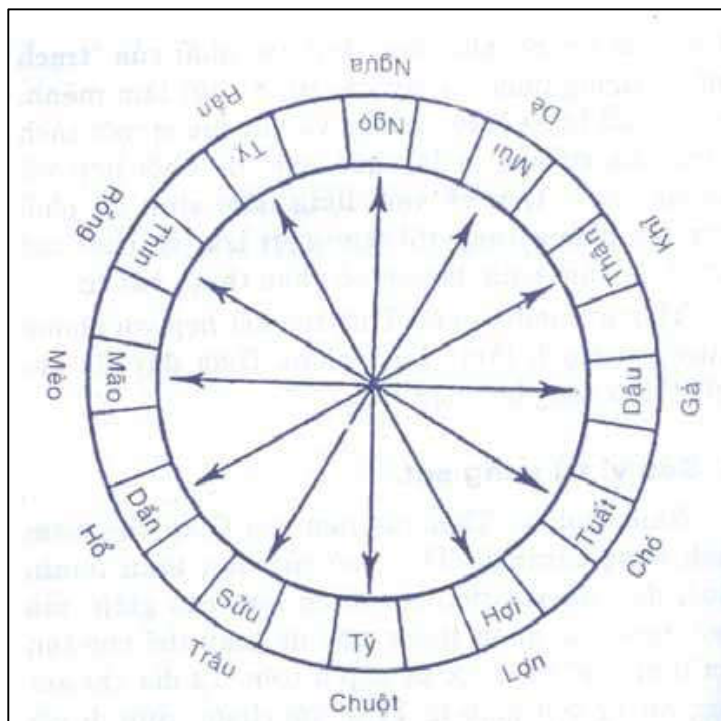
4.2.3. Hợp can, chi

Từ trước tới nay mọi người đều coi tuổi hợp hay tuổi xung là cơ bản! Thực ra đấy không phải là chính mà phải có cung mạng hợp, ngũ hành hợp thì mới tốt. Tuy nhiên, cũng không thể bỏ qua Tam hợp, Tứ hành xung.

Để biết Tam hợp và Tứ hành xung là gì thì xem sơ đồ hình 4.4 và 4.5 sau.



Hình 4.4: Tam hợp



Hình 4.5: Tứ hành xung

4.3. ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG ÂM TRẠCH VÀ NGƯỜI CHẾT

4.3.1. Ứng dụng phong thủy trong nhận định âm trạch

Trong thuật phong thủy, chọn đất có sinh khí để mai táng tổ tiên được coi là rất quan trọng. Trước hết vì đó là quan niệm sống gửi, thác về trong đạo Phật. Sau nữa âm phần có ảnh hưởng đến thế hệ sau rất lớn. Chôn cất không đúng cách có thể gây hậu họa cho nhiều đời.

Đến đây một câu hỏi nữa được đặt ra là tại sao việc chọn đất có sinh khí để mai táng tổ tiên lại có thể đem phúc lộc cho con cháu, tức là “táng tiên” lại có thể “ấm hậu”. Trong trước tác “Táng thư”, Quách Phác đã nêu luận điểm: “Khí cảm như ứng, quý phúc cập nhân”, có nghĩa là những vật đồng chất với nhau có quan hệ cảm ứng lẫn nhau.

Vì vậy, tổ tiên, cha mẹ và hậu duệ con cháu là đồng khí, là một chất, chúng có quan hệ cảm ứng với nhau. Cho nên “quý phúc cập nhân” nghĩa là tổ tiên mang lại phúc ấm cho con cháu.

Để lựa chọn huyệt tốt thì căn cứ vào các yếu tố sau:

- Căn cứ vào cung mệnh của người chết để chọn hướng cho âm trạch (Việc lựa chọn hướng cũng giống như cho dương trạch).

- Chọn vị trí huyệt: Huyệt tốt là phải hội tụ đủ 4 yếu tố “Tứ thần” trong âm phần, đó là: Thanh long, Chu tước, Bạch hổ, Huyền vũ. Vị trí âm phần nên ở giữa tứ thần đó theo cách: đầu gối vào Huyền vũ, chân đạp Chu tước, bên trái là Thanh long, bên hữu là Bạch hổ. Nếu trước mặt có sông chảy quanh thì càng tuyệt vời. Ở nơi đồng bằng thì hãy ngắm núi xa mà hình dung, cộng với chọn hướng.

- Vị trí huyệt mộ cần “Tàng phong Tụ khí”, nghĩa là phải tụ khí và không có dòng nước chảy qua.

Ngoài ra cần lựa chọn ngày giờ để táng. Ngày giờ phụ thuộc vào tuổi người chết, năm ngày giờ mất và ngày giờ thực tại.

Một số điều nên tránh:

- Chôn ở chỗ gần đường tàu, nhà máy có máy móc nặng rung động.
- Chôn ở chỗ gần cây cỏ thụ
- Chôn ở chỗ mà trên đầu có ao, hồ, đường tàu, xa lộ.
- Chôn ở chỗ quanh năm ngập nước phèn, sinh lầy.
- Chôn ở chỗ có mỏ khoáng chất.
- Chôn ở chỗ đồi núi giao nhau ở phía trước mặt.
- Chôn quay đầu xuống chỗ thấp, chân đạp núi.
- Chôn trùng huyệt hoặc chỗ đất đào lên có xương động vật....

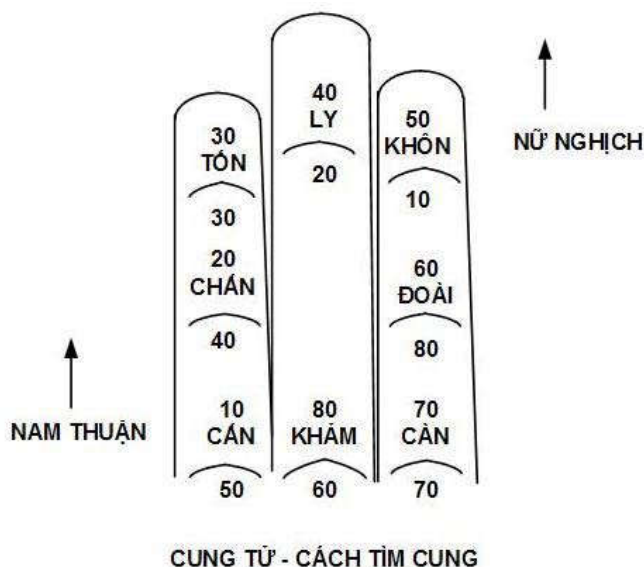
4.3.2. Phong thủy trong tính cung người chết, luận tốt xấu

Ngoài việc chọn đất, chọn hướng cho mồ mả thì Phong thủy cũng đề cập đến cung người chết phạm vào sẽ luận tốt xấu ra sao.

Để đơn giản hóa, người ta đưa ra Bàn tay tính cung người chết (cung tử) như sau:

Cung tử là cung của người chết. Tìm cung người chết để biết tốt xấu vì người chết nhằm năm tốt hay xấu có ảnh hưởng đến con cháu người còn sống được hưng vượng hay bị suy vong.

Muốn tìm cung tử coi theo bàn tay mà tính (Hình 4.6).



Hình 4.6: Bàn tay tính cung tử

Cách đếm: Người chết năm ấy được bao nhiêu tuổi, cứ lấy số tuổi đó mà tính. Nữ khởi tại cung Khôn đếm theo chiều nghịch. Nam khởi tại cung Cấn đếm theo chiều thuận, Đại số và Tiểu số đều liên tiếp, hết số chục tới số lẻ, tới tuổi của người chết coi nhằm cung nào, lấy cung đó mà tính tốt xấu.

Thí dụ: Người chết 62 tuổi, coi nam cung gì? nữ cung gì?

Cung nữ: Bấm tay tại cung Khôn (theo bàn tay trên) đếm 10, theo chiều nghịch, 20 tại cung Ly, 30 tại cung Tốn, 40 tại cung Chấn, 60 tại cung Khâm, 61 tại cung Càn, 62 tại cung Đoài. Bà 62 tuổi chết nhằm cung Đoài.

Cung nam: Bấm tay lên cung Cấn theo chiều thuận đếm: 10 tại Cấn, 20 tại Chấn, 30 tại Tốn, 40 tại Ly, 50 tại Khôn, 60 tại Đoài, 61 tại Càn, 62 tại Khâm. Ông 62 tuổi chết nhằm cung Khâm.

Muốn biết cung tử tốt hay xấu cho con cháu thì coi bài dưới đây, tên cung viết chữ thường là xấu, còn viết chữ IN HOA là tốt.

Càn ngộ hung thần gia chủ nguy (*phạm hung thần*)

KHÂM phùng vạ sự đắc giai kỳ (*con cháu gặp may mắn*)

CẤN cung an ổn bình thường sự (*con cháu bình an*)

CHẤN tích kim ngân lợi khả tri (*con cháu giàu có*)

Tốn ngộ quan tài tam mang một (*động trong dòng họ, chết chóc*)

Ly sanh khẩu thiệt, tử tận suy (*thị phi, con cháu nghèo nan*)

KHÔN ngộ quy nhơn, quan chức trọng (*con cháu thăng quan, tiến chức*)

Đoàn quy tán tộc hữu trùng bì (*gia tộc ly tán, chết chóc*)

4.3.3. Phong thủy trong tính trùng tang

Dân gian Á Đông xưa rất quan tâm đến nghi thức an táng cho người vừa mới mất. Người xưa cho rằng người ruột thịt vừa mất có ảnh hưởng tốt, xấu tới những người thân cùng huyết thống đang sống. Do vậy, họ có nhiều nghi thức tế lễ, an táng cho người mới ra đi vào cõi vĩnh hằng. Một trong những nghi lễ quan trọng hàng đầu đó là tính xem tuổi, tháng, ngày, giờ của người mất có hợp với quy luật cuộc đời của “chính họ” hay không. Dựa vào tuổi của người mất và ngày, tháng, giờ mất của họ để tính xem: người đó có được “Nhập mộ” hay gặp phải “Thiên di”, “Trùng tang”.

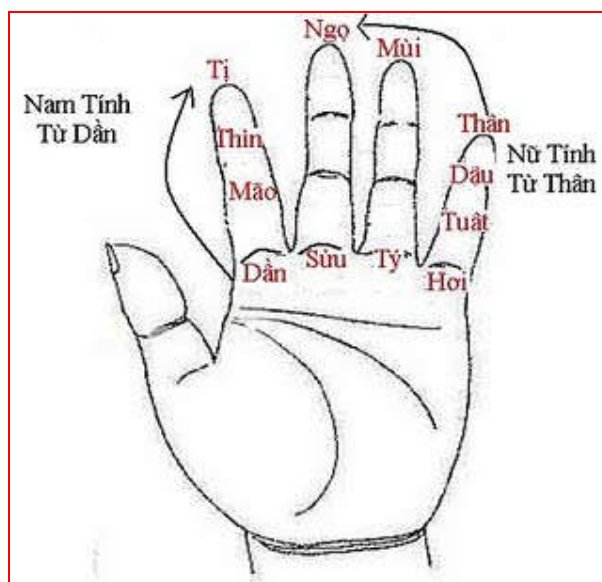
- “Nhập mộ”: Là người mất ra đi và được nằm xuống vĩnh viễn, không còn vương vấn trần ai. Thể hiện sự an lành, yên nghỉ. Chỉ cần một “Nhập mộ” của tuổi hoặc tháng, ngày giờ là được coi là tốt.

- “Thiên di”: Là dấu hiệu ra đi do “Trời định”, người mất lúc đó được trời đưa đi. Sự ra đi này nằm ngoài mong muốn của người mất, nhưng cũng là hợp với lẽ trời.

- “Trùng tang”: Là dấu hiệu ra đi không hợp số phận, không dứt khoát, có nhiều ảnh hưởng tới người ở lại. Theo quan niệm xưa, nếu gặp phải trùng tang mà không có “Nhập mộ” nào thì cần phải mời người có kinh nghiệm làm lễ “Trấn trùng tang”.

Cách tính trùng tang phổ biến như sau:

Dùng 12 cung địa chi trên bàn tay để tính. Nam khởi từ Dần tính theo chiều thuận, Nữ khởi từ Thân tính theo chiều nghịch (*Hình 4.7*).



Hình 4.7: Bàn tay tính Trùng tang

- Bắt đầu là 10 tuổi, cung tiếp theo là 20 tuổi, ... tính đến tuổi chẵn của tuổi người mất. Sau đó cung tiếp theo là tuổi lẻ tính đến tuổi của người mất, gặp ở cung nào thì tính là cung tuổi.

- Từ cung tuổi, tính cung tiếp theo là tháng 1, tính lần lượt đến tháng mất, gặp cung nào thì cung đó là cung tháng.

- Từ cung tháng, tính cung tiếp theo là ngày 1, tính lần lượt đến ngày mất, gặp cung nào thì tính cung đó là cung ngày.

- Từ cung ngày, tính cung tiếp theo là giờ Tý, tính lần lượt đến giờ mất, gặp cung nào thì tính cung đó là cung giờ.

Nhận xét: Nếu các cung tuổi, tháng, ngày, giờ gặp các cung:

- *Dần - Thân - Tị - Hợi*: là gặp cung Trùng tang

- *Tý - Ngọ - Mão - Dậu*: là gặp cung Thiên di

- *Thìn - Tuất - Sửu – Mùi*: là gặp cung Nhập mộ.

Chỉ cần gặp được một cung Nhập mộ là coi như yên lành, không cần phải làm lễ trấn trùng tang.

Ví dụ: Tính cho cụ ông mất giờ Tý, ngày 3 tháng 3, thọ 83 tuổi. Cụ ông Khởi từ cung Dần tính chiều thuận: 10 tuổi ở Dần, 20 tuổi ở Mão, 30 tuổi ở Thìn... 80 tuổi ở Dậu, đến tuổi lẻ 81 ở Tuất, 82 ở Hợi, 83 ở Tí. Vậy cung tuổi là cung Tý là cung Thiên di. Tính tiếp tháng 1 là Sửu, tháng 2 ở Dần, tháng 3 ở Mão, vậy cung tháng là Mão là cung Thiên di. Tính ngày mồng 1 là Thìn, ngày mồng 2 là Tị, mồng 3 là Ngọ, vậy cung ngày là Ngọ gặp Thiên di. Tính tiếp cho giờ, giờ tý tại Mùi, vậy cung giờ là cung Mùi được cung Nhập mộ. Như vậy cụ ông có 3 cung thiên di, 1 cung nhập mộ. Vậy là hợp với lẽ trời và đất.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. *Trình bày cách xác định năm, tháng, ngày xấu cần tránh?*
2. *Trình bày cách tính ngày tốt theo Lục Nhâm tiểu vận?*
3. *Trình bày Hợp cung mệnh trong hợp hôn?*
4. *Trình bày Hợp âm dương ngũ hành trong hợp hôn?*
5. *Trình bày Hợp can chi trong hợp hôn?*
6. *Trình bày ứng dụng phong thủy trong nhận định âm trạch?*
7. *Trình bày cách tính cung người chết, luận tốt xấu?*
8. *Trình bày cách tính trùng tang?*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Âu Dương Vũ Phong (Di Linh dịch), 2008

Phong thủy nhà ở. NXB Đà Nẵng

Vương Ngọc Đức, Lưu Đại Siêu, Chu Vinh Ích (Vương Tuyền dịch), 2009

Bí ẩn về chọn ngày. NXB Hà Nội

Trần Văn Hải, 2003

Địa lý Phong thủy toàn thư. NXB Văn hóa Thông tin

Nguyễn Bích Hằng, 2007

Phong thủy với vẻ đẹp kiến trúc môi trường, NXB Mỹ thuật

Lillian Too (Nguyễn Mạnh Thảo dịch), 2008

Khoa học Phong thủy trong cuộc sống. NXB Trẻ

Lý Cư Minh, 2009

Phong thủy để phát đạt. NXB Văn hóa Thông tin

Hoàng Gia Ngôn, Quý Long, 2007

Phong thủy phòng ngủ, NXB Hải Phòng

Hoàng Gia Ngôn, Quý Long, 2007

Phong thủy môi trường, NXB Hải Phòng

Duy Nguyên, Trần Sinh, 2009

Bí mật gia cư - Âm trạch và Dương trạch, NXB Thanh Hóa

Tôn Nhan, Nguyễn Nguyên Quân, 2000

Chọn hướng nhà hướng đất theo quan niệm cổ. NXB Thanh niên

Lương Trọng Nhàn, 2008

Phong thủy Hoa cảnh nội thất. NXB Văn hóa Thông tin

Tổng Triệu Quang, 2007

Phong thủy Thực hành: Thao tác và ứng dụng phong thủy. NXB Hải phòng

Bình Nguyên Quân (Trọng Hùng fengshui sưu tầm và giới thiệu), 2010

Huyền không học và luận giải. Website: <http://phongthuytrungquoc.com/>

Bình Nguyên Quân (Trọng Hùng fengshui sưu tầm và giới thiệu), 2010

Bố trí nội thất theo phong thủy. Website: <http://phongthuytrungquoc.com/>

Các trang Web về phong thủy